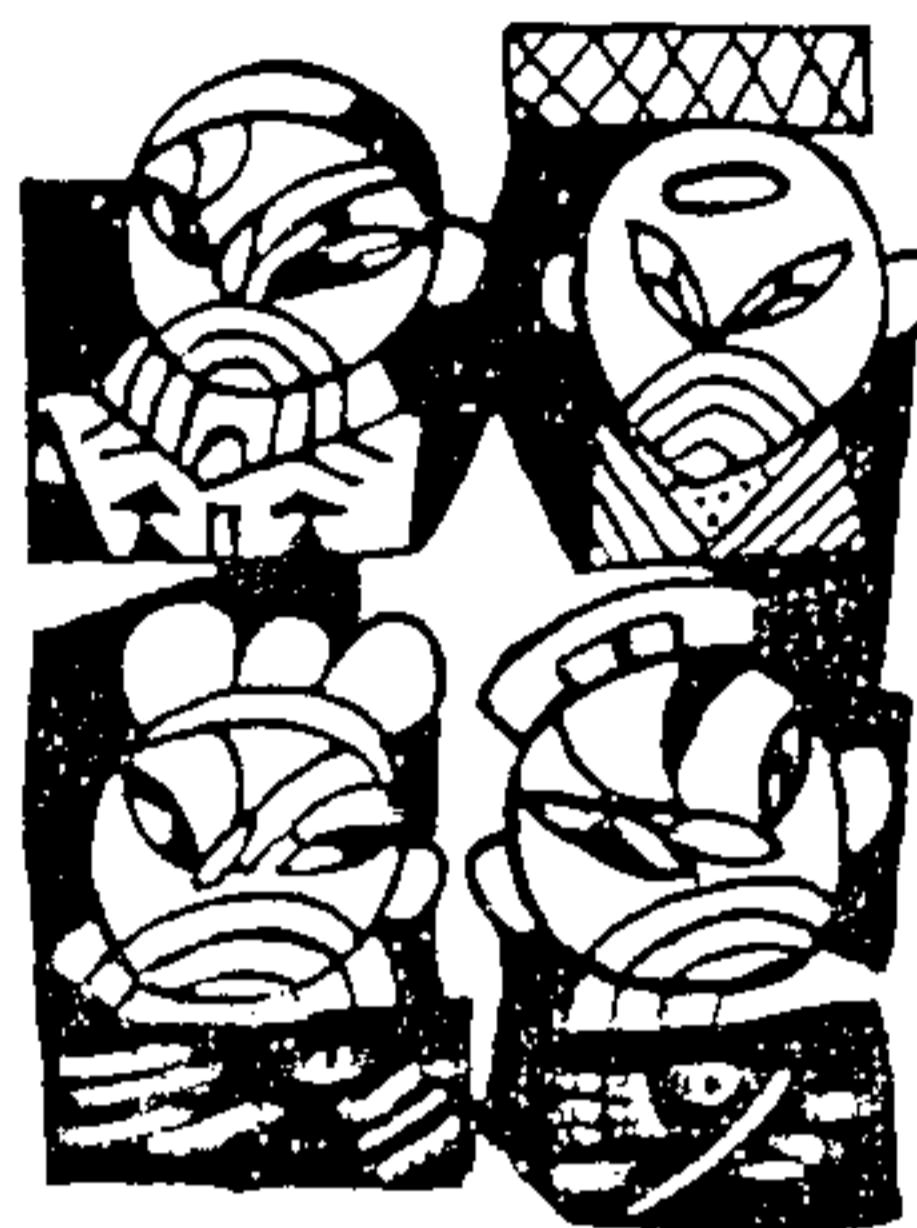


# diễn đàn

số 6 / 1.3.1992

ISSN 1164-2378

## FORUM



### Mục lục

Bạn đọc và Diễn Đàn	
Thời sự	2
Kinh tế thị trường và ổn định chính trị (Hoà Vân)	3
Việt Nam...đã qua...sắp tới	5
Từ bỏ chuyên chính vô sản (Nguyễn Trọng Nghĩa)	7
Khi những bức tường sụp đổ (Hải Vân)	8
Trí tuệ và phát triển (Hàn Thuỷ)	9
Trí thức và dân tộc (Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm)	10
Suy nghĩ gần xa : Trí thức (Ng.V.)	11
Đại học Thăng Long ba năm đã qua (C. Andrieu và Bùi Trọng Liễu)	13
Hoạt động nghệ thuật và giáo dục (Vũ Quang Việt và Ngô Thanh Nhàn)	14
Cộng đồng	
Lá thư Đức (C.T.)	18
"Thư Pari" của báo Nhân Dân	19
Tết Maubert (Hoài Văn)	20
Văn hoá Nghệ thuật	
Xẩm Ngọng (thơ Nguyễn Duy)	3
Dương Thu Hương tự bạch	22
Thụy Khuê trả lời	26
Vườn mộ (Lê Bá Đảng)	28
Đọc Nhật ký Nguyễn Ngọc Lan (Đặng Tiến)	29
Con Trăm Đen (Truyện ngắn, Trần Trung Chính)	30

### Hoà Vân. Kinh tế thị trường và Ông ổn định chính trị

Với bản Dự thảo sửa đổi Hiến Pháp, nếu được thông qua, Việt Nam chính thức bước hẳn vào nền kinh tế thị trường. Điều đó hẳn không mấy ai lấy làm ngạc nhiên khi có dịp quan sát những đổi thay ở trong nước từ mấy năm qua. Những hoạt động ngoại giao dồn dập của chính phủ Việt Nam mấy tháng gần đây cũng nằm trong chiều hướng này. Ví dụ điển hình là việc xin gia nhập Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), đã được Việt Nam nêu lên khi tiếp đón thủ tướng Thái Lan Anand ở Hà Nội cũng như trong chuyến đi thăm Malaixia của ông Võ Văn Kiệt (đều trong tháng 1.92).

Những nghi vấn cuối cùng có thể dễ dàng được xóa đi khi người ta đọc bài báo cáo của Hội đồng chính phủ do ông Võ Văn Kiệt đọc tại kỳ họp Quốc hội cuối năm vừa qua. Một bài báo cáo dài khoảng 6 trang khổ A4 đầy chữ in nhỏ, trong đó nổi lên một sự vắng bóng hiếm có : trong khoảng 100 nghìn chữ của bản báo cáo, ông Kiệt đã *không một lần nào* nói tới bốn chữ **chủ nghĩa xã hội** (kể cả "định hướng xã hội chủ nghĩa" cho nền kinh tế). Thật ra, bản báo cáo, nói về "nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội" trong năm năm 1991-1995 và cho riêng năm 1992, còn nhiều điều "phạm húy" khác, so với "Chiến lược phát triển kinh tế đến năm 2000" vừa được đại hội VII của đảng thông qua 6 tháng trước chặng hạn. Việc *lờ đi* mọi lời dẫn về *kế hoạch hóa*, "*công cụ chủ yếu*" của Nhà nước xã hội chủ nghĩa về quản lý kinh tế, chứng minh thêm một lần nữa rằng ý muốn bước vào kinh tế thị trường của chính phủ là thật sự nghiêm chỉnh !

Nói cho đúng, bước đi chính thức đó (tiếp theo những phát triển trên thực địa từ vài năm nay, như đã nói) không hoàn toàn nhất quán và không tránh khỏi những giằng co, níu kéo, bắn khoan từ nhiều phía, không tránh khỏi nhiều ảo tưởng nữa. Đi sâu hơn, có lẽ cần phân biệt những *bắn khoan* chính đáng của (đa số ?) đảng viên và của những người bình thường e ngại những đảo lộn quá mau chóng, với những giằng co, níu kéo của những kẻ sợ mất quyền lực, địa vị. Song, cái thế rất yếu của những lực lượng bảo thủ trong đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay đã thể hiện rõ ràng qua những lúng túng, mâu thuẫn, những bước lùi rất cơ bản trong bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp (xem các bài trong Diễn Đàn số trước và bài "Bỏ chuyên chính vô sản" trong số này). Việc ông Võ Văn Kiệt

(xem tiếp trang 3)



# Bạn đọc và Diễn Đàn

FORUM

Diễn Đàn chân thành cảm ơn thư, bài của các bạn :

Thu Trang (Paris), Lê Đức (Brétigny), Mai Linh (Paris), Nguyễn Huy Bảo (Paris), L.T. Polska (Warszawa), Trần V.K. (Paris), Lê T.B. (Czechoslovakia), Phan T.K. (Issy Les Moulineaux), Bùi D.T. (Mỹ).

Và ấn phẩm của các đồng nghiệp : Điểm Tin Báo chí (Plzen), Diễn Đàn (Praha), Cảnh Én (Đức), Tin Nhà (Paris), Tiếng Nói (Sofia), Bông Sen (Mỹ), Đất Mới (Canada), Đoàn Kết (Paris), Thông Luận (Paris), Người Dân (Mỹ)...

Chúng tôi đã có thể riêng trả lời một số bạn, và xin mời tất cả cùng suy ngẫm trên một vài ý chúng tôi mạn phép trích trong những bài và thư rất lý thú song rất tiếc Diễn Đàn không thể đăng hết được.

## Thắc Mắc

Trong số 5 của Diễn Đàn Forum, trang bìa cuối, tôi đọc : "... Chúng tôi rất tiếc không đăng được bức chân dung của người minh chủ do anh (Ô. Trần Mười) hình dung và đề nghị.". Tại sao ? Diễn Đàn là một chỗ cho mọi người góp và trao đổi ý kiến một cách tự do và vô tư, tại sao ban biên tập lại bỏ đi không cho đăng một bài khảo cứu chắc thế nào cũng công phu. (...)

Diễn Đàn, cũng như xưa kia, hồi Đại Cách mạng 1789 của Pháp (lúc khởi đầu) nên làm một cuộc trưng cầu ý kiến để biết hiện nay dân Việt Nam muốn gì. Tựa như những Cahiers des doléances des Etats Généraux xưa. (...)

(Nguyễn Huy Bảo, Paris)

## Vi trùng sợ

Viết vài ý này nhưng chỉ sợ Diễn Đàn không đăng. Hoặc là DD cũng sợ ?

Điều tôi sợ là rồi đây dân tộc Việt Nam trên giải đất hình chữ S sẽ khốn đốn vô cùng. Dù trước mắt có cảm tưởng là cởi mở, khâm khá hơn : đâu đâu cũng thấy hàng hoá, nhà máy, khách sạn, xe cộ... đủ thứ cả. Nhưng thật sự có ai tin rằng đó là của mình không ? Và ai không sợ khi nghĩ đến thực chất của nó. (...)

Hoà bình đã trở lại với dân tộc từ hai thập niên nay. Mảnh đất hình chữ S lại được nối liền. Lãnh đạo (anh minh) vẫn thường khẳng định tài nguyên đất nước được ví như "rừng vàng biển bạc". Có huênh hoang quá chăng ? Nhưng đang lúc hồn hôi ai cũng sợ không dám nghĩ khác. (...)

Đất nước bây giờ như một trái cầu để mọi người tung hứng như một trò chơi. Nào là trò dân chủ, đa nguyên, nhất nguyên, đa đảng, độc đảng... Chao ôi, toàn là những thứ giết người như không ? Hay chẳng qua vì người đã sợ người nên bày ra nhiều trò chơi như thế để bảo vệ mình và bè phái, những loại trò chơi để phản mình và phản người.

Những trò chơi như những căn bệnh đang làm nhức nhối cơ thể. Mọi người phải cùng tìm kiếm một loài thuốc để trừ những căn bệnh hiểm nghèo kia đang làm cho dân tộc từ từ đi vào cõi chết. Trước hết, muốn trừ bệnh thì phải biết mình đang bị con vi trùng nào đang tấn công. Hay là mình không muốn biết vì sợ bị lây ?

Tôi nhận thấy dân tộc Việt Nam ai ai cũng đang bị con "khổng trùng" mang tên Sợ. Nhà nước sợ Đảng, Đảng sợ nhân dân, nhân dân sợ cướp giật, cướp giật sợ chính quyền, chính quyền sợ buôn lậu, buôn lậu sợ công an, công an sợ tiền lương không đủ sống... Ở nước ngoài thì hội đoàn này sợ hội đoàn kia, thậm chí những ban biên tập giữa các tờ báo cũng sợ nhau... Nói cho cùng là người sợ người.

Tôi kêu gào một loại thuốc chữa bệnh "người sợ người".

(Mai Linh, Paris).

## Thưa quý Ông

Thưa quý Ông lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, hoà hợp hoà giải phải do chính quý Ông đưa ra trước vì quý Ông đang nắm quyền trong nước. Hoà hợp hoà giải phải hình thành ngay tại trong nước ; Việt kiều sẽ nhìn ngắm công việc của các Ông làm, nếu là thực sự, sẽ mang sức người sức của, trí óc về kiến thiết lại đất nước. (...)

Lúc đó, những lời kêu gọi của Ông Chủ tịch HĐBT Võ Văn Kiệt là "phát huy sức mạnh của lòng yêu nước truyền thống của con người Việt Nam" sẽ có hiệu nghiệm, vì các Ông lãnh đạo nhà nước Việt Nam ngày nay đã đi trước, nghĩa là các Ông đã tổ cho đồng bào trong và ngoài nước thấy rõ là các Ông đã YÊU NƯỚC hơn YÊU ĐẢNG.

(Lê Đức, Brétigny)

## Một

Tôi hiện nay đang có ý viết một bài về tình hình Đông Âu và Ba Lan sau "cuộc cách mạng" và cũng liên hệ đến tương lai của Việt Nam, bài học về dân chủ cho người Việt ở hải ngoại. Tôi muốn phê phán (có tính chất tích cực) "một" nói về dân chủ của chúng ta và thông báo cho cộng đồng cùng biết những khó khăn của phong trào xây dựng tương lai, dù đã có khởi đầu từ bây giờ.

Tôi muốn hỏi với nội dung như trên báo có thể chấp nhận bài viết của tôi không ?

(L.T., Warszawa)

Toà soạn đã có thư trả lời về những điểm anh nêu. Riêng về điểm trên, chắc qua mấy số báo, anh cũng đã thấy rằng đề tài anh nêu thuộc về những vấn đề Diễn Đàn quan tâm. Xin anh cứ thử bút.

## Báo thiếu trang

Những bạn mua Diễn Đàn đã nhận được số 5 thiếu các trang 7-8, 33-34 xin cho biết, chúng tôi sẽ gửi lại các trang thiếu đó. Thành thực xin lỗi tất cả.

## Gửi tiền cho Diễn Đàn



Sau nhiều thủ tục hành chính, Diễn Đàn đã mở được ngân khoản bưu điện riêng :

Dien Dan - Forum  
CCP 4416 14 W Paris

Từ nay, bạn đọc mua báo xin gửi ngân phiếu (chèque) đề tên Diễn Đàn (thay vì Hà Dương Tường) và gửi về địa chỉ : BP 50, 92340 Bourg-La-Reine.

Số sau, chúng tôi sẽ ghi rõ hơn những cách gửi tiền mua báo thuận tiện cho các bạn ở nước ngoài.

## Kinh tế thị trường... (tiếp theo trang 1)

có thể đọc trước Quốc hội một bài báo cáo của Hội đồng bộ trưởng như trên càng chứng minh là những trận đánh cản hậu (combats arrière-gardes) sẽ chẳng trì kéo được mãi những thay đổi bất khả kháng.

**V**ấn đề đáng đặt ra, do đó, là làm gì, làm thế nào để vượt qua những trận đánh cản hậu nói trên, khiến cho nền kinh tế thị trường phát huy được những tác dụng tốt của nó để đưa đất nước chóng ra khỏi nghèo đói, cực khổ, đồng thời hạn chế hoặc chuẩn bị để có khả năng hạn chế những tiêu cực (một vấn đề nhức nhối, nạn thất nghiệp, chặng hạn) của nó.

Ông Kiệt nhiều lần nói tới sự cần thiết phải có những "quyết sách" để giải quyết những vấn đề lớn, cấp bách, của nền kinh tế khi chuyển sang cơ chế mới, trong đó "Đảng lo ngại nhất là tình trạng mất trật tự, kỷ cương, vi phạm pháp luật, tệ tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp nhân dân." Nhưng ông tránh nêu ra thủ phạm chính của tình trạng đó là các đảng viên giữ những chức vụ chủ chốt ở khắp các cấp, những tinh ủy quyền uy với những cây dù lớn ở trung ương làm như không có gì rung chuyển nổi. Những vụ việc đổ bể lớn báo chí đã nêu ra vẫn chìm vào im lặng không ngoài lý do đó. Một vài vụ xử án gương mẫu, nghiêm minh, được sự ủng hộ hiển nhiên của công luận, kể cả của phần lớn đảng viên, không nằm ngoài tầm tay của chính phủ và sẽ dấy lên một sức mạnh mới để giải quyết tình trạng mất kỷ cương nói trên.

Một vấn đề cơ bản khác của kinh tế thị trường : vốn. Báo cáo của chính phủ nói : " Phương thức có hiệu quả nhất để huy động nguồn vốn (trong nhân dân) là tạo môi trường và điều kiện thuận tiện cho nhân dân yên tâm bỏ vốn đầu tư kinh doanh..." . Bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã phải chấp nhận bãi bỏ, hoặc ít nhất tránh dùng bốn chữ "chuyên chính vô sản", hẳn là để góp phần tạo ra "môi trường thuận tiện" ấy (ít ra, về mặt tâm lý), nhưng làm sao các nhà doanh nghiệp, lực lượng chủ yếu của kinh tế thị trường, không khỏi cảm thấy mình vẫn chỉ là phó thường dân dưới một chế độ mà nền tảng dựa trên "liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân" (dù có viết thêm "và tầng lớp trí thức") ? Và liệu giai cấp nông dân có thực sự nhận thức được vai trò chủ đạo của mình để ra sức làm ăn, khi quyền sở hữu ruộng đất vẫn chưa được thừa nhận ?

Vấn đề nhân sự trong bộ máy hành chính có tính chất quyết định bảo đảm cho guồng máy kinh tế không bị những hạt cát làm tê liệt. Trong bản báo cáo, Ông Kiệt đề ra yêu cầu "đổi mới việc tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ với cán bộ trong các cơ quan hành chính". Ông cũng đã từng đề cập thẳng tới khả năng bổ nhiệm những người ngoài đảng làm bộ trưởng (trả lời phỏng vấn của báo Le Monde ngày 15.10.1991). Nhưng làm sao thay đổi được khi không loại bỏ từ gốc cái quyền của cấp ủy đảng "xem xét và có ý kiến đối với các chức danh cán bộ chủ chốt trước khi trình để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm"? (Xem bài nói của Tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị ban chấp hành trung ương đảng ngày 29.11.1991). Làm sao các cán bộ ngoài đảng có thể thực thi trách nhiệm của mình một cách vô tư khi chức vụ mình nhận lãnh tuỳ thuộc vào cấp ủy đảng ? Có thể nào đưa vào Hiến pháp những bảo đảm cơ bản về việc đảng không can thiệp vào những công tác của Nhà nước ?

**Y**êu cầu ổn định chính trị mà nhiều người nói tới không phải không có cơ sở. Nhưng một vài "quyết sách" trong các vấn đề nêu trên (chỉ là một vài ví dụ nhỏ) đâu có mâu thuẫn với ổn định ? Và nhất là, đâu phải không thực hiện được trong một tình hình mà ngay trong đảng ai cũng thấy (hoặc ít ra phải nói ngoài miệng) là không thể không thay đổi nếu muốn tránh nguy cơ sụp đổ ?

Cuối tháng 3.92 này, Quốc hội sẽ được triệu tập để thảo luận và thông qua sửa đổi Hiến Pháp và luật bầu cử mới. Rõ ràng bản "Dự thảo" còn cần nhiều sửa đổi kiên quyết hơn để thích ứng với những quy luật nghiêm ngặt của nền kinh tế thị trường. Đáp ứng yêu cầu sửa đổi đó (cả trên văn bản và trong những công tác của chính phủ), đồng thời khẩn cấp tiến hành một vài biện pháp nghiêm khắc đối với tệ nạn tham nhũng, lợi dụng quyền hành của một số đảng viên cao cấp...: Một vài công việc hoàn toàn trong tầm tay mà người ta có thể trông chờ, để biết quyết tâm của những lực lượng đổi mới trong Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Và cũng để biết việc bước chân vào nền kinh tế thị trường thực chất sẽ ra sao.

Hoà Văn.



**Nguyễn Duy**

**Xẩm Ngọng**

Nghêu ngao hát ngọng nghèo chơi  
người cười nói xúc phạm người ngậm tăm

Siêng làm xúc phạm phàm ăn  
kẻ đi xúc phạm kẻ nằm dài lưng

Đàn kêu tưng tưng tưng  
con trâu xúc phạm sợi thừng cột trâu

Bông hoa xúc phạm con sâu  
con cá xúc phạm lưỡi câu ao nhà

Ông bụt xúc phạm con ma  
lão say khướt xúc phạm bà tinh queo

Cái sang xúc phạm cái nghèo  
cái ngay xúc phạm cái khoèo bẩm sinh

Đàn kêu tinh tinh tinh tinh  
cái tâm xúc phạm cái hình vô tâm

Cõi dương xúc phạm cõi âm  
cõi thiêng xúc phạm cõi trần tục gian

Đàn kêu tang tảng tảng tang  
nàng chơi đep xúc phạm chàng xấu chơi

Ngứa nghẽ hát ngọng nghèo thôi  
người yêu nhau xúc phạm người ghét nhau...

# việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

## Ngoại thương 1991 : cân bằng

Theo nhà báo Murray Hiebert, mặc dù bị Liên Xô cắt viện trợ và chấm dứt buôn bán với giá ưu đãi, mặc dù bị mất mùa (mất hơn 1,5 triệu tấn gạo) vì lụt lội và thời tiết lạnh, Việt Nam đã giữ được cân bằng về thương mại nhờ tăng xuất khẩu và giảm nhập khẩu một cách nghiêm ngặt. Theo ước tính chính thức, trong năm 1991, Việt Nam đã xuất sang các nước không cộng sản 1,9 tỉ đô la Mỹ so với 1,2 tỉ vào năm 1990. Gần 30% số đô la thu được là nhờ bán dầu thô tăng từ 2,5 triệu tấn lên 3,9 triệu tấn. Lượng than xuất khẩu cũng tăng thêm 50% (lên đến 1,2 triệu tấn). Trong khi đó, lượng lương thực xuất khẩu giảm từ 1,4 triệu tấn xuống 1 triệu tấn (tổng sản lượng lương thực thực dùng lại ở mức 22 triệu tấn).

Vì chỉ bán sang Liên Xô được có 85 triệu đô la hàng công nghiệp so với 1 tỉ rúp trong năm 1990 (bằng 1,8 tỉ đô la theo hối suất chính thức), Việt Nam bị thiếu hụt nghiêm trọng về vải, sợi, cũng nhu mộc thiết bị may mặc và đóng giày.

Vì không được tín dụng rẻ của Liên Xô, theo ước tính chính thức, Việt Nam đã giảm nhập khẩu từ 3,7 tỉ đô la xuống 1,9 tỉ, nghĩa là ngang với xuất khẩu.

Vào tháng 10.1991, chính phủ cấm nhập hàng tiêu dùng cho đến năm 1992 và quyết định từ nay việc nhập tư liệu sản xuất như xăng dầu, phân bón, máy móc và nguyên liệu phải được cấp bộ chuẩn y.

Hiện nay, Xinh-ga-po trở thành bạn hàng số một của Việt Nam. Trong năm 1991, hàng nhập vào Việt Nam thông qua Xinh-ga-po tăng từ 6 % năm 1990 lên 32 % và hàng xuất tăng từ 8% lên 32 %.

Trong năm qua, Việt Nam đã chuẩn y 149 dự án đầu tư trị giá 1,2 tỉ đô la, gấp đôi năm 90. Gần 661 triệu đô la được dành cho những kế hoạch công nghiệp, so với 108 triệu vào năm trước.

Nhu cầu ngoại tệ để trả tiền hàng nhập – và ít nhất 300 triệu đô la hàng buôn lậu – làm suy yếu nghiêm trọng đồng tiền Việt Nam. Vào giữa năm 91, đồng tiền VN đột nhiên mất giá rồi đứng lại được trong mấy tuần qua vì dường như chính phủ đã quyết định bán ra thị trường tự do 1 tấn vàng để chặn đứng sự mất giá này.

(FEER 23.1.92)

## Lạm phát 91 : 60%

Từ tháng 3.91, tỉ lệ lạm phát của Việt Nam là 4% mỗi tháng, rồi tăng lên 5,6% vào tháng 11 và 6,1% vào tháng 12. Tỉ lệ lạm phát cả năm là 60%, thấp hơn sự dự đoán của các nhà kinh tế rất nhiều sau khi Liên Xô cắt viện trợ, nhờ tăng thuế và giảm chi phí chính phủ.

Nhằm giảm lạm phát xuống còn khoảng 30 - 40% vào năm 1992, Hà Nội đã công bố chấm dứt bù lỗ cho những công ty quốc doanh có khó khăn về tài chính và tăng cường nỗ lực thu thuế. Theo lời bộ trưởng tài chính Hoàng Quý trước Quốc hội vào tháng 12.91, chỉ riêng các xí nghiệp quốc doanh đã nợ

Nhà nước hơn 500 tỉ đồng.

(FEER 23.1.1991)

## Việt kiều và kinh tế Việt Nam

Theo bà Ủ Thị Anh, phó ban Việt kiều thành phố HCM, trong 10 tháng đầu năm 1991, khoảng 52.000 Việt kiều đã về thăm thành phố, so với 42.000 người trong cả năm 1990. (Diễn Đàn số 2 đã đưa tin 300.000 Việt kiều đã về thăm quê hương trong 6 tháng đầu năm 91, thừa một con số 0!). Trong năm qua, Việt kiều đã đem hoặc chuyển về nước cả thảy 500 triệu đô la Mỹ, nhưng chỉ 10% số tiền này được gửi qua ngân hàng Nhà nước. Riêng thành phố HCM có khoảng 250.000 hộ có thân nhân ở nước ngoài. Trong 6 tháng đầu năm 1991, những gia đình này nhận được vàng và tiền của thân nhân ước khoảng 150 triệu đô la, so với 100 triệu trong cả năm 1990.

Ngoài tiền giúp thân nhân và tiêu dùng tại chỗ khi về nước, một số Việt kiều đã mở những công ty trực tiếp làm ăn với trong nước, nhất là ở thành phố HCM. Năm qua, 60 công ty Việt kiều được giấy phép làm ăn ở thành phố đã nhập vào đây 63 triệu đô la hàng hoá, và xuất khẩu 19 triệu đô la hàng hải sản, nông sản và thủ công. Tuy nhiên, đầu tư của Việt kiều về nước còn nhỏ và đang có đà chậm lại thay vì tăng lên. Năm qua, có 16 dự án đầu tư của Việt kiều vào thành phố được giấy phép, với tổng số vốn 26 triệu đô la.

(theo M.Hiebert, FEER 23.1.1991)

## Chia tỉnh

Kỳ họp cuối năm 1991, Quốc hội đã chấp thuận chia đôi 4 tỉnh sau đây :

- Thuận Hải chia thành hai tỉnh Ninh Thuận (tỉnh lỵ : Phan Rang - Tháp Chàm) và Bình Thuận (tỉnh lỵ : Phan Thiết).
- Cửu Long chia thành Vĩnh Long và Trà Vinh (tên tỉnh lỵ trùng với tên tỉnh).
- Hậu Giang chia thành Cần Thơ và Sóc Trăng (tên tỉnh lỵ trùng với tên tỉnh).
- Hà Nam Ninh chia thành Nam Hà (tỉnh lỵ : Nam Định) và Ninh Bình.

(Xem thêm Diễn Đàn số 1, tháng 10.91, tin chia đôi 5 tỉnh khác).

## Du lịch 1991 : 35 triệu đô la

Trong năm 1991, ngành du lịch Việt Nam đã đón tiếp khoảng 300.000 lượt khách nước ngoài (tăng 16% so với năm 90), đồng thời phục vụ khoảng 1,5 triệu lượt khách trong nước. Doanh thu đạt 811 tỉ đồng (tăng 18%). Riêng ngoại tệ đã thu 35 triệu đô la, bằng 91% mức kế hoạch.

Từ năm 1989 đến nay, tổng số vốn đầu tư vào ngành du lịch lên tới 2.800 tỉ đồng, trong đó vốn của Việt Nam chiếm khoảng 839 tỉ. Có 23 cơ sở du lịch nhận vốn nước ngoài với tổng số vốn 223 triệu đô la, trong đó chỉ có khách sạn nổi do tập đoàn EIE (Úc) đầu tư 100%, còn lại là những liên doanh,

# việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

Việt Nam hợp tác với Hồng Kông, Xinhgapo, Đài Loan, Pháp, Nhật, Canada.

Tuy nhiên, trong số 18 khách sạn đang xây dựng mới với 2.368 phòng, chỉ có 4 khách sạn Saigon Star, Festival, Régent và Embassy với 235 phòng đã hoạt động. Do đó vẫn còn thiếu phòng đủ tiêu chuẩn đón khách quốc tế.

Theo số liệu của Hải quan thành phố HCM, trong năm 1991 có gần 180.000 lượt khách nước ngoài đã vào thành phố qua sân bay Tân Sơn Nhất, trong đó khách châu Á chiếm tỉ lệ cao nhất (44%). Khoảng 56.000 Việt kiều đã về thăm quê hương trong năm qua, cao điểm là vào dịp Tết với 16.000 người về.

(Nhân Dân 6.1 và Tuổi Trẻ 2.1.1992)

## Ý viện trợ

Chuyến đi thăm Việt Nam của ngoại trưởng Ý De Michelis đã đưa tới việc ký kết một hiệp định viện trợ cho Việt Nam 70 triệu đô la trong hai năm 1993 - 1994, gồm một phần tư là viện trợ không hoàn lại, còn lại là dưới hình thức cho vay. Chính phủ Roma còn cho biết sẵn sàng góp 10 triệu đô la để giúp Hà Nội trả nợ Quỹ tiền tệ quốc tế. Trong ba năm 1990-1992, Ý cũng đã viện trợ kỹ thuật cho Việt Nam 140 triệu đô la. Nhiều dự án liên doanh trong các lĩnh vực nông nghiệp, đánh cá, cấp nước và viễn thông do Ý tài trợ đã đi vào hoạt động.

(Tuổi Trẻ 7.1.92)

## Xuất khẩu lao động tại chỗ

Từ 1989 đến nay, thành phố HCM đã cung ứng cho các xí nghiệp có vốn nước ngoài hoạt động trên địa bàn thành phố hơn 9000 lao động. Lương tối thiểu do nhà nước Việt Nam qui định đối với những lao động này là 50 đô la/tháng, song có tới 30% các xí nghiệp trả lương dưới mức qui định.

Cùng thời gian này, hơn 100 lao động Việt Nam đã sang Nhật, Tây Ban Nha, Hồng Kông, Đức, Nam Triều Tiên để làm các nghề chế biến cá, nấu ăn, thủy thủ. Trong khi đó, 14.000 công nhân lao động ở các nước Đông Âu và Liên Xô cũ đã trở về nước.

(Tuổi Trẻ 14.1.1992)

## Pháp - Việt

Gần ba tháng sau ngoại trưởng Roland Dumas, thứ trưởng ngoại thương Pháp Jean-Noel Jeanneney đã đi thăm chính thức Việt Nam từ ngày 11 đến 16.2 vừa qua. Cùng đi với ông có 15 nhà kinh doanh Pháp. Đoàn đã đi 4 tỉnh Hà Nội, Đà Nẵng, Huế và thành phố HCM. Trong các cuộc tiếp kiến với Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt, với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố HCM, ông Jeanneney đã thuyết phục Việt Nam cân bằng các trao đổi thương mại với Pháp và Nhật, hứa hẹn Pháp sẽ giúp đỡ Việt Nam giữ vững độc lập kinh tế trước những "hiểm nguy" có thể do sức mạnh kinh tế của Nhật gây ra. Ông cũng đã nhắc lại việc Pháp ủng hộ Việt

Nam trong quan hệ với FMI, đồng thời gợi ý Việt Nam nên mạnh dạn tìm những hình thức vượt qua các khó khăn do chưa bình thường hóa được quan hệ với Mỹ.

(Le Monde 15.2, AFP 12.2.92)

## Dầu mỏ : những hợp đồng mới.

Theo một nhà ngoại giao Nga tại Hà Nội, một hợp đồng liên doanh Việt - Nga sản xuất dầu mỏ sẽ được ký kết trong tháng 2 hay 3 năm nay, thay thế cho hợp đồng ký tháng 7 năm ngoái giữa Việt Nam và Liên Xô cũ. Công ty dầu khí Nga Rosneftegaz sẽ thay thế Bộ Dầu Khí Liên Xô đã bị giải thể. Phía Nga tỏ ra sẵn sàng ký một hợp đồng tay ba, giữa Việt Nam, Nga và một công ty dầu mỏ Tây Âu, một hình thức để nắm thêm những kỹ thuật hiện đại trong ngành. Nhưng theo những nhà kinh doanh Tây Âu năm tại thành phố HCM, Việt Nam có vẻ như muốn tách riêng phần làm ăn với Nga và với Tây Âu.

Nhận xét này đã được thực tế xác nhận trong cuối tháng 1, khi người ta biết tin PetroVietnam vừa ký kết với 5 công ty Tây Âu những hợp đồng nguyên tắc để thăm dò mỏ dầu mới. Theo AFP, 5 công ty đó là Arabian Oil Co của Nhật, Korean Petroleum Consortium của Nam Triều Tiên, Total của Pháp, British Petroleum của Anh và Shell của Hà Lan. Theo tin từ Tokyo, các giới hữu trách trong Arabian Oil hy vọng sẽ hoàn tất hợp đồng của họ, đặc biệt là những điều khoản về chia sản phẩm, vào giữa năm, để có thể cho máy khoan khởi động trước cuối năm nay. Vùng khoan do PetroVietnam qui định trong các bản đấu thầu đưa ra năm ngoái nằm gần các mỏ dầu Bạch Hổ và Đại Hùng, ngoài khơi Vũng Tàu. Mỗi công ty được thầu sẽ lãnh khoan thăm dò một lô rộng 3,5 cây số vuông.

Tiếp theo các hợp đồng nói trên, PetroVietnam sẽ tiếp tục đưa ra đấu thầu để ký kết nhiều hợp đồng thăm dò khác. Theo ông Đặng Quốc Sâm, Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước trong một buổi hội đàm với thứ trưởng ngoại thương Pháp Jeanneney, Việt Nam trông đợi các công ty dầu mỏ Tây Âu hợp tác để đánh giá xong toàn bộ trữ lượng dầu mỏ Việt Nam từ nay đến năm 1995.

Trong tháng 1 vừa qua, hãng thông tấn Nhật Kyodo cũng đã đưa tin công ty dầu Nhật Idemitsu Oil Development Co có hy vọng ký kết một hợp đồng thăm dò dầu mỏ ngoài khơi Vịnh Bắc bộ trong năm nay.

(AFP 27.30.1 và 12.2.92, Reuter 31.1.92)

## Thể thao - Văn hóa

Tim Sauter, một luật sư người Anh ở Hồng Kông, 36 tuổi, đã về nhất trong cuộc chạy đua maratông quốc tế lần đầu tiên được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh ngày chủ nhật 16.2.1992, với thành tích 2 giờ 43 phút 26 giây. Một vận động viên Việt Nam, anh Lưu Văn Hùng, 21 tuổi, chạy chân không, đã đoạt giải nhì, chỉ thua Tim Sauter 1 phút 26 giây. Cuộc đua đã thu hút 219 vận động viên thuộc 26 nước ngoài

# việt nam...đã qua...sắp tới...việt nam...

và 92 vận động viên Việt Nam.

Giải nhất nữ của cuộc đua đã về tay chị Đặng Thị Tèo, với thành tích 3 giờ 26 phút 22 giây.

Nhiều cựu chiến binh Mỹ đã tham dự cuộc đua trong tinh thần hoà giải giữa hai nước.

(AP và Reuter 16.2.92)

► Thanh Thanh Tâm, Vũ Linh, Ngọc Huyền, Tài Linh, Phương Hồng Thủy, Thanh Hằng đã được trao tặng giải thưởng diễn viên cải lương mang tên cố đạo diễn Trần Hữu Trang. Đây là lần đầu tiên sau 17 năm giải phóng, giải này mới được trao lại. Ban giám khảo do nữ nghệ sĩ Phùng Há làm trưởng ban, gồm có các nghệ sĩ Út Trà Ôn, Thanh Vy, Bạch Tuyết, Huỳnh Nga...

► Giải thưởng âm nhạc Hoàng Mai Lưu 1991 đã được trao cho 4 cá nhân : nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, nghệ sĩ Y Đôn, hai em Kiều Vũ Chính và Kiều Vũ Chính, và 9 tập thể.

► Trong tháng 2 vừa qua, ban giám khảo Liên hoan phim ba châu Á - Phi - Mỹ La tinh ở Fribourg (Thụy Sĩ) đã nhì trí trao tặng giải nhất cho cuốn phim Gánh Xiếc Rong (tức Trò Áo Thuật) của nữ đạo diễn Việt Linh, vì "tinh thần sắc của ẩn dụ, tay nghề đạo diễn và sức mạnh của cái nhìn". Ngay sau khi đoạt giải, Gánh Xiếc Rong đã được một tổ chức phát hành phim Thụy Sĩ mua bản quyền để khai thác tại các nước Thụy Sĩ, Áo và Đức. Đây là lần thứ ba phim này được giải thưởng quốc tế (xem Diễn đàn số 3) và lần đầu tiên được một tổ chức trong mạng lưới thương mại phương tây nhận phát hành.

## Tin nhanh

► Việt Nam đã quyết định mở văn phòng cấp thị thực nhập cảnh tại Hồng Kông. Văn phòng này sẽ nằm trong tòa nhà của Phòng thương mại Việt Nam tại Hồng Kông, được mở hồi tháng 2.1991.

► Theo đài truyền hình Trung Quốc, ở khu chợ biên giới Việt-Trung gần cửa khẩu Bằng Tường, có khoảng 7000 người dân hai nước mỗi ngày đến mua bán, với doanh số lên tới một triệu nhân dân tệ, tương đương 200.000 đô la.

► 28.000 sản phẩm đồ sứ Trung Quốc thế kỷ 17 trị giá khoảng 2 triệu đô la sẽ được đưa ra bán đấu giá tại Amsterdam tháng tư tới, và tiền lời được chuyển cho chính phủ Việt Nam. Những đồ sứ này do một chuyến tàu Trung Quốc chuyên chở sang Indonêxia 300 năm trước đây, trên đường đi bị đánh úp ở gần Vũng Tàu, trong hải phận Việt Nam. Xác tàu được những người đánh cá tìm thấy trong năm 1989. (Reuter 12.2.92)

► Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (PNUD) sẽ viện trợ cho Việt Nam 93 triệu đô la để phát triển kinh tế, đặc biệt trong các lĩnh vực luật pháp kinh tế, cải tiến quản lý ngân hàng và đào tạo nhân công. (AP 9.2.92)

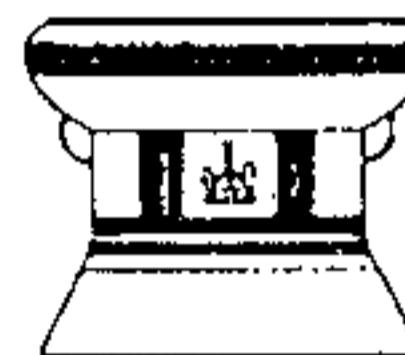
► Đại sứ Nga ở Hà Nội cho biết, những cố vấn quân sự

Liên Xô cuối cùng sẽ rời Cam Ranh trong tháng 5 tới, và hai bên Việt-Nga đang thảo luận các vấn đề còn tồn tại để việc rút quân này được tiến hành một cách thuận lợi cho cả hai. Hiện còn 2000 quân nhân Liên Xô và gia đình đang đóng ở Cam Ranh.

► Theo bản tin tiếng Anh hàng ngày Vietnam News, 88 cán bộ có trách nhiệm trong ngành công nghiệp nặng, trong đó có 44 giám đốc xí nghiệp đã bị sa thải năm vừa qua, vì tội tham nhũng, tẩu tán hàng hoá của Nhà nước giá trị gần 11 tỉ đồng (1 triệu đô la). (AFP 12.2.1992)

► Một người biểu tình với lá cờ vàng ba sọc đỏ trước Khách sạn nổi Saigon đã bị bắt giữ ngày chủ nhật 16.2. Khách sạn này là trung tâm báo chí của cuộc đua Maratông quốc tế được tổ chức tại thành phố trong ngày. (AFP 16.2.92)

quảng cáo



VIPHARCO

hợp pháp  
phát nhanh  
hối suất cao  
miễn thuế  
bảo đảm

CHUYỂN  
TIỀN  
VỀ  
VIỆT NAM

(Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh  
và các tỉnh lân cận).

Muốn chuyển nhanh, xin gửi *mandat*  
hoặc *chèque de banque*

Làm việc từ thứ hai đến thứ sáu  
Sáng : 8<sup>H</sup>30 – 12<sup>H</sup>30 Chiều : 13<sup>H</sup>15 – 17<sup>H</sup>

ĐỂ BIẾT THÊM CHI TIẾT

XIN LIÊN LẠC VỚI CÔNG TY VIPHARCO

12, avenue Charles De Gaulle, 91420 Morangis

tel (1) 64.54.93.44 hay (1) 64.54.85.28

Fax : (1) 64.48.56.83

## Rao Vặt

Tìm phụ nữ đứng tuổi, có kinh nghiệm, để trông hai cháu (3 tháng và 3 tuổi) và phụ việc nhà. Ngoại ô nam, gần RER - Lương hựu - Bảo hiểm xã hội.

Dây nói : 4660 9734 (từ 20 đến 22 giờ), 4356 4306 (từ 10 đến 18 giờ).

# Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ chuyên chính vô sản

Nguyễn Trọng Nghĩa

Cách đây mấy hôm đọc lại thêm một lần nữa bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1980, tôi bỗng giật mình sững sốt : “ Ô ! thì ra Đảng cộng sản Việt Nam đã từ bỏ chuyên chính vô sản rồi ! ”. Trong một vài phút tôi ở vào cái trạng thái “ rõ ràng mở mắt còn ngỡ chiêm bao ” của nàng Kiều !

Mà đúng là cái chuyện không ai chờ đợi nữa đã xảy ra thực.

Điều 2 của bản dự thảo quy định rõ ràng : “ Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh [giữa] giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.”.

Nội dung của nó hoàn toàn trái ngược với điều 2 của Hiến pháp 1980, khẳng định chắc nịch như đinh đóng vào cột : “ Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước chuyên chính vô sản.”.

Trong một chừng mực nào đó, có thể nói, nhà nước của dự thảo còn ít mác-xít hơn cả “ Nhà nước dân chủ nhân dân ” của Hiến pháp 1959, “ dựa trên liên minh công nông do giai cấp công nhân lãnh đạo ” ; trái lại nó rất gần với nhà nước hoàn toàn không có tính giai cấp của Hiến pháp 1946 theo đó “ tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo ” (điều 1).

Nếu không sợ là quá diễn dịch, ta có cảm tưởng là dường như Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã từ bỏ chủ trương “ đấu tranh giai cấp ” khi tự khẳng định mình “ đại biểu trung thành quyền lợi ” không những “ của giai cấp công nhân, nhân dân lao động ” mà “ của cả dân tộc ” (điều 4), vì như thế có nghĩa là hiện nay ở nước ta không còn đối kháng giai cấp.

Về mặt lý thuyết rõ ràng đây là một sự kiện quan trọng vì “ đấu tranh giai cấp ” và hệ luận của nó, chuyên chính vô sản là nội dung chính yếu của quan niệm mác-xít về lịch sử cũng như về thực tiễn cách mạng.

Thật vậy ngay trong câu đầu chương I của Tuyên ngôn cộng sản, Marx và Engels đã viết : “ Lịch sử của mọi xã hội [đúng ra phải nói là “ mọi xã hội có giai cấp ”] cho đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp ”. Từ nhận định đó, hai ông đã quan niệm nhà nước như là công cụ thống trị của một giai cấp trên những giai cấp khác. Hai ông chủ trương là giai cấp công nhân phải đấu tranh giành lấy chính quyền, tự biến mình thành giai cấp thống trị (chuyên chính vô sản) nhằm xóa bỏ mọi giai cấp kể cả giai cấp công nhân, và như thế sẽ làm cho nhà nước – với tư cách là quyền lực chính trị – tiêu

vong, mở ra một thời đại mới trong đó “ sự phát triển tự do của mỗi người sẽ là điều kiện của sự phát triển tự do của mọi người ”.

Lý thuyết trên phải nói là rất mạch lạc và không phải là không cao đẹp (nếu trái lại thì nó đã không động viên được hàng bao triều người đấu tranh thực hiện, bất chấp sống chết, từ hơn một thế kỷ nay !) : nó phản ánh ước mơ xưa hàng mấy nghìn năm của một phần nhân loại khá đồng về một thế giới đại đồng, tự do và công bình trong đó mọi người đều là anh em (tứ hải giai huynh đệ), không còn xâu xé, áp bức, bóc lột lẫn nhau vì những đố kháng quyền lợi.

Nhưng đó chỉ là trên lý thuyết.

Lịch sử của chủ nghĩa xã hội hiện thực chứng tỏ rằng trong nền chuyên chính vô sản cũng có áp bức, tù đày, tàn sát và nhà nước chuyên chính vô sản chẳng những không có cơ tiêu vong mà trái lại càng ngày càng phình ra, càng quan liêu hoá và, vì thế, trở nên vô hiệu lực để rồi đi đến chỗ phá sản toàn diện, với những hậu quả khủng khiếp : kinh tế kiệt quệ, đạo lý suy đồi, đất nước diêu linh, loạn lạc, xã hội rệu rã...

Phải chăng vì rút ra được bài học về thực tế nói trên nên Đảng Cộng sản Việt Nam rốt cuộc đã từ bỏ chuyên chính vô sản và đấu tranh giai cấp ?

Điều đáng tiếc là các nhà viết dự thảo sửa đổi Hiến pháp đã không đi đến tận cùng lô gích của mình nên tiếp tục khẳng định : “ Đảng Cộng sản Việt Nam (...) là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội [tức là nhân dân] ” (điều 4).

Chính vì thế mà nền tảng lý luận của dự thảo ít vững chắc hơn Hiến pháp 1980 nhiều lắm.

Thật vậy, vì theo đúng những luận điểm của Marx, Engels, Lénine về nhà nước, lý luận của Hiến pháp 1980 vừa đơn giản vừa mạch lạc, có thể tóm tắt như sau : vì bản chất của nhà nước là chuyên chính vô sản hay, nói khác đi, vì nhà nước là công cụ thống trị của giai cấp công nhân, nên Đảng Cộng sản, với tư cách là đội tiền phong của giai cấp công nhân, có quyền tự khẳng định mình là “ lực lượng duy nhất lãnh đạo nhà nước và xã hội ”.

Sự lãnh đạo của đảng cộng sản như vậy là hệ luận của chuyên chính vô sản.

Do đó một khi đã bỏ chuyên chính vô sản rồi thì thế tất không thể duy trì sự lãnh đạo của đảng cộng sản được nữa.

Trước đây nếu có ai dám hỏi : “ đảng lãnh đạo nhà nước như thế nào ? ” thì, dựa trên Hiến pháp 1980, người ta có thể trả lời dễ ợt : “ theo quan niệm chuyên chính vô sản ”. Và người hỏi nhất định sẽ nín lặng chịu thua ngay !

Nhưng với dự thảo sửa đổi, câu trả lời sẽ chẳng dễ dàng gì vì nhà nước từ nay sẽ không còn là công cụ thống trị của đảng nữa mà là “ nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ”.

Có lẽ vì ý thức được khó khăn đó nên các nhà viết dự thảo đã khẳng định là Hiến pháp sẽ “ thể chế hoá mối quan hệ giữa nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý và đảng lãnh đạo ” (Lời nói đầu).

Điều đáng tiếc là ngoài điều 4 ra, dự thảo đã chẳng nói gì hết về quyền hạn và nhiệm vụ của Đảng Cộng sản trong khi

đó dự thảo đã dành cả một chương dài (gồm 34 điều) để quy định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, một chương (15 điều) về Quốc hội, một chương (7 điều) về Hội đồng nhà nước, một chương (8 điều) về chính phủ, v.v...

Chỗ đứng quá khiêm tốn mà dự thảo dành cho đảng cộng sản không thể không làm cho người đọc ngạc nhiên.

Hoặc giả tuy không chính thức nói ra do nhu cầu chiến thuật, nhưng đảng vẫn tiếp tục lãnh đạo nhà nước và nhân dân theo tinh thần chuyên chính vô sản như trước đây. Nếu đúng thế thì Hiến pháp "Luật cơ bản của nhà nước" sẽ chẳng còn giá trị gì vì ngay từ đầu chính đảng đã có ý định không tôn trọng nó!

Hoặc giả dự thảo chỉ nói chiếu lệ đến vai trò lãnh đạo của đảng cho đúng lẽ nghĩ thôi nên không cần triển khai.

Dẫu sao đi nữa thì việc dự thảo thay thế "nhà nước chuyên chính vô sản" bằng "nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân" cũng đã là một sự kiện chính trị, lý thuyết quan trọng. Thế nhưng, lạ thay! Sự kiện này lại xảy ra trong sự đúng đắn của mọi người, kể cả báo chí Việt Nam và thế giới. Phải chăng vì sau những biến động long trời lở đất dồn dập ở Đông Âu, trước mắt mọi người nền chuyên chính vô sản vốn được xem là vững chắc và có khả năng tồn tại đến muôn đời thực chất chỉ là chàng khồng lô chân đất sét, khủng khiếp là thế nhưng sụp đổ một mình lúc nào không biết, nên chẳng ai quan tâm đến nữa? Hiện nay không ít người nghĩ rằng, với sự phát triển nhanh chóng và có phần lộn xộn của nền kinh tế thị trường không những ở các thành phố mà ngay cả ở nông thôn, tận hang cùng ngõ hẻm, xã hội Việt Nam càng ngày càng thoát ra khỏi sự kiểm soát của đảng, tự giải quyết lấy những vấn đề vô cùng khó khăn do cuộc sống đặt ra và tự tìm lấy những con đường sống. Chuyên chính vô sản, đảng lãnh đạo... tất cả những điều ấy đã dần dà thuộc về quá khứ... Thực tế có đúng như vậy không? Có lẽ cần phải bàn cãi rất nhiều!

Riêng tôi, tôi nghĩ rằng, trong khi nỗ lực đi tìm những "Luật chơi" mới cho đời sống chính trị ở Việt Nam, cần trân trọng ghi nhận mọi dấu hiệu tiến bộ, mọi thiện chí bất cứ đến từ đâu, đặc biệt là từ Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng đang cầm quyền. Có lẽ nên gọi Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền hơn là đảng lãnh đạo vì khái niệm này, như đã trình bày trên đây, gắn quá chặt với quan niệm chuyên chính vô sản mà ai cũng kinh sợ do kinh nghiệm lịch sử (thật ra người ta chỉ sợ "chuyên chính" thôi, chứ hiện nay ngay tại Việt Nam có ai vỗ ngực tự xưng là vô sản). Phải chăng đã đến lúc – nếu không phải là quá trễ – Đảng Cộng sản Việt Nam cần đóng đúng vai trò đảng cầm quyền của mình, củng cố lại tổ chức, định lại đường lối và nhất là tự dân chủ hóa, để trở thành một đảng chính trị hiện đại có khả năng góp phần hữu hiệu vào việc cứu đất nước khỏi nguy cơ rệu rã, suy vong lâu dài trong khi các nước láng giềng ở Đông Nam Á phát triển nhanh chóng và trở nên ngày một hùng cường.

3.2.1992



## Việt Nam, khi những bức tường sụp đổ

Hải Vân

Không chỉ ở Berlin những bức tường mới sụp đổ. Song, Việt Nam – như những vị lãnh đạo nước ta thường nói – không theo mô hình châu Âu mà có cách làm châu Á của mình.

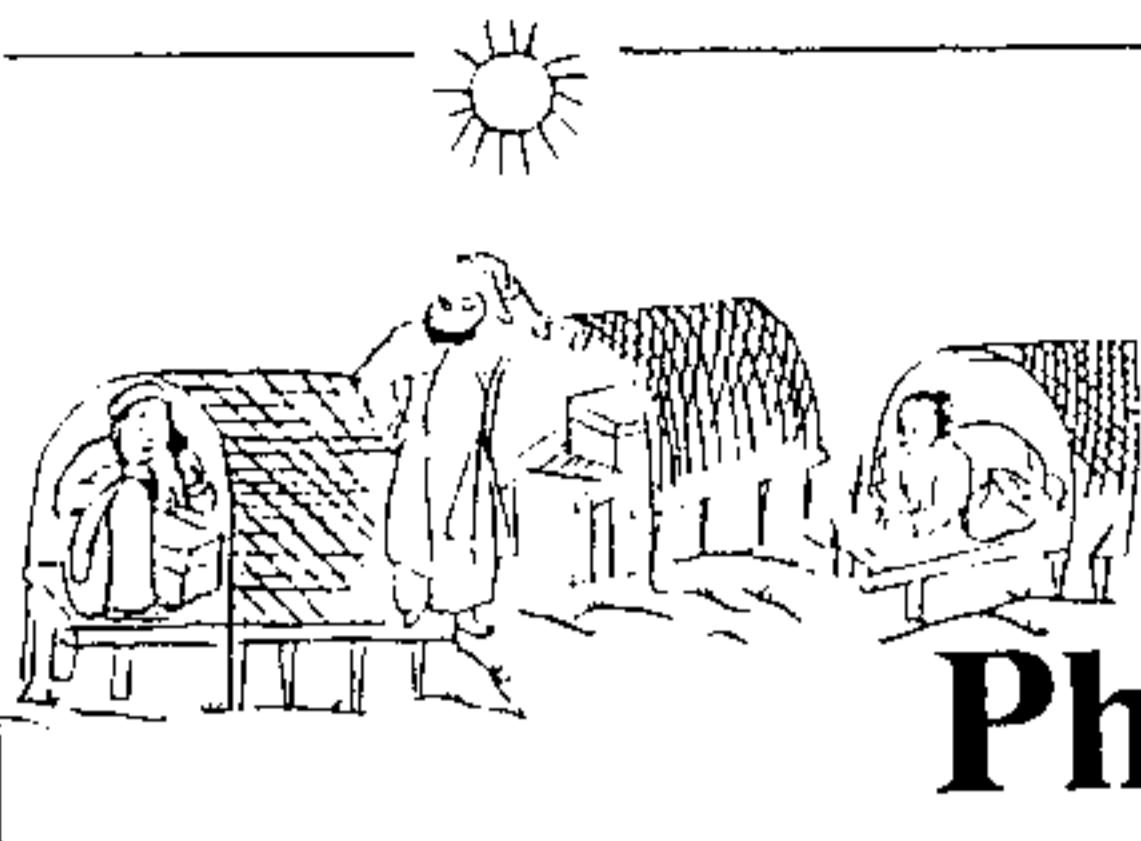
Thật vậy, đục tường, phá tường đang trở thành một hiện tượng phổ biến, và càng nổi bật khi đối tượng của hoạt động đó chính là những bức tường hiện bảo vệ các cơ quan của Đảng Cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại thành phố Hồ Chí Minh chẳng hạn, một dãy tường lớn của doanh trại quân đội dọc theo đường 3 tháng 2 bị đập phá trong đêm, và – trước sự kinh ngạc của người dân Sài Gòn – xuất hiện một dãy hàng trăm căn nhà tu nhân được lén lút xây lên sau bức tường, trên một diện tích đất của nhà nước bị chiếm dụng vô tội vạ. Đó còn là trường hợp của khu vực sân bay Tân Sơn Nhất, một khu vực quân sự, trước đây ra vào phải có giấy phép, nay đã bị tư nhân hoá – nhà ở, biệt thự đang mọc lên như nấm – trong những điều kiện bất chấp luật pháp. Nói gì đến việc đục tường của khu hội trường thành ủy để xây lên một dãy quán cà phê ôm – hay nói cách khác, những tụ điểm mãi dâm trá hình – dọc theo đường Lý Chính Thắng. Trong khi Hiến pháp vẫn không thừa nhận quyền tư hữu về đất đai, có thể nói rằng từ trung ương đến địa phương cuộc chạy đua buôn bán đất công đã bắt đầu.

Phải chăng, đó là cách của Việt Nam rời khỏi chủ nghĩa xã hội và đi vào chủ nghĩa tư bản: cách làm kiểu châu Á, phát triển kinh tế thị trường mà không cần dân chủ hoá đời sống chính trị?

### Miễn bình luận

► Phát biểu tại kỳ họp Quốc hội tháng 12 vừa qua tại Hà Nội, bộ trưởng văn hoá thông tin Trần Hoàn cho rằng cần "đổi mới Quốc hội", song bác bỏ "loại ý kiến cho rằng đại biểu quốc hội phải là những người có trình độ văn hoá cao, có khả năng xét đoán dựa trên tri thức vững vàng và cần phải có kinh nghiệm nghị trường.". Ông nhấn mạnh: "tôi không thể tưởng tượng được là Quốc hội của ta lại không có nông dân, không có công nhân, không có các đại biểu người dân tộc". (Tuổi Trẻ 26.12.91)

► Sau khi sở văn hoá thông tin thành phố HCM liên tiếp dính vào nhiều vụ xì-căng-dan trong các ngành điện ảnh, âm nhạc..., một phóng viên đã hỏi giám đốc sở Nguyễn Văn Tòng nghĩ gì về ý kiến cho rằng ông nên từ chức. Ông Tòng liền trả lời: "Chữ từ chức không có trong từ điển của tôi. Đó là kiểu nghĩ của những người dân chủ tư sản. Người cách mạng cư xử phải khác. Tôi đến và đi đều do tổ chức và đảng bố trí phân công." (Tuổi Trẻ Chủ nhật 19.1.1992)



Hàn Thủy

# Trí tuệ và Phát triển

Do một sự ngẫu nhiên thích thú, ngày 30 tháng chạp năm Tân Mùi vừa qua, ban biên tập Diễn Đàn và một số thân hữu đã gặp nhau để thảo luận trọn một buổi chiều về chủ đề : "trí tuệ và phát triển". Bày mòn cổ giao thừa này vì lẽ sau 5 số vất vả để sống được, để tới tay bạn đọc đều đặn mỗi tháng như hoa nở đúng mùa, đã tới giai đoạn Diễn Đàn phải tự khẳng định là một tiếng nói độc lập và tự do của những người Việt, chủ yếu ở nước ngoài, mang nặng ưu tư với đất nước.

Vườn chỉ đẹp khi có nhiều loại hoa, nhưng không thể thiếu hài hoà, nhất là trong không gian thu hẹp 32 trang. Vì thế Diễn Đàn sẽ đều đặn đề nghị với bạn đọc những chủ đề qua đó ban biên tập và bạn đọc có thể góp phần tô điểm mảnh vườn chung. Hoa nào cũng đẹp ; miễn là hoa, nghĩa là chân thành, nghiêm túc... và cô đọng. Diễn Đàn không thể gửi tới bạn đọc những cây đại thụ, tuy rằng trên đời không thể thiếu những cây đại thụ.

Khỏi cần nói đến tầm quan trọng của trí tuệ trong công cuộc phát triển ở mọi nơi, khi ngày nay người ta đã coi trí tuệ là một động lực chủ yếu của sự phát triển kinh tế ; thậm chí trong những lãnh vực mũi nhọn nó còn là sức sản xuất trực tiếp. Tuy nhiên không thể khẳng định xuông như vậy : nên hiểu trí tuệ là gì ? Vai trò của giới trí thức ra sao ? Phát triển để đi đến đâu ? Tạo điều kiện như thế nào để phát triển được trí tuệ và để cho trí tuệ đóng góp vào sự phát triển ?... là những câu hỏi có liên hệ khắng khít với nhau và với mọi lĩnh vực khác trong sinh hoạt xã hội.

Đưa ra một chủ đề rộng như vậy, Diễn Đàn có tham vọng khơi mào cho một cuộc suy nghĩ, tranh luận, thảo luận dài hơi trong nhiều số sau. Và như thế cũng để rộng đường bút, có nhiều khía cạnh có thể bàn tới. Cuộc thảo luận có tính cách bần tròn vừa qua chỉ nhằm gợi ra những đề tài cho ban biên tập, bạn đọc và bạn viết. Dĩ nhiên những suy nghĩ xuất hiện trong ba giờ thảo luận trực tiếp không thể gọi là đã đi tới gốc rễ, và cũng không cô đọng như văn viết. Vì thế chúng tôi không dăng lại ở đây bần tròn đó, chỉ hẹn có dịp sẽ trở lại với vài mẩu đối thoại lý thú. Sau đây xin tóm lược những ý chính đã nảy ra, dĩ nhiên không được sinh động, và xin không có kết luận :

1. Hoạt động trí tuệ nằm ở mọi người, tuy nhiên có thể chia ra hai loại vấn đề : dân trí nói chung và những người trí thức nói riêng, nói hẹp lại là những người lao động bằng trí óc và sản xuất ra ý tưởng. Về dân trí, đâu là những hiểu biết cơ bản cần thiết về luật pháp, về tính cách công dân, về khoa học thường thức, về văn hoá v.v...? Như vậy lại thấy nổi bật vai trò bản lề của nền giáo dục và các nhà giáo cũng như của chính sách truyền thông và các phương tiện truyền thông.

2. Quan hệ giữa trí thức - chuyên gia và trí thức - công dân : Hiện nay khuynh hướng đào tạo và nghiên cứu thường đi sâu vào những vấn đề chuyên môn nhỏ ; vì thế có ý rằng : người trí thức khi nói về những chuyện mình biết không đóng vai trò "trí thức" còn khi đóng vai trò "trí thức" tức là nói về những điều mình không biết hơn ai khác ! Đây là điều cần được phát triển rõ

hơn, nó có quan hệ đến nhiều mặt, vì dù sao cái chính là có một đội ngũ trí thức - chuyên gia - công dân : không thể tách rời ! Như thế vấn đề đặt ra vừa là chính trị vừa là đạo đức : - đào tạo con người như thế nào ? và bản thân người trí thức phải đảm nhận vai trò đội chuyên gia - công dân của mình như thế nào ? Vấn đề đã quan trọng trong khoa học chính xác, lại càng quan trọng trong khoa học xã hội, nhân văn.

3. Phát triển rộng ra chủ đề trên thì phải nói tới quan hệ trí thức - xã hội - chính quyền. Những vai trò tuyệt đối quan trọng của người trí thức là chứng nhân và phê phán. Như vậy cần độc lập, đổi lập hay đứng ngoài. Lại cần biết đó có phải là những vai trò độc nhất không ? Nếu người trí thức không tham gia chính quyền, thậm chí giành chính quyền, thì việc ấy để cho ai ? Thế nhưng rõ ràng là có sự cạnh tranh, nếu không nói là mâu thuẫn, giữa "đòi hỏi chính trị và đòi hỏi đạo đức" (nécessité politique et nécessité morale). Người làm trọng tài chính là xã hội công dân. Lại trở lại vấn đề dân trí, và không phải chỉ dân trí ; vì xã hội là một tổng thể các yêu cầu vật chất và tinh thần, vì người ta đã thấy có những xã hội, trong một lúc nào đó có thể phát triển kinh tế rất mạnh trong một môi trường tinh thần không mấy tốt đẹp.

4. Liên hệ với Việt Nam hiện nay và rộng hơn là các nước không có nền văn hoá Tây phương, lại một loạt những vấn đề khác được đặt ra :

- Sự suy nghĩ của chúng ta có quá "tây" hay không, khi đề cao vai trò của người trí thức và giới trí thức (intellectuals và intelligentsia) như vậy có lạc lõng hay không ? Có được xã hội cảm nhận hay không ?

- Như thế lại đặt ra những quan hệ mới giữa văn hoá dân tộc - khoa học kỹ thuật và phát triển : có cần thiết phải Tây phương hoá về mặt văn hoá mới phát triển được hay không ?

- Những vấn đề thực tiễn đặt ra hiện nay : vấn đề chảy máu chất xám, sự quan hệ khắng khít giữa nhiều ngành với nhau, giữa nhiều nơi với nhau là điều kiện để phát triển khoa học. Có cần nghiên cứu khoa học cơ bản hay không ? Mục đích đào tạo là để làm gì ?... đều cần có câu trả lời, và nói chung chưa có câu trả lời.

5. Cuối cùng xin liệt kê một số chủ đề có tính cách nghiên cứu lịch sử - xã hội - và triết học. Tuy vậy đó không phải là những đề tài viển vông hay xa xôi :

- Ở Việt Nam, có hình thành hay chưa "giới trí thức" - hiểu như những người sống một cách độc lập bằng những sản phẩm trí tuệ của mình ? Truyền thống "sĩ phu", "nho lâm" ngày xưa còn lại gì trong xã hội, vai trò của nó như thế nào ?

- Ở châu Âu, sự hình thành của sĩ phu (intelligentsia) là như thế nào ? tại sao khoảng thế kỷ 16-17 họ nhảy vọt trong sự phát triển khoa học kỹ thuật, trong khi các xã hội khác chệch lạc ? Phải chăng ở đây có vai trò của các môi trường tự do tư tưởng là các đại học ? các tu viện ?

Khả năng ghi lại và tóm tắt của người viết rất có hạn trước một buổi bàn tròn đầy hứng thú và rất giàu ý kiến. Vì thế không dám nói ai là ai, ai đã nói gì. Mong bạn đọc theo dõi sự phát triển của chủ đề này trên mặt báo Diễn Đàn. Trong số này, ngoài bài suy nghĩ của Ng. V. có phần đầu bài "Trí thức và Dân tộc" của Tôn thất Nguyễn Khắc Thiêm. Số sau chúng tôi sẽ đăng thêm những suy nghĩ dưới dạng hồi ký về một bước dẫn thân của Cao Huy Thuần. Và những nghị luận hay biên khảo khác, nếu điều kiện cho phép.▼

# Trí thức và Dân tộc

Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm



Trên văn bản chính thức của Đại hội VII Đảng Cộng sản Việt Nam đã xuất hiện một liên minh mới : “ công – nông – trí ” đặt dưới sự “ lãnh đạo của Đảng ”. Và Đảng lại phất ngọn cờ “ tiên phong của dân tộc ”. Ngôi vị rõ ràng. Còn thiếu rõ ràng chăng là nội dung và tính chất của mỗi thành viên.

Thừa biết sức mình, người viết không dám lạm bàn mọi khía cạnh. Chỉ muốn đưa ra vài nhận xét sơ lược về vấn đề trí thức và dân tộc.

## 1. Trí thức đánh thuê : tiền lệ lịch sử

Trong hành trình đấu tranh và dấn thân, sẽ chẳng hàm hồ lăm khi nói rằng trí thức Việt Nam đã trọng trấn vai trò lịch sử của người đánh thuê. Kể từ làn ranh bên này đến giới tuyến bên kia. Từ Quốc gia đến Cộng sản. Từ tả sang hữu.

Đánh thuê hiểu ở đây theo nghĩa cao đẹp nhất là nhân danh cái gì khác mình, ngoài mình, không phải mình. Cái gì đó khi diễn đạt thành ngôn từ, thành tư tưởng, đương nhiên phải ở trên mình, cao hơn mình (nếu không, tự mình đã hạ thấp mình). Người trí thức đánh thuê vì thế có thể gọi là người cao thượng, người có lý tưởng, người đã quên mình. Cũng vì thế, đánh thuê là một hành xử chứa đầy sức nặng của lịch sử và sức đe của xã hội. Nhưng đã đánh thuê thì thế nào rồi cũng phải bị trói buộc bởi những khắt khe của một thân phận đã phục mệnh. Do đó, người đánh thuê là người tự mình phần nào tha hóa lấy mình. Và người trí thức đánh thuê rốt cuộc là người đánh mất đi – nhiều hay ít – cẩn tính và tiết tháo của việc trí tri.

Thứ nhin gọn lại : kể từ khi du linh của những tiếng hô “ Việt Nam muôn năm ” đã vọng vào khoảng không cùng với tiếng súng công đồn Yên Bái, trí thức Việt Nam trong hàng ngũ quốc gia, dù đã có một thời hào hùng kháng Pháp, nhưng với những xung đột của “ lý tưởng chống Cộng ”, những so đo trong tương quan lực lượng và quyền thế, cuối cùng đã đi đến những thỏa hiệp và cấu kết với các thế lực ngoại bang. Do thực trạng xã hội miền Nam thời ấy, không ít trí thức quốc gia, khi xuất chính, khi tham nghị, đã đóng trọng vị vai trò đánh thuê của mình. Đến độ tính trí thức biến mất, còn trơ lại những thân danh, khoa bảng vọng ngoại, làm le “ chục cửa hầu môn ” những mong tiến thân được hàng “ phẩm tước văn giai ” hầu túi cơm giá áo. Số khác, còn chút sĩ khí, song “ gấp thời thế thời phải thế ”, lui về những tháp ngà, chuyên môn của mình, chép miệng mà rời xa thế sự, trí có thức cũng nhu ngủ. Thảng hoặc giụt mình, vẫn cố mong làm một hành động gì đó, nhưng rồi lại sợ đem muối bỏ biển. Có dấn thân thì ý chí cũng như sóng gợn hồ thu : lúc có lúc không! Như sương buỗi sớm : thấy đó rồi tan ! Số còn lại, cũng chẳng ít,

tiến bộ hơn, tinh thức hơn, không còn đường nào khác là đồng hành hoặc đồng chí với những người cộng sản. Để rồi vài năm sau ngày thống nhất, có người lại ra đi, vượt biên hoặc chính thức, với đầy đủ những ngậm ngùi và chua xót.

So với những hành trình trên, nhìn từ một góc độ nào đó, người ta thấy những trí thức dấn thân bên kia giới tuyến có lẽ đã chịu cùng một trọng thương, để cuối cùng nhận lãnh vai trò đánh thuê không tránh khỏi. Mục đích, lý tưởng, tính toán dù có khác nhau, nhưng đã khởi đi từ cùng một xuất phát điểm lịch sử : Từ tiếng trống gọi hồn Văn Thành đến tiếng chuông Thiên Mụ u sầu của Ông già Bến Ngự, từ Đông Kinh nghĩa thục đến những giọt lệ chảy thành máu của Phan Tây Hồ, vua chúa đã trần truồng, đất nước đã vong thân, sĩ phu đã lơ láo ! Trí thức tiến bộ không còn con đường nào khác là tiếp cận trào lưu tư tưởng nhân đạo và khai phóng nhất của thời đại đó, để nhìn lại dân tộc, nhìn lại hàng ngũ mà tự nguyện qui thuận. Cách mạng vô sản, hầu mong hoán vị cho những giai tầng vô sản, cho một đất nước của không ít những con người mà đầu óc cũng vô sản nốt.

Những ngọn cờ cũ rũ xuống. Những ngọn cờ mới được trưng lên. Những thần tượng cũ quá vắng. Những tượng dài mới được dựng lên. Tôn nghiêm chẳng kém. Thần thánh chẳng kém. Rồi “ vô sản hóa ”, rồi “ xô-viết hóa ”, rồi “ xtalin hóa ”, rồi “ mao hóa ”, rồi rất nhiều thứ khác được chủ nghĩa hóa. Kể cả những giao cảm của con người và trầm mặc của khối óc. Trí có thức cũng dần dà nhu mè.

Một cách nào đó, có thể nói rằng khi người trí thức Việt Nam, từ cái nhân bản của mình, xung phong trấn nhậm vai trò đánh thuê, đã tạo ra những thành lũy tự nhốt mình : từ “ chọn lựa ý thức hệ lịch sử ” đến “ đầu hàng giai cấp ” và cuối cùng là “ đầu hàng cơ chế ”, con đường đã được chứng minh là chẳng dài.

Ngày nay, tiếp tục vai trò đánh thuê theo những cách ấy thì trí thức có còn giữ được hào khí gì của kẻ sĩ ? Thậm chí có còn thật sự là trí thức ? Hay rồi lại như ai trong bài “ Ai điếu ” ở đoạn chót của đời, khi đã miệt mài suốt một quãng đường dài hơn hai mươi năm trong “ khắc khoải nhân sinh ”, trong “ lầm lùi cát bụi ”, một con người còn nặng nghĩa với con Người đã phải thở hắt ra : “ chúng ta thiếu vắng những cây thông đứng sừng sững ” (1).

Nói cho tận ý – dù biết là chủ quan, vội vàng, chưa hoàn chỉnh –, phải chẳng trí thức Việt Nam, cả bên này lẫn bên kia, khi đã dấn thân vào lịch sử để đảm nhận vai trò đánh thuê cho mãi đến ngày hôm nay, và dù rằng vai trò ấy nhỏ bé đến đâu chẳng nữa, rốt lại là tự mình đã ít nhiều suy vi lấy mình, vong bần lấy mình, tha hóa lấy mình ?!

## 2. “Tự mình và vì mình” : hoà giải trí thức và hoà hợp dân tộc

Luận đề : Nhờ ý thức và tính tổ chức mà một thành phần xã hội từ trạng thái “tự mình” hoán chuyển sang trạng thái “vì mình”. Và chỉ dưới hình trạng “tự mình và vì mình” – nói cách khác là “tự thân và tự giác” – mà thành phần đó mới có thể góp phần tích cực nhất của mình vào lịch sử chuyển hóa xã hội trong một chiều hướng tiến bộ.

Dĩ nhiên, đấy chẳng phải là do người viết nghĩ ra. Nó phát

suy nghĩ gần xa

### Trí thức

Chất xám, trí tuệ, trí thức... là những từ thời thượng. “Trí” cũng được gắn thêm vào “công, nông”, để thành “công, nông, trí”. Nhưng e rằng tuỳ nơi, tuỳ người, trong, ngoài, từ “trí thức” không được định nghĩa giống nhau, do đó có thể gây ra một sự hiểu lầm đáng tiếc.

Có nơi hiểu “trí thức” theo nghĩa “có bằng cấp” (có lẽ vì vậy mà có lúc có người hám bằng cấp mà không trọng sự hiểu biết tương xứng), có người định nghĩa “trí thức” là “người làm việc bằng trí óc”<sup>1</sup> (nhưng trong một xã hội công nghiệp hoá cao, đôi khi khó phân biệt được ranh giới giữa lao động trí óc và lao động chân tay). Ở các nước đã phát triển, ngày nay, nhiều người hiểu “trí thức” theo nghĩa “không những là người làm việc bằng trí óc, mà đồng thời còn là người quan tâm đến những vấn đề nhân bản, đến sự tiến triển của xã hội, của thế giới, của nhân loại...”, phần nào phân biệt với những người làm việc bằng trí óc mà chỉ chăm chú làm việc nghề của mình, mà người ta gọi là những “chuyên gia kỹ thuật”<sup>2</sup>. Phải chăng cũng na ná như sự phân biệt, rất ý nhị, giữa “sĩ phu” và những người “làm thơ, làm phú” thuở xưa?

Cùng hiểu định nghĩa như nhau, thì mới có thể đại khái đồng ý với nhau về “chỗ đứng và vai trò của người trí thức trong xã hội”. Nếu người trí thức chỉ là người “chuyên gia kỹ thuật”, thì đúng là họ chỉ làm việc chuyên môn, còn “chuyện đời” thì để cho người khác lo. Còn nếu hiểu người trí thức theo nghĩa “sĩ phu” của thời hiện đại, thì dễ chấp nhận vai trò của họ trong những việc nêu ý và đề nghị giải pháp, làm nhân chứng cho thời đại, phê bình, tranh luận phải trái, nghĩa là dễ chấp nhận sự tự do phát biểu ý kiến...

Nhưng người “trí thức” chỉ tranh luận ý kiến. Khi đi vào hành động, họ sẽ bước qua ranh giới của người làm chính trị. Đó lại là một chuyện khác!

Ng. V.

<sup>1</sup> Như Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội 1977.

<sup>2</sup> “Kỹ thuật” hiểu theo nghĩa rộng.

xuất từ một luận đề mác xít (từ khái niệm “vật thể tự nó” – noumène – của Kant sang đến tư tưởng như là một dạng thể “tự nó vì nó” hình thành thông qua một vận động biến chứng giữa phủ định của phủ định để trở về với “chính nó” của Hegel) : Đối với một đảng cầm quyền vẫn luôn tuyên bố vững chắc rằng bản thân mình là một thành trì của chủ nghĩa vừa Mác vừa Lê thì luận đề này nhất thiết phải được chiêm nghiệm trong vấn đề trí thức / thành phần xã hội nêu ra ở đây. Cũng xin nói rằng bài này chẳng dám “đánh trống qua cửa nhà sấm” mà lạm bàn về tính tổ chức. Chỉ mong góp đôi điều về chuyện ý thức.

Trước tiên, cần rõ ràng một điểm : Từ đây đến mai hậu, mãi mãi vẫn có và vẫn còn những người trí thức đánh thuê. Nhưng nếu đánh thuê là một lựa chọn thì thật là chẳng có gì để nói : Mỗi lựa chọn là một tự do. Mỗi tự do là một hoàn cảnh. Mỗi hoàn cảnh là một con người. Mỗi con người là một ý thức. Và mỗi một bản thân tự gánh trách nhiệm sự dấn thân của đời mình trên đôi vai của chính mình !

Nhưng vấn đề chính là ở chỗ lựa chọn và tự do, nghĩa là ở chỗ ý thức và hoàn cảnh lịch sử : Cho đến gần đây thôi, lịch sử cay nghiệt đã chẳng để cho những con người có ý thức về tiền đồ dân tộc một sự tự do lựa chọn nào khác ngoài con đường đánh thuê. Đã hơn hai thế hệ xung phong nhận lãnh. Ngày hôm nay, lịch sử sang trang mới, mở ra những lựa chọn mới, đòi hỏi những tự do mới, những ý thức mới. Thật sự đã qua rồi cái thời, mà rất nhiều thành phần xã hội – nhất là thành phần trí thức / tiểu tư sản – khi muốn làm nên lịch sử là phải tự mình chối bỏ lấy mình. Đó chính là điều đầu tiên cần ý thức.

Tiếp đó là ý thức về hệ quả của tiến trình trí thức đánh thuê : tha hóa trí thức ! Tha hóa là vong thân. Tức là chẳng thể tự thân hay tự mình. Nói chi đến tự giác hay vì mình. Thủ nghĩ với một thành phần xã hội chưa có được một hình trạng tự thân thì thành phần đó sẽ đóng góp được gì thật sự tiến bộ cho việc chuyển hóa lịch sử?! Đâu phải ngẫu nhiên mà một nhà sử học đã nhận định : “Bi kịch, nỗi bất hạnh của trí thức Việt Nam, của nước Việt Nam là ở chỗ nước ta chỉ có những nhà trí thức (intellectuals) chứ không có giới trí thức (intelligentsia)” (2). Do đó cũng dễ hiểu vì sao có người đã ghi nhận rằng “trong học thuật” ở Việt Nam chỉ có “bè phái, phe nhóm” chứ không có “trường phái” (3).

Rõ ràng là phải chấm dứt tình trạng vong thân. Trí thức Việt Nam dấn thân bên này và bên kia không còn có thể tiếp tục mãi nhân danh cái khác mình, cái ngoài mình. Hãy nhân danh chính mình, chính cái mình có, chính cái mình biết, chính cái mình ngậm ngùi, chính cái mình chua xót. Bất kỳ lúc nào cũng nhân danh cái khác mình là kéo dài những nhập nhằng, chồng chéo, những tình trạng đảo điên, những thế sự tương tàn. Nhân danh chính mình là đòi hỏi mọi thứ phải được trả về đúng vị thế của nó : chính trị ra chính trị, kinh tế ra kinh tế, văn hóa ra văn hóa, khoa học ra khoa học. Khoa học không còn nhân danh chính trị. Chính trị không còn nhân danh trí tuệ loài người. Cứ thế, chính danh sẽ dần dần sáng tỏ : Kinh tế không thể nhân danh hạnh phúc. Văn hóa không thể nhân danh kinh điển. Cơ chế không thể nhân danh đạo lý. Chủ thuyết không thể nhân danh con người để cuối cùng đè

bép con người.

Bỏ cái thời tham lam, hồ đồ, bao biện của những con đại bàng vạn năng sợ cả cái bóng mình che khuất lấy mình là đến thời khoa học thực thụ. Bước qua cái thời của những trí thức đánh thuê hăm hăm hở hở “nhất kiếm hành thiên hạ” là sang thời của những thức giả đem thực học ra thi thoả với đời. Bởi một khi khoa học nhân danh chính mình thì trí thức mới nhận diện ra mình và nhận chân ra vai trò của mình trong xã hội, trong lịch sử. Những sở học, kiến thức, tài năng, uyên bác phải đóng góp thế nào để đạt kiến hiệu nhất trong việc góp sức dựng xây quê hương thoát ra khỏi nghèo nàn, thua thiệt, thấp kém? Những hoài bão và những giới hạn của mỗi ngành, mỗi nghề và ngay cả của mỗi người cũng sẽ dần dần mà rõ nét.

Đó cũng chính là lúc mà vấn đề hòa giải những trí thức Việt Nam trước nay đánh thuê bên này và bên kia có thêm nhân tố giải tỏa: trở về với chức năng thật sự của mình trong xã hội, đặt những mục đích mà một đất nước nghèo nàn đang đòi hỏi ở những người có học như là những thách thức chung và những thử thách chung. Dĩ nhiên sẽ rất là huyễn hoặc khi nghĩ rằng như thế sẽ bớt phân cách giữa tả và hữu, giữa những dòng tư tưởng, những nhân sinh quan, xã hội quan và sứ quan khác nhau. Vẫn còn và nhất thiết phải còn: thực tiễn đòi hỏi đổi chiếu, đổi chất, cọ xát, tranh luận. Thậm chí dụng chạm và dụng độ. Nhưng nếu cơ sở là một sự đồng thuận tối thiểu trên một số giá trị nhân bản cần phải được tôn trọng (4), không phải chỉ bằng ngôn từ mà bằng cả cách hành xử, thì con đường đi đến hòa giải đã được bắt đầu khai thông. Trí thức, người quen sống với khái niệm, nếu tự mình chưa định hình được một con đường để hòa giải với chính mình, thì dựa vào đâu mà đòi hỏi hòa giải hòa hợp ở người khác?!

Ngày nay, trí thức Việt Nam phải khẳng định rõ vị thế và trách nhiệm của mình. Chờ đợi những “cơ chế thoảng”, mong có được những “chính sách trí thức rộng mở” là đòi hỏi ở người. Tự mình phân định vai trò của mình là đòi hỏi ở mình. Có tự mình thì trí thức Việt Nam mới mong hợp lưu thành “giới trí thức” có trọng lượng. Lúc ấy mới mong tính đến việc đổi trọng lại sức đe của lịch sử, của cơ chế. Nếu không, dù có dứt bỏ thân phận đánh thuê thì ròi tiếng nói của trí thức cũng sẽ bị quán tính lịch sử đè bẹp, ú ớ như bị bóng đè!

Tự mình hay tự thân đã tương đối rõ. Nhưng thế nào là vì mình hoặc tự giác. Tự giác ở đây dùng để chỉ trạng thái của một thành phần xã hội đã nhận thức rõ lực lượng và nhiệm vụ của nó trước lịch sử. Vì mình, đúng là vì nhiệm vụ lịch sử của mình, vì vai trò xã hội của mình chứ không phải duy nhất vì những quyền lợi của tập thể và của bản thân mình. Và chỉ thông qua những quan hệ gắn bó giữa thành phần xã hội đó với cộng đồng dân tộc mà tính tự giác của nó được phát huy. Gramsci có một nhận định sâu sắc: “*Thành phần bình dân cảm nhận nhưng lầm khi không hiểu và nhiều khi không biết; thành phần trí thức biết nhưng đôi khi không hiểu và nhất là nhiều khi không cảm nhận một chút gì cả*” (*L'élément populaire sent, mais ne comprend pas ou ne sait pas toujours ; l'élément intellectuel sait, mais ne comprend pas et surtout ne sent pas toujours*) (5). Chính là thông qua những

mối liên hệ giữa hiểu/biết/cảm nhận mà thành phần trí thức mới xác định rõ được tính chất vì mình: khi trí tuệ được hoà quyện với những cảm xúc thật sự của cái đau, cái khổ, cái nghèo, cái hèn, cái nhục.. thì trí thức mới vừa có óc vừa có tim, mới hiểu thật sự những cái mình cần biết, mới biết những cái mình cần làm, mới làm những việc nhất thiết mình phải làm. Nếu không, trí thức chỉ còn là những khoa bảng, lẩn lộn tư duy là tu kỷ, đã tự mình chia lìa với dân tộc, với đất nước, với con người!

Từ đánh thuê đến tự mình và vì mình, con đường quả là chẳng ngắn. Nhưng nhất thiết phải đi. Có thể, trí thức mới nhận diện ra chính mình, từ đấy mà cố gắng trung thực với mình và trung chính với người, hoà giải với chính mình và hoà hợp với dân tộc. Mỗi ý thức là một niềm đau. “*Savoir c'est souffrir*”, Pablo Neruda đã từng kêu lên. Nhưng có những nỗi đau vô cùng cần thiết: chính nó đã thôi thúc chúng ta đi từ vùng tối của đêm ra ánh sáng của ngày. “*Et nous sommes : chaque nouvelle sortie de l'ombre nous donna la souffrance nécessaire*” (6).

Hẳn nhiên, trong hiện tình Việt Nam, trên con đường phân định vai trò của mình, trí thức phải đổi đầu với nhiều câu hỏi. Thủ điểm sơ qua: Trong sự xô bồ của một cơ chế thị trường được dịp bung ra, nếu “chất xám là hàng hóa” thì trí thức là cái gì? Vào thời buổi mà vấn đề cấp bách là “phát triển kinh tế” vậy thì trong khoa học, trí thức nào có thể bị xem là “phi kinh tế” nhất? Trong chiều hướng đó, phải chăng, chủ nghĩa thực dụng là chị em song sinh của chủ nghĩa “mác xít thông tục” (marxisme vulgaire)? Và dưới cái nhìn của hai quan niệm sinh đôi đó, đã có những đòi hỏi gì về những “đóng góp cụ thể và quan trọng hàng đầu” của trí thức? Cái sinh lợi túc thời đã che đi cái nhìn về hậu sự? Cái đòi hỏi về những thành quả trông thấy ngay được đã dẫn đến việc xem thường những kiến thức tưởng như là trừu tượng? Vậy đâu là những chuẩn mực xã hội để định giá trị của người trí thức, để đánh giá những công trình khoa học? Trong bối cảnh đó, trí thức, một thành phần vẫn được xem như là tiểu tư sản, cần có những khẳng định gì để góp phần vào việc phát triển kinh tế đồng thời với phát triển dân chủ? Trong phần hai, xin sơ lược vài suy nghĩ với bài “Trí thức, hàng hóa và dân chủ”.

Tôn Thất Nguyễn Khắc Thiêm

(1) Nguyễn Minh Châu, *Hãy đọc lời ai đó cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*, Đoàn Kết số 399, tháng 2.1988.

(2) Trần Quốc Vượng, *Nỗi ám ảnh của quá khứ*, Đất Mới, bộ 3, số 5-6.1991.

(3) Phong Lê, *Đổi mới để có độc lập, sáng tạo trong suy nghĩ và dân chủ trong tranh luận*, Đoàn Kết số 419, tháng 12.1989.

(4) Xem Lê Hùng, *Vấn đề hòa giải hòa hợp*, Diễn đàn số 3, tháng 12.1991.

(5) Gramsci dans le texte, éd. Sociales, Paris 1975, tr.301.

(6) Pablo Neruda, *Mémorial de l'Ile Noire*, éd. Gallimard, Paris 1983, tr.251.



# Đã 3 năm

Colette Andrieu và Bùi Trọng Liêu<sup>1</sup>

Đã ba năm rồi, kể từ ngày Đại học *Thăng Long* mở cửa. Nhân dịp này, chúng tôi xin được tóm tắt vài lời sơ kết, nhìn từ Pháp.

**1** Nhũng nghi ngờ lúc đầu từ nhiều phía<sup>2</sup> dần dần đã tan bớt, nhường chỗ cho những đánh giá đúng mức hơn. Điểm qua những thành tựu của *Thăng Long*: sinh viên đã sang năm thứ 3; không khí học hành nghiêm chỉnh; kỷ luật nghiêm túc; thầy dạy được lựa chọn ở mức cao; chương trình giảng dạy có mức độ quốc tế<sup>3</sup>; quản lý có nề nếp và tiết kiệm; giao dịch quốc tế được mở rộng<sup>4</sup>. Với sự thành lập của *Thăng Long*, vấn đề lý lịch (trong việc học) không còn nữa; vấn đề chảy máu chất xám được đặt ra với một hướng giải quyết; việc công chúng so sánh mức độ học hành và giảng dạy giữa các trường đã buộc mọi trường — dù là quốc lập hay dân lập — phải nhìn lại chương trình học và quản lý của mình; việc công chúng quan tâm và tham gia vào việc học hành của con em mình và việc nêu lại một số giá trị đạo đức, tất góp phần cho sự phục hưng của một xã hội dân sự (*société civile*). Ngoài ra, *Thăng Long* đã nêu lại sứ mạng của một nền đại học (theo tiêu chuẩn của thời đại, ở các nước phát triển): truyền bá sự hiểu biết, thông tin khoa học và kỹ thuật, mở rộng văn hóa, nâng cao trí tuệ, tính độc lập suy nghĩ, hợp tác quốc tế và hoà nhập vào sự tiến triển chung của thế giới, chứ không chỉ đào tạo nghề nghiệp (theo nghĩa hẹp) mà thôi.

Có lẽ nay có thể coi thái độ của giới cầm quyền đối với *Thăng Long* như là một sự công nhận “tính chất có căn cứ” (*bien-fondé*) của thí điểm *Thăng Long*<sup>5</sup>.

**2** Bên cạnh những điểm đạt, cũng xin nói những điểm không đạt của *Thăng Long*: vì ngân quĩ eo hẹp, chỉ mở có một ngành; vấn đề trường sở chưa giải quyết nổi<sup>6</sup>; *Thăng Long* chưa có sức thuyết phục cảnh tỉnh rằng nhu cầu ưu tiên cho Việt Nam là việc đào tạo tại chỗ, chứ không phải là việc đóng góp cho một số tài năng trẻ rời bỏ Việt Nam để tìm đường tiến thân ở nước ngoài; tại Việt Nam thì người hưởng ứng quá nghèo không thể đóng góp cho *Thăng Long* mở rộng; bên ngoài *Thăng Long* được sự giúp đỡ của một số hội đoàn, vài nhà xuất bản hảo tâm và vài chục cá nhân đóng góp vì nghĩa cả và đạo lý, nhưng chưa thuyết phục nổi các nhà kinh doanh về sự lợi ích lâu dài của việc tham gia hỗ trợ một nền giáo dục đào tạo không chỉ nhằm phục vụ nhất thời...

Trong tình trạng đó, có lẽ vấn đề ưu tiên của *Thăng Long* là tồn tại lâu chừng nào hay chừng nấy, hơn là khuếch trương. Tất nhiên *Thăng Long* không thể (và chưa hề có ý định) thay thế cho tất cả; nhưng nó đóng vai trò một động lực thúc đẩy sự đổi mới.

Nhưng trong cái hiện tại đầy khó khăn, gian nan này, *Thăng Long* còn là một giấc mơ. Mơ về quá khứ, trở về năm 1076, dưới triều Lý, Quốc tử giám — một thứ đại học theo tiêu chuẩn của thời đó, mà không phải nước nào cũng có — được thành lập, mở ra một nền học vấn có qui củ cho Việt Nam... Mơ về tương lai, về một ngày nào đó, khi đông đảo người chấp nhận cái ý rằng đất dai Việt Nam chỉ đủ để là nơi bảo đảm một cuộc sống ổn định và đàng hoàng cho gần 70 triệu con người với điều kiện đó là những con người có học thức, có một trình độ văn hoá.

Đã ba năm qua. Thời gian ba năm rất ngắn so với lịch sử của một nước, nhưng so với một vài độ dài thời gian trong quá khứ, ví dụ 9 tháng của trường *Đông Kinh nghĩa thục*<sup>7</sup> thì 3 năm cũng là một thời gian khá dài.

Quí vị muốn chia sẻ giấc mơ này, xin hãy cùng chúng tôi tiếp sức cho *Thăng Long*. Chúng tôi xin gửi đến các ân nhân của *Thăng Long* lời chân thành cảm ơn.

21.2.1992

<sup>1</sup> Tổng thư ký và chủ tịch của hội A.U.V.F. (Amitié Universitaire France-Vietnam), 16 rue du Petit-Musc, 75004 PARIS. Có thể hỏi bản tiếng Pháp *Thăng Long, trois ans déjà* ở AUVF.

<sup>2</sup> Báo chí và truyền thông phương Tây hồi đó (như The New York Times, The International Herald Tribune, đài M6, Le Monde de l'Education, FEER... và gần đây CNN, CBS...) và chính giới, thì đánh giá *Thăng Long* như một bằng chứng của sự đổi mới và mở cửa của Việt Nam. Báo chí và truyền thông của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu thời đó thì tìm hiểu xem *Thăng Long* có phải là một triệu chứng của sự “lịch đường” của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam không. Trong khi dư luận nói chung ở Việt Nam hưởng ứng (kể cả qua báo chí), thì từ nước ngoài — bên cạnh những nhiệt tình — cũng có những thờ ơ, gán ghép hoặc ganh tị vu vơ.

<sup>3</sup> Giáo sư viện sĩ Laurent Schwartz, cựu chủ tịch Uỷ ban đánh giá đại học Pháp (Comité d'évaluation des universités françaises), sau chuyến thăm *Thăng Long* cuối năm 1990, có làm một bản đánh giá rất tốt về trình độ *Thăng Long* (xem Đoàn Kết bộ cũ, số 433, 1991).

<sup>4</sup> Được sự giúp đỡ vật chất của các tổ chức CCFD, AEFA, France-Libertés, Hội người Việt Nam tại Pháp và các Chi hội Lille và Puy-de-Dôme... Bà Danielle Mitterrand, chủ tịch France-Libertés, thăm *Thăng Long* tháng 5.1991 (lý do chính thức sang Việt Nam của bà là lời mời của Ban giám đốc *Thăng Long*). *Thăng Long* có trao đổi với ISG, và đang cố gắng mở quan hệ với một số nơi, như đã liên lạc với AUPELF (Hội các đại học sử dụng hoàn toàn hay một phần tiếng Pháp)...

<sup>5</sup> Sau ngày khánh thành 21.2.1989 tại Văn Miếu, với sự có mặt của Phó chủ tịch Võ Nguyên Giáp và Bộ trưởng Trần Hồng Quân, và sau một thời gian lâu quan sát, ngày 25.10.1991, Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Nguyễn Khánh và Bộ trưởng giáo dục và đào tạo Trần Hồng Quân đã đến thăm *Thăng Long* và đánh giá tốt. Một qui chế về các “đại học tự quản” đang được soạn thảo. Theo dự thảo, “đại học tự quản” gồm 2 loại: “đại học bán công”, nếu tỉ lệ đầu tư cơ sở vật chất ban đầu của Nhà nước chiếm từ 50 % đến 100 %, và “đại học dân lập” nếu tỉ lệ đó là 0 %. Quyền tự quản của nhà trường gồm: tự đề xuất chương trình và ngành nghề đào tạo; tự đưa ra cơ chế tuyển sinh và thoả thuận sử dụng thầy giáo theo qui chế hợp đồng; tự quyết định về tài chính; tự chủ trương trong việc thiết lập các mối quan hệ trong và ngoài nước.

<sup>6</sup> Trong vòng 3 năm, *Thăng Long* đã phải đổi nơi giảng dạy 4 lần.

<sup>7</sup> Trường hoạt động 9 tháng năm 1907. Chúng tôi chỉ so sánh tuổi thọ, và ngưng ở đó.

## Thủ tìm hiểu

# khía cạnh kinh tế của hoạt động nghệ thuật và giáo dục

và

## vai trò của các hoạt động không vụ lợi trong một nền kinh tế thị trường



Vũ Quang Việt và Ngô Thanh Nhàn<sup>1</sup>

Bài viết này nhằm đưa ra một số phân tích khía cạnh kinh tế của các hoạt động nghệ thuật, giáo dục và qua đó thử phác họa hướng giải quyết toàn diện và hợp lý cho các hoạt động này, và các hoạt động có lợi ích chung tương tự trong bối cảnh một nước đang phát triển kinh tế theo hướng thị trường như ở Việt Nam.

### Vài nét về lịch sử khía cạnh kinh tế trong hoạt động nghệ thuật và giáo dục

Tìm trong lịch sử nhân loại và đất nước, nghệ thuật dân gian tự phát nhằm vui chơi sau vụ mùa, hoặc sống nhờ vào thị trường bằng các gánh hát nhỏ bé kiếm sống thêm thường đơn giản và phát triển mức độ. Nghệ thuật thường chỉ phát triển mạnh khi được tôn giáo, vua chúa, nhà nước, những người giàu có quan tâm và sử dụng. Xã hội ngày càng giàu lên thì ngày càng có những người có nhiều tiền hơn nuôi dưỡng nó phát triển. Của cải ngày càng nhiều hơn cho phép dân chúng đóng góp vào hoạt động tôn giáo, xã hội nhiều hơn trước và cũng cho phép vua chúa, nhà nước thu thuế nhiều hơn. Hoạt động nghệ thuật vì thế trở nên phong phú và phát triển rõ rệt hơn. J.S. Bach (1685-1750) sống nhờ vào sự bảo lãnh của một số quan chức giàu có của giáo hội. L. van Beethoven (1770-1827) cũng sống nhờ vào sự bảo lãnh của một số quan chức giàu có. Những người nghệ sĩ này không còn phải lo lắng quá nhiều cho cuộc sống vật chất và vì vậy họ có thể trở thành những nghệ sĩ chuyên nghiệp, sống để làm nghệ thuật.

Đối với vua quan, nghệ thuật không chỉ là để mua vui, mà còn là biểu tượng của uy quyền, giàu có, và văn minh. Đối với tôn giáo, nghệ thuật, giáo dục là phương tiện để phát triển. Michaelangelo là một thí dụ điển hình. Ở Việt Nam nếu không có sự phát triển của Phật giáo có lẽ ta sẽ không có được nghệ thuật trong các đền chùa ngày nay. Để bành trướng giáo lý, tôn giáo đã hết sức coi trọng phát triển chữ nghĩa và giáo dục chữ nghĩa. Chữ quốc ngữ ngày nay cũng là do công của giáo sĩ Alexandre de Rhodes, tuy phát minh ra với mục đích duy nhất là nhằm nhanh chóng truyền dạy giáo lý Thiên chúa giáo cho người Việt Nam. Giáo dục dân được mở rộng hơn khi giai cấp cầm quyền coi đó là công cụ phát huy bộ máy cai trị, chẳng hạn như các kỳ thi nhằm mục đích tuyển quan lại ở Trung Quốc và Việt Nam. Khi Việt Nam đi vào công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều người nghĩ ngay đến việc mở mang dân trí bằng giáo dục. Nghệ thuật và giáo dục trong các nước theo chủ nghĩa xã hội lại càng được xác định mục đích rõ rệt hơn: nghệ thuật phải là nghệ thuật hiện thực xã hội chủ nghĩa, phải có tính đảng.

Chỉ khi cuộc cách mạng kỹ thuật phát triển vào thế kỷ thứ 18-19, khi những người lao động đã bắt đầu có để dành, có khả năng trả tiền thì người ta mới thấy xuất hiện nhiều đoàn nghệ thuật tư nhân và các trường học tư nhân. Phải chăng từ đó nghệ thuật, giáo dục đã trở thành " hàng hoá " có thể mua bán trên thị trường, giá cả được quyết định theo luật cung cầu và không còn là những hoạt động cần tài trợ của chính quyền, cá nhân hoặc tổ

chức nhằm những mục đích khác hơn mục đích kiếm lời ? Và như vậy người sản xuất ra những hàng hoá này có thể tự sống mà không cần một hình thức tài trợ nào cả ? Đây là những câu hỏi quan trọng cần được phân tích và trả lời đúng đắn.

Hãy xem qua một vài số liệu của một nền kinh tế thị trường phát triển mà mức độ xã hội hoá rất thấp như Mỹ. Nước Mỹ là nơi có tỷ lệ trường học tư cao so với các nước kinh tế thị trường khác. Ở bậc tiểu học và trung học, tỷ lệ trường học tư là 23 %, trong đó 80 % là do các tổ chức tôn giáo mở ra và được họ tài trợ một phần không nhỏ (ngân quỹ của tôn giáo là do tín đồ đóng góp, năm 1988 lên tới 48 tỷ USD). Ở bậc đại học, tỷ lệ trường tư chiếm 30 %, nhưng những trường này cũng sống bằng tài trợ của nhà nước, cá nhân hảo tâm và công ty tư nhân. Vào năm 1986 tính chung cho các đại học tư ở Mỹ, tiền học phí sinh viên đóng góp chỉ bằng gần 39 % số thu của đại học, phần còn lại là do nhà nước tài trợ trực tiếp (cho không, 13 %) hoặc gián tiếp (nhận công trình nghiên cứu 15 %), tiền cá nhân hảo tâm đóng góp, công ty tư nhân đóng góp và các hoạt động sinh lợi khác (33 %)<sup>2</sup>. Về hoạt động nghệ thuật, ngoài ca nhạc nhẹ, các nhà hát kịch Broadway (chủ yếu là hình thức nhạc kịch phổ thông) là tự nuôi sống mình với giá rất cao từ 30-60 USD một vé, hầu hết các hoạt động nghệ thuật khác (opera, nhạc giao hưởng, nhạc thính phòng, kịch cổ điển, kịch mới) đều phải dựa vào tài trợ của nhà nước, của cá nhân hảo tâm và tổ chức không vụ lợi. Tính cho tất cả các hoạt động nghệ thuật trình diễn ở Mỹ, theo điều tra của thống kê Mỹ, năm 1972, chỉ có 50 % chi phí hoạt động là dựa vào vé bán (hiện nay, một số kịch bản lối bán vé trước cả năm để có tiền dựng vở). Nếu chỉ tính cho nhà hát giao hưởng, opera, ballet, múa hiện đại thì chi phí dựa vào vé bán chỉ có 38 %<sup>3</sup>. Vé bán cho hoạt động kịch nghệ nghiêm túc ở thành phố Nữu Uớc vào năm 1982 chỉ trang trải được 34 % chi phí, nhưng lại chưa kể đến sự kiện là có đến 71 % nghệ sĩ đóng kịch không có lương<sup>4</sup>. Hoạt động nghệ thuật cao cấp ở Âu châu dựa vào chính quyền nhiều hơn Mỹ, tỷ lệ bù lỗ lên tới 3/4 chi phí.

### Khía cạnh kinh tế của hoạt động nghệ thuật, giáo dục trong nền kinh tế thị trường

Để hiểu rõ khía cạnh kinh tế của vấn đề, cần nêu lên một đặc thù của các loại hàng hoá thông thường trong nền kinh tế trải qua các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, đó là con người tham

<sup>1</sup> Vũ Quang Việt, tiến sĩ kinh tế, chuyên gia Liên Hiệp Quốc ; Ngô Thanh Nhàn, tiến sĩ ngôn ngữ, nghiên cứu tại Đại học New York, chủ tịch Công ty Vinexco. Cả hai đã có nhiều hoạt động liên quan đến các tổ chức không vụ lợi.

<sup>2</sup> Statistical Abstract of The United States, 1990, U.S. Department of Commerce, Bureau of Census.

<sup>3</sup> Dick Netzer, *The Subsidized Muse : Public Support for the Arts in the United States*, Cambridge University Press, 1978.

<sup>4</sup> William Baumol, *Inflation and the Performing Arts*, New York, 1984.

gia các hoạt động sản xuất các loại hàng hoá này ngày càng có **năng suất cao hơn**. Khi năng suất cao lên, tức là để sản xuất một món hàng, người lao động cần ít thời gian hơn trước. Quá trình phát triển, do đó, là một quá trình giảm giá thành sản xuất. Người sản xuất (hay người chủ) có thể trả công lao động như cũ, dùng ít lao động hơn để tăng lợi nhuận. Nhưng đó chỉ là quyết định thiển cận. Ngược lại, họ thường giảm giá hàng, mở rộng thị trường, mở rộng sản xuất, đồng thời nâng mức lương cho người lao động, vừa đồng thời tăng tổng số lợi nhuận cho mình vừa bảo đảm được quan hệ sản xuất hoà bình. Đối với một số lãnh vực hoạt động nghệ thuật và hoạt động giáo dục thì việc tăng năng suất sản xuất gần như không xảy ra.

### Nghệ thuật biểu diễn

Trong hầu hết các hoạt động nghệ thuật biểu diễn, dù cho trải qua hàng trăm năm tiến bộ khoa học, ta cũng không thể giảm đi số lao động sử dụng. Chẳng hạn, một bản tango không thể chỉ dùng một nhạc công, một dàn giao hưởng không thể sử dụng ít người hơn bản nhạc qui định mà không ảnh hưởng tới chất lượng của dàn giao hưởng, một đoàn kịch cũng thế.

Mở rộng thị trường người xem và người nghe là một giải pháp để tăng thu. Giải pháp này chỉ có thể thực hiện đối với một số hoạt động nghệ thuật như nhạc nhẹ, nhạc rock bằng cách sử dụng nơi trình diễn lớn và các phương tiện âm thanh hiện đại. Dĩ nhiên mức tăng này cũng có giới hạn nếu như ta không muốn giảm chất lượng trình diễn một cách quá đáng. Ngày nay, các cuộc trình diễn nhạc rock (loại hình được ưa chuộng nhất) cũng chỉ nhắm mục tiêu hỗ trợ cho việc phát hành băng, đĩa nhạc (video, CD)... Vấn đề mở rộng thị trường rất giới hạn đối với các loại hình nghệ thuật biểu diễn sống. Như vậy quá trình phát triển khoa học kỹ thuật nhằm mục đích tăng năng suất lao động không có tác dụng đáng kể đối với một số hoạt động nghệ thuật trình diễn. Ngược lại, giá vé thường chỉ có thể tăng theo mức tăng của lạm phát và như vậy về mặt kinh tế người tổ chức nghệ thuật trình diễn chỉ có thể trả lương cho người làm nghệ thuật theo mức tăng của lạm phát.

Nói tóm lại nếu chỉ là kinh tế thị trường thì thông thường lương của nghệ sĩ ở một số hoạt động sẽ ngày càng giảm đi so với lương của người lao động sản xuất hàng hoá bình thường vì mức lương của người lao động bình thường không những tăng theo lạm phát mà đặc biệt quan trọng là tăng theo năng suất lao động. Nhưng nếu như mức lương của một người lao động tay chân tăng lên, mức tiêu thụ của họ tăng lên thì nhu cầu thu nhập của nghệ sĩ cũng phải tăng lên. Tuy nhiên, nếu lương nghệ sĩ tăng lên theo mức tăng thu nhập chung thì hoạt động sản xuất hàng hoá nghệ thuật chắc chắn sẽ phá sản. Đây chính là lý do mà nhiều hoạt động nghệ thuật biểu diễn ở các nước có kinh tế thị trường, dù là đoàn nghệ thuật tư nhân hay đoàn nghệ thuật nhà nước, đều cần tài trợ của nhà nước và đóng góp của những Mạnh Thường Quân. Tiền vé chỉ đủ trang trải một phần chi phí hoạt động. Lương trung bình của một nghệ sĩ biểu diễn ở nhà hát trình diễn (nhà hát múa kịch, opera, giao hưởng...) ở Nữu Ước (chỉ tính cho người có việc) thấp hơn mức sống trung bình. Tuy có một số hoạt động biểu diễn mà số lượng khán giả có thể tăng lên bằng sức trang âm của máy móc như nhạc nhẹ thì mức thu nhập có khác hơn, không cần phải dựa vào tài trợ. Nhưng thu nhập kếch sù của một số nghệ sĩ ở các nước phát triển không phải là do hoạt động biểu diễn của họ mà do những hàng hoá khác họ tạo ra, như phim ảnh, băng, đĩa nhạc, và trình diễn sống cũng là để quảng cáo bán băng đĩa.

Nghệ thuật trình diễn càng đòi hỏi nhiều diễn viên, càng đòi hỏi công phu tập luyện, và có thị trường không thể mở rộng được thì càng có nguy cơ biến mất nếu như không được tài trợ. Có

người sẽ hỏi : tại sao ta lại cần tiếp tục những hoạt động nghệ thuật “không quan chúng” và không được thị trường chấp nhận này ? Phải chăng để xác minh sức mạnh của một nền văn minh, của dân tộc, của chế độ, hay vì nó cần thiết để nâng cao các giá trị khác của con người, tức là nó có **lợi chung** cho mọi người ? Cơ sở để quyết định hoạt động gì, hàng hoá gì tạo ra lợi ích chung cho xã hội và cần sản xuất là dựa vào giá trị mà một số đông người hoặc cả xã hội gán cho nó, hoặc chủ quan hoặc khách quan, nhưng thường là chủ quan. Nếu những hoạt động nào không được đánh giá là có **lợi chung** thì không có lý do gì những hoạt động đó, hàng hoá đó, khi không thể tự sống trên thị trường mà lại phải tồn tại.

### Giáo dục

Giáo dục có những đặc tính chung của những hoạt động nghệ thuật không thể tự sống, tức là không thể tăng năng suất lao động của người thầy giáo như tăng năng suất lao động sản xuất hàng hoá thông thường, và càng không thể mở rộng thị trường nếu như không muốn giảm chất lượng giảng dạy. Ngược lại, khoa học kỹ thuật càng phát triển thì lại càng đòi hỏi chất lượng giáo dục cao hơn, tức là đòi hỏi nhiều thầy giỏi hơn cho cùng một số học trò, một phần vì tỷ số học trò / thầy giáo càng thấp thì chất lượng giáo dục càng cao, một phần vì một thầy giáo không thể có được kiến thức bác học về đầy đủ mọi ngành khoa học như trước đây. Đó là chưa kể đến các đòi hỏi thiết bị, công cụ, sách vở cho việc dạy học ngày càng nhiều hơn trước, và như thế ngày càng tốn kém hơn trước. Giáo dục được đánh giá là loại hàng hoá tạo ra lợi ích chung, cần thiết cho sự tiến bộ của xã hội.

Giáo dục còn có hai đặc tính đặc biệt quan trọng khác, đó là :

(a) **Đặc tính chung của phương tiện sản xuất** : Giáo dục là hàng hoá dùng làm phương tiện sản xuất, có tính vô hình chứ không phải là hàng hoá dùng thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng. Đối với mục đích thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của người tiêu thụ, người mua phải thấy ngay sự liên hệ trực tiếp, rõ rệt và nhanh chóng giữa hành động *mua* và *hưởng thụ*. Chẳng hạn người mua trả tiền để được xem hát, mua bia để uống. Ngược lại, đối với việc mua dịch vụ *giáo dục*, lợi ích của nó không thấy ngay được đối với người mua, mà chỉ thấy ở *lợi ích tiềm tàng*, chẳng hạn như là khả năng có được việc làm tốt hơn, với lương bổng cao hơn trong tương lai. Chính vì khoảng cách thời gian giữa hành động *mua* và *thỏa mãn nhu cầu*, mà người mua phải có ý thức *đầu tư*, nếu không họ đã không mua. Người nghèo luôn phải đắn đo giữa hai hành động : tiêu thụ ngay và đầu tư cho tương lai con cái. Nhiều khi họ không có ngay cả điều kiện để đắn do vì đời sống quá khó khăn. Chính vì vậy người nghèo phổ biến không có khả năng mua *hàng hoá giáo dục* là có thật.

(b) **Đặc tính của hàng hoá chung (public goods)** : Lợi ích của giáo dục không chỉ thu gọn vào thỏa mãn lợi ích của người trực tiếp mua, mà còn thỏa mãn lợi ích của toàn xã hội, hay ít nhất là một số người khác, kể cả những người không mua hay không muốn mua. Như ta thấy một xã hội mà mọi người đều có học thì kinh tế có khả năng phát triển nhanh chóng hơn, và như vậy có lợi cho mọi người. Một xã hội mà đầy đủ người nghèo, ít học chung quanh, thì người sống ở đó cũng không thể thấy thỏa mãn bằng trường hợp có người chung quanh mình đều khá giả và có học hơn (dĩ nhiên vẫn có trường hợp đặc thù cho một vài cá nhân). Đó là chưa nói đến trường hợp đặc biệt là một xã hội không có trình độ giáo dục cao thì khó lôi kéo người ngoại quốc đi vào đầu tư, phát triển kỹ nghệ, làm lợi cho nhiều người.

Đặc tính này của giáo dục được gọi là **đặc tính hàng hoá chung**. Nói rộng hơn, đó là hàng hoá mà mọi người cho là tạo ra lợi ích chung, nhưng giá cả những hàng hoá đó thường không

phản ánh đúng giá trị của nó đối với người mua. Như trong trường hợp giáo dục, giá trị hàng hoá giáo dục lớn hơn nhiều so với giá trị người mua phải trả vì lợi ích toả ra cho cả những người không mua. Đối với lợi ích này, người sản xuất không thể thu được phí sử dụng. Vì đặc tính này của hàng hoá chung, người trả tiền hoặc không trả tiền đều được hưởng lợi ích. Đặc tính này là lý do kinh tế giải thích sự cần thiết tài trợ của xã hội dưới danh nghĩa nhà nước đối với giáo dục.

Trong kinh tế, không có cái gì là của chúa cả, để có được giáo dục miễn phí, thì người dân phải đóng thuế. Cái khác biệt là khi nhà nước đứng ra tổ chức như thế thì mọi người đều được hưởng, kể cả những người không muốn mua, nếu như họ phải trả tiền. Trong việc tổ chức này, có phần thiếu công bằng, vì người có tiền nhiều phải đóng thuế nhiều, nhưng sự thiếu công bằng này có thể chấp nhận được vì lợi ích chung của toàn xã hội, và nó cũng là biện pháp phân phối lại thu nhập trong một nước.

## Hoạt động không vụ lợi và tổ chức không vụ lợi

Như đã trình bày ở trên, thị trường và quá trình phát triển kinh tế không cho phép thiết lập một thị trường bình thường đối với giáo dục, một số hoạt động nghệ thuật, và những hoạt động khác như từ thiện, tôn giáo, y tế công cộng, quốc phòng, an ninh... Hầu hết các hoạt động này đều có rõ các đặc tính của hàng hoá chung như giáo dục, tức là, tuy những hoạt động này tạo ra những lợi ích chung cho xã hội nhưng người sản xuất không thể thu được, hoặc không thể thu đủ được, giá trị sử dụng thông qua thị trường. Giáo dục là hoạt động không thu đủ được lợi ích bằng học phí. An ninh, quốc phòng, y tế công cộng, từ thiện, tôn giáo, chính trị... là các hoạt động có lợi cho tất cả mọi người hoặc một số đông người trong một xã hội nhưng không thể dùng thị trường. Nhiều người cũng xếp hoạt động văn hoá và nghệ thuật dân tộc, cao cấp vào loại hàng hoá chung. Chính vì được coi là hàng hoá chung mà những hoạt động này mới có lý do để được giúp đỡ tiếp tục tồn tại.

Ngoài những hoạt động như quốc phòng, an ninh, y tế công cộng có tính thuần tuý hàng hoá chung, những hoạt động còn lại được gọi chung là hoạt động không vụ lợi.

Những hoạt động không vụ lợi có thể là tư hay công (do tư nhân, một ội đồng tư nhân hay một cơ quan của nhà nước làm chủ), hoạt động nhằm vào lợi ích chung của nhiều người, không nhằm mục đích làm lời, tức là, có người chủ nhưng không có cổ phần viên, tiền lời thu được sau khi trang trải kinh phí hoạt động phải được dùng đúng như luật định và mục tiêu ban đầu, hoặc tái đầu tư hoặc vào quỹ dự trữ nhằm phát triển các hoạt động của nó.

Để phát triển các hoạt động không vụ lợi, có khi nhà nước, thay mặt nhân dân, trực tiếp đứng ta tổ chức như quốc phòng, an ninh, giáo dục, coi đó là hoạt động nhà nước, có khi nhà nước trực tiếp tài trợ tiền bạc như đối với một số đoàn nghệ thuật, hoặc các viện nghiên cứu, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, xã hội, hoặc có khi gián tiếp giúp đỡ bằng những biện pháp ưu đãi về thuế má. Hình thức nào thích hợp nhất còn tuỳ thuộc và đặc tính nhất định của mỗi xã hội, tính chất và tài sản của nhà nước và của chính các loại hoạt động đó. Có những loại hoạt động có thể thị trường hoá một phần, có những loại không thể giải quyết bằng thị trường.

Ở Việt Nam vấn đề giúp đỡ gián tiếp bằng chính sách ưu đãi về thuế còn xa lạ nên những giải thích dưới đây có mục đích làm sáng tỏ vấn đề. Một số nước không đánh thuế tài sản các tổ chức không vụ lợi (tài sản do nhà hảo tâm cho không), không đánh thuế lợi nhuận các hoạt động không vụ lợi, và trừ thuế cho

những người, hay tổ chức đóng góp vào các hoạt động không vụ lợi bằng cách cho phép họ được phép trừ các khoản đóng góp ra khỏi số thu nhập bị đánh thuế (trừ tất cả hoặc một phần). Một thí dụ đơn giản : một người có thu nhập 100 000 USD, chịu tỷ lệ thuế tổng cộng 10 %, tức là phải đóng 40 000 USD. Thu nhập sau khi đánh thuế còn 60 000 USD. Nếu người đó đóng góp vào hoạt động không vụ lợi 10 000 USD, thì sẽ chỉ phải đóng thuế trên 90 000 USD còn lại. Nếu tỷ lệ thuế (luỹ tiến) cho mức này là 38 %, thì họ chỉ phải đóng 34 200 USD thuế, và thu nhập còn lại sau khi nộp thuế là 55 800 USD. Như vậy, trên thực tế, người đóng góp chỉ mất đi 4 200 USD. Trong khi đó, tổ chức không vụ lợi được hưởng trọn số tiền 10 000 USD. Làm như vậy, nhà nước được lợi gì ? Nếu đó là hoạt động cần thiết cho xã hội mà nhà nước phải làm thì để có một hoạt động không vụ lợi như vậy, nhà nước phải chi ra ít nhất 10 000 USD, tức là phải lấy từ quỹ thuế toàn dân số tiền 10 000 USD đó. Nếu làm theo biện pháp nói trên, thì nhà nước chỉ mất đi 5 800 USD là số tiền thuế đáng lẽ thu được. Hơn nữa, đối với tổ chức không vụ lợi, nhà nước đã đóng góp 5 800 USD (hơn 50 %) cho hoạt động của họ (phần còn lại là do người hảo tâm đóng góp). Đó là lý do nhà nước có vai trò và được quyền kiểm tra hoặc rút giấy phép hoạt động của họ nếu họ không làm theo đúng luật pháp. Để khuyến khích người giàu để lại gia tài sau khi chết cho các hoạt động không vụ lợi, một số nhà nước cũng không đánh thuế di sản (ở Mỹ, thuế tài sản thừa kế có thể lên tới 50 %, nếu vượt quá 600 000 USD).

Ở Mỹ năm 1988, tổng số đóng góp vào hoạt động không vụ lợi của công ty và cá nhân lên tới hơn 100 tỷ USD, trong đó hơn 80 % là do cá nhân, bằng 2 % thu nhập quốc dân, lớn hơn 10 lần tổng số viện trợ của nhà nước Mỹ cho nước ngoài (viện trợ Mỹ chỉ có 8,7 tỷ USD cùng năm).

Có người sẽ hỏi nếu một công ty tư nhân Mỹ đóng góp vào một đại học (với tư cách tổ chức không vụ lợi) và đòi hỏi độc quyền sử dụng thì như vậy công ty đó có được ưu đãi trừ thuế không ? Dĩ nhiên là không vì đây là hành động kinh doanh, thuê đại học làm công cho mình. Chỉ được coi là không vụ lợi nếu như công ty đóng góp không có độc quyền sử dụng. Ngược lại, một đại học, một đoàn nghệ thuật, một tổ chức tôn giáo, chính trị tổ chức hoạt động kinh doanh như làm nhà xuất bản, mở hàng sản xuất, hăng dịch vụ thì lợi nhuận có chịu thuế không ? Dĩ nhiên là có, vì hoạt động phụ này (có thể biến thành hoạt động chính để trốn thuế) không phải là hoạt động không vụ lợi. Nói tóm lại, chỉ có hoạt động không vụ lợi do tổ chức không vụ lợi được nhà nước chính thức công nhận mới được hưởng ưu đãi miễn thuế lợi nhuận và trừ thuế. Do đó, để bảo đảm không mâu thuẫn quyền lợi, nhà nước thông thường dùng biện pháp kiểm tra thuế...

Ở Mỹ, các công ty không vụ lợi có thể là trường đại học, giáo hội, nhà hát opera, hội hợp tác khoa học kỹ thuật giữa Mỹ và Việt Nam, hội giúp trẻ em mù lòa, nhà thương thí, Rockefeller Foundation, Ford Foundation... là những tổ chức kêu gọi các người hảo tâm đóng góp hoặc nhận đóng góp chính của các công ty kinh doanh do gia đình Rockefeller hoặc Ford làm chủ. Các tổ chức foundations được nhà nước công nhận thường chỉ đứng ra quyên góp tiền, giúp những người đóng góp trừ thuế, sau đó phân phổi tiền đến các hoạt động mà họ được phép. Hàng năm Ford Foundation chi ra vài trăm triệu USD. Các tổ chức hoạt động không vụ lợi có thể không cần xin giấy phép chính thức nếu như họ chỉ nhận ngân quỹ hoạt động từ các tổ chức mẹ không vụ lợi lớn hơn và thu nhập chỉ đủ trang trải chi phí.

Chính sách thuế nói trên nhằm khuyến khích những hoạt động mà người dân thấy có lợi hoặc cần làm, một hình thức *nhân dân và nhà nước cùng làm*, tuy nhiên với chính sách trên cái gì cần làm là do nhân dân quyết định. Dĩ nhiên, hoạt động nào được coi là không vụ lợi là quyết định của nhân dân thông qua đại

biểu quốc hội. Khi có chính sách như thế thì giai cấp lãnh đạo hoặc người lãnh đạo, vì buộc phải thi hành pháp luật, vẫn phải chấp nhận khuyến khích những hoạt động không vụ lợi dù họ không muốn. Ngược lại chính quyền nhiều nước (ngoài quyền hạn hướng dẫn và đề ra phương hướng mới cho các hoạt động không vụ lợi) thường sử dụng quyền kiểm tra để theo dõi hoạt động không vụ lợi.

Để tránh lạm dụng, các tổ chức hoạt động trong các hoạt động nói trên có thể nộp đơn xin chính quyền danh nghĩa không vụ lợi (với tư cách công ty không vụ lợi). Sau khi có quá trình hoạt động và được kiểm tra kỹ lưỡng, những tổ chức nào thực sự hoạt động đúng tôn chỉ mới được cấp giấy phép công nhận và chỉ khi đó mới được ưu quyền về thuế. Hoạt động của họ được kiểm tra thường trực, nếu vi phạm điều lệ hoặc thiếu minh bạch trong sự chi thu có thể sẽ bị rút giấy phép, người trách nhiệm bị truy tố hình sự. Dĩ nhiên một tổ chức trong lãnh vực hoạt động không vụ lợi vẫn có thể đăng ký như là một công ty vụ lợi, nhưng sẽ mất mọi ưu đãi.

## Chính sách về các hoạt động không vụ lợi cho Việt Nam

Chính sách về hoạt động không vụ lợi nên được coi là chính sách cần thiết bao trùm tất cả các hoạt động giáo dục, một số hoạt động nghệ thuật, y tế, tôn giáo, chính trị, xã hội, từ thiện... Tất cả những hoạt động cần thiết, có lợi cho xã hội mà bản thân nó không thể tiếp tục hoạt động bình thường trong một nền kinh tế thị trường nếu để cung cầu quyết định, thì nên được coi là hoạt động không vụ lợi và được hưởng chính sách ưu đãi về thuế. Mức độ con thiệp của nhà nước từ trực tiếp tổ chức, trực tiếp tài trợ một phần, ưu đãi về thuế, tuỳ thuộc vào tầm quan trọng về lợi ích xã hội và tầm mức hoạt động thị trường của mỗi hoạt động. Dưới đây là một số ý kiến khơi mào, hổn sức phác họa về các hoạt động có lợi ích chung.

### Giáo dục

Giáo dục phổ thông cơ sở (đến lớp 5) có thể được coi là cơ bản trong sự hình thành một xã hội phát triển, phải có tính cương bách, và nhà nước trung ương phải hoàn toàn tài trợ. Giáo dục ở cấp cao hơn, nhà nước có thể tài trợ một phần trong giai đoạn này và tiến dần đến giáo dục cương bách, tài trợ toàn phần cho đến lớp 12 trong giai đoạn một vài năm sắp tới. Giáo dục cấp đại học và chuyên nghiệp có thể thị trường hóa một phần bằng học phí nhưng không thể không có sự tài trợ trực tiếp của nhà nước ở một mức độ đáng kể, hiện nay cũng như trong tương lai. Việc tổ chức tư thực chất chỉ tạo thêm sự chọn lựa cho những người có khả năng chọn lựa (tăng số người được giáo dục trong xã hội...), nó không phải là hướng giải quyết giáo dục cho nhân dân.

### Y tế

Đối với y tế, cũng có những vấn đề chung ảnh hưởng rộng rãi đến sức khoẻ của nhiều người, như diệt trừ dịch tê, bệnh truyền nhiễm, bệnh hiểm nghèo...; là nhiệm vụ của nhà nước vì không thể thị trường hóa. Nhưng có những dịch vụ y tế chỉ có ảnh hưởng trực tiếp đến người tiêu thụ, nhà nước có thể có nhiều biện pháp giải quyết như hoàn toàn tư nhân hoá, hoặc xã hội hoá ở một mức độ nào đó. Dù tư nhân hoá hay xã hội hoá, có những bệnh vượt ngoài sức chịu đựng tài chính của cá nhân và do đó đòi hỏi một cơ chế bảo hiểm sức khoẻ do cá nhân đóng góp hoặc dưới hình thức tài trợ một phần của nhà nước.

### Nghệ thuật

Một số những hoạt động nghệ thuật như nhạc nhẹ, cải lương,

kịch nói, phim truyện có tính quần chúng có thể tự sống, không cần biến thành những hoạt động nhà nước dưới hình thức các đoàn quốc doanh như hiện nay. Nếu trong tình trạng giao thời hiện nay cần làm ở một mức độ nào đó, nhà nước sẽ giúp đỡ thông qua việc tài trợ xây dựng các chương trình, vở hát, phim mới trên cơ sở những điều kiện tối thiểu về nghệ thuật do nhà nước, hoặc tốt hơn, do một uỷ ban nghệ thuật độc lập quy định. Một số hoạt động văn hoá, nghệ thuật dân tộc hoặc cao cấp khác vì đặc tính của nó là không thể tự tồn tại trên thị trường và vì có đặc tính của hàng hoá chung, có thể được tài trợ vừa trực tiếp từ nhà nước, vừa gián tiếp thông qua chính sách ưu đãi cho hoạt động không vụ lợi.

### Chính trị, tôn giáo

Hiện nay đảng, các đoàn thể quần chúng là những bộ phận của nhà nước, sống trực tiếp hoặc gián tiếp bằng ngân sách nhà nước. Trong một nền kinh tế thị trường, đảng và các đoàn thể quần chúng thực chất thuộc về loại hoạt động không vụ lợi (hơn là hoạt động của nhà nước). Các tổ chức này cũng sẽ phải chuyển hướng, càng sớm càng tốt, đi đến hoạt động như những tổ chức không vụ lợi và được hưởng đặc quyền của các tổ chức không vụ lợi.

Ở Mỹ, một số các tổ chức tôn giáo cũng được hưởng quy chế không vụ lợi và được miễn thuế như các tổ chức không vụ lợi khác.

### Các dịch vụ công cộng có thể thu phí sử dụng

Ngoài những hoạt động không vụ lợi kể trên, có những hoạt động không hẳn là không vụ lợi nhưng ảnh hưởng đến phát triển và sinh hoạt của xã hội như xây dựng đường xá, cầu cống, phi cảng, điện nước... tức là có đặc tính của hàng hoá chung. Một vài hoạt động này có thể biến thành hoạt động quốc doanh nhưng cũng có thể phát triển dưới hình thức không vụ lợi: tức là tổ chức thành công ty không vụ lợi, tự quản, không chịu thuế lợi tức, nhưng đồng thời cũng không được sống dựa vào ngân sách nhà nước. Vốn xây dựng có thể gây bằng cách bán trái phiếu (có lãi suất nhất định như công trái), tiền chi phí hoạt động thường xuyên kể cả trả lãi dựa vào phí thu từ những người sử dụng. Cách làm này tránh được sự can thiệp quá thường xuyên, thô bạo và tốn kém của nhà nước, chỉ nhằm để bắt những người sử dụng đóng phí sử dụng. Dĩ nhiên loại công ty không vụ lợi này chỉ có thể áp dụng được trong những dịch vụ dễ tổ chức việc đóng phí sử dụng (thí dụ như xa lộ, phà, cầu...). Nhà nước tuy thế cũng vẫn phải có trách nhiệm cử hội đồng chủ tịch, đề ra chính sách lương bổng, thông qua các chính sách hoặc tăng phí sử dụng, nhằm mục đích bảo vệ người tiêu dùng. Ở Mỹ, hai chương trình không vụ lợi nổi tiếng, có sinh lâai là công ty Tennessee Valley Authority nhằm phát triển việc cung cấp điện nước cho các bang chung quanh thung lũng sông Tennessee, và Port Authority of New York and New Jersey nhằm giải quyết hệ thống giao thông gồm hải cảng, phi cảng, cầu cống giữa hai bang New York và New Jersey.

### Kết luận

Để kết luận, có thể nói sức tài trợ của nhà nước cho các hoạt động không vụ lợi tuỳ thuộc vào khả năng thu thuế. Thuế là hành vi cương bách của nhà nước đối với nhân dân để tài trợ các hoạt động mà nhà nước cho là cần thiết đối với xã hội. Nhân dân luôn có khuynh hướng chống lại các hành động cương bách đặc biệt là những hành động không đưa đến lợi ích trực tiếp cho họ, chính vì vậy nhà nước cần sử dụng thêm các biện pháp khuyến khích sự đóng góp tự nguyện của nhân dân để tài trợ các hoạt động không vụ lợi cần thiết cho xã hội.

# Từ bờ sông Danube

C.T.

LTS. Đầu tháng 2 vừa qua, gần như cùng một lúc, chúng tôi nhận được một Thông báo của Hội Người Việt Nam tại Đức tuyên bố tự giải thể “để phong trào đi vào các hình thức hoạt động mới”, và bức thư sau đây của một cộng tác viên của Diễn Đàn tại Đức. Với một giọng văn tinh cảm, vừa kể đôi chuyện đời sống riêng tư của mình, vừa đề cập tới những vấn đề chung của cộng đồng người VN tại Đức, bức thư nói lên được những đổi thay trong đời sống, trong suy nghĩ về đất nước của một Việt kiều từng hoạt động lâu năm trong phong trào Việt kiều tại Cộng hòa liên bang Đức. Được phép tác giả, chúng tôi xin trích đăng dưới đây phần lớn bức thư.

Các bạn thân mến,

Lại một năm nữa trôi qua (thời gian sao trôi ngày càng nhanh)... chẳng biết rồi còn “phải” (hay “được”) bao lần nữa viết thăm nhau, gửi cho nhau một chút hơi ấm tình cảm ở chốn quê hương “tạm dung” lạnh lẽo và buồn thiu này... Cứ tưởng đã quên hẳn cái Tết cổ truyền từ lâu, mấy năm sau này tự nhiên sao bỗng lại nhớ, lại thèm được ăn một cái Tết quê hương...

Tổng kết năm 1991, có thể nói gia đình nhỏ bọn mình ở “vùng quê yên tĩnh” này thật không có gì đặc biệt để kể. Nhờ Phật Trời độ mạng (chắc kiếp trước mình có làm nhiều công đức), tụi mình vẫn mạnh khoẻ và bình an, công ăn việc làm ổn định, đều đặn “sáng vác ô đi, tối vác về”, may phước chưa biết cái “stress” nó tròn, méo, dài, ngắn, màu mè ra làm sao (có lẽ nhờ đồng lương đậm bậc kiều công chức)... Hồng nhan tri kỷ TT vẫn đi hoạt động trong đại siêu thị, khu bánh mì bánh ngọt, tuần sáu ngày, ngày nửa buổi, tối mịt mới về đến nhà, nhiều khi mệt lả không ăn nổi cơm mà chỉ ăn... bánh mì cầm hơi. Từ ngày TT đi bán ở đây, mấy ông Đức (còn gọi là ông Tây) rủ nhau sắp hàng đi mua bánh mì mỗi ngày, doanh thu cửa hàng tăng lên mấy chục lượt ! Trong năm qua, tính ra hai cha con nhà họ Trần (vì lý do đoàn kết với cô hàng bánh mì) đã phải ăn trên 200 ổ bánh mì đen đủ loại, từ không hột đến nhiều hột, có hột to gần bằng hột... mít. Trình độ hiểu biết, lý luận về bánh mì do đó tăng vượt bậc, đủ sức để viết một luận văn chuyên đề về các loại bánh mì của Đức mà không cần phải trích dẫn kinh điển Mác-Lê gì cả. Nhờ tính tình vui vẻ, duyên dáng và làm ăn chăm chỉ, cuối năm nàng được sếp đề bạt từ khu lương thực thực phẩm tiến thẳng lên khu công nghiệp thuộc phòng đồ chơi và máy móc hiện đại, bỏ qua giai đoạn bán quần áo, giày dép..., chuyển hẳn từ buổi chiều ra buổi sáng, do đó tối tối cha con nhà họ Trần lại được thưởng thức cơm nóng canh sốt... Hoạt động chính của tụi mình trong năm 91 vẫn là hát trong ban hợp xướng làng, chơi thể thao và đọc sách. Từ ngày dọn đến nhà mới tụi mình cắt luôn Tivi, thành ra nhiều khi chẳng biết chuyện gì xảy ra trên thế giới ta bà này. Nghĩ lại nhiều khi

không có Tivi vậy mà hay, tụi mình tìm được thú vui đọc sách, hoặc chơi nhạc, ca hát với nhau buổi tối. Năm nay kỷ niệm 200 năm ngày mất của nhạc sĩ thiên tài Mozart nên ban nhạc và ban hợp xướng của tụi mình trình diễn đến 4 lần Konzert của Mozart. Hôm trình diễn bài Requiem, bán hết vé, chật cả nhà thờ mà vẫn còn người xếp hàng chờ mua vé. Không biết là nhờ Mozart hay là nhờ có sự hiện diện của đôi danh ca C.T. ???

Căn nhà “ngoại ô” bọn mình dọn vô ở năm ngoái vẫn còn khôi việc để làm, tầng hầm chưa gọn ghẽ, tầng nóc cũng chưa xong, còn phải bắt điện, gắn lò sưởi, đóng sàn, đóng trần, sơn phết... Chiếc vườn nhỏ bốn chục thước vuông được cuốc vội cuốc vàng vài nhát, cắm đại vài cây xanh xanh vàng vàng che mắt thiên hạ hay đi qua đi lại dòn dòn, chỉ chỉ, trổ trổ. Góc vườn mình đào thêm một chiếc hồ bán nguyệt (cho nàng rửa chân), thả một dây súng hồng và vài con cá vàng lơ lửng.. mùa hè ngồi ngắm bông súng lại chợt nhớ quê.

Chuyện riêng tu chỉ có bấy nhiêu, còn chuyện đời thì rõ ràng năm qua tình hình chính trị ở Đức căng thẳng ngột ngạt đối với người ngoại quốc, dân Gastarbeiter<sup>1</sup> như bọn mình. Bọn cực hữu, được chính quyền nhắm mắt làm ngơ ra sức tung hoành đánh giết người ngoại quốc, trong đó người Việt Nam mình ở Đông Đức phải chịu đựng phần đáng kể. Những mẩu tin nghe được về tội ác của bọn côn đồ phát-xít này vừa gây căm phẫn, lo âu cho đồng bào mình (và cũng cho chính bản thân), đồng thời cũng đau xót và tủi hổ trước thân phận phải tha hương cầu thực của giống nòi “con Lạc cháu Hồng”. Nhiều khi, mình có dịp nói chuyện tâm tình với những anh em trẻ từ Đông Đức, từ Tiệp, Nga, Bungari... sang. Một số vốn đã từng sống trong bộ đội, tham gia nhiều chiến trường, thời chống Mỹ cũng như ở Campuchia, hiểu rất rõ thế nào là mắt mát, hy sinh, để giờ đây phải sống kiếp lang bạt, không tương lai, không niềm tin, hy vọng. Ấy thế mà lại phải xem đó như một sự dại ngộ, tưởng thưởng cho phần xương máu đã đóng góp, cho hy sinh của cá nhân hoặc của cha, anh, chồng mình đã ngã xuống !

Năm qua cũng là một năm của nhiều mất mát về bạn bè, chúng ta phải chia tay đột ngột với anh Quỳnh Quế, bạn Nguyễn Thanh Vân (Berlin) và bạn Nguyễn Hữu Minh Chí (Mỹ). Cả ba đều là những người bạn chí cốt, đầy tình nghĩa, đã từng chia sẻ với nhau bao kỷ niệm vui buồn của những ngày hồn nhiên, vô tư và lạc quan, tới những ngày đau đớn, khắc khoải, tuyệt vọng. Minh Chí mất đi, Việt Nam và thế giới mất đi một tài năng khoa học có đức độ và lương tâm<sup>2</sup>. Một Nguyễn Thanh Vân tính tình khẳng khái, bộc trực, sẵn sàng khiêu khích để đối thoại, đấu lý. Cái cao cả nhất của Vân là biết chấp nhận bất đồng chính kiến và biết quý trọng tình nghĩa bạn bè, ngay cả trong những thời điểm gay gắt, trước sau như một, thủy chung, tình cảm... Riêng với anh Quế mình có nhiều kỷ niệm, nhất là những năm tháng “lắn lộn” với anh trên vùng Ruhr, anh giỏi nhiều mặt nhưng bao giờ cũng giản dị và thân mật với đám bạn trẻ, anh chẳng bao giờ lén lút, thuyết giảng. Nhiều hiểu biết, kinh nghiệm sống, anh truyền lại một cách nhẹ nhàng, duy có kỷ niệm buồn thì anh kín đáo, chịu đựng một mình, không muốn phiền đến ai. Nhiều khi nhớ anh, tự trách mình sao nỡ vô tình, hời hợt, bạc

►► (xem tiếp trang 21)

- May có trí thức không ?

- Bẩm không ạ !

... - Nói không tức là có đấy, dẫn nó đi !

Lê Tân, AQ chính truyện  
Nxb. Văn Học, Hà Nội 1982



từ "Nhân Dân" mà ra

## " thư pa-ri "

Trên số Xuân báo Nhân Dân năm nay, chúng tôi được đọc lá "thư Pa-ri" này; xin đăng lại để các bạn đã đọc và ký hay không ký tâm thư, cũng như đã theo dõi Đoàn Kết bộ cũ và Diễn Đàn ngày nay cùng đọc; để cùng cười... và cùng khóc với nhau.

Lẽ ra thì xin miễn bàn, để mọi người tự do suy nghĩ trên sự kiện này là đủ. Song sợ có sự hiểu lầm trong việc chúng tôi "tiết lộ bí mật quốc gia" này, đăng lại bài của báo Nhân Dân, là báo của Đảng cho đồng bào trong nước, trên Diễn Đàn của Việt kiều (có lẽ vì thế mà chúng tôi bị chính thức cắt báo trong nước?)

Vì thế nên xin thanh minh như sau :

- chúng tôi không hề nghĩ rằng có một vị Việt kiều nào đó ở Paris lại để ra một quái thai như vậy. Nếu chúng tôi nghĩ sai, xin mời vị đó lên tiếng cải chính.

- Dù rằng bức thư này đăng trên số Xuân báo Nhân Dân, tức là ở một tờ báo ít ra là có sự duyệt đi duyệt lại của nhiều vị trách nhiệm của ban văn hóa và tư tưởng Trung ương Đảng, chúng tôi cũng không coi đó là một điều gì có ảnh hưởng lớn đến tình đoàn kết trong Việt kiều, trong việc cởi mở, đối thoại thẳng thắn với nhau trên nền tảng những suy luận nghiêm túc, dựa trên những sự kiện được kiểm chứng rõ ràng.

- Còn đối với chính sách của trong nước đối với Việt kiều, mong các bạn đã ký Tâm thư hoặc đã ủng hộ Đoàn Kết (bộ cũ) hoặc Diễn Đàn Khiết cần lo ngại khi xin về nước và khi ở trong nước. Một chữ ký hay một lời tuyên bố có nghĩa lý gì so với số ngoại tệ đem về của người khách du lịch? Chẳng qua đây chỉ là một hành động "nội bộ" của các vị lãnh đạo Ban Việt kiều trung ương đã để xảy ra "vụ Đoàn Kết" do đó phải làm cái gì để chuộc lại "sai lầm" của họ.

- Cũng có thể nếu một giả thuyết khác. "Tín hiệu" này đến sau khi chúng tôi bắt được những "tín hiệu" khác, chúng tỏ thiện chí muốn đối thoại với Diễn Đàn, hoặc ít ra không đánh giá Diễn Đàn thuộc "diện phản động". Trong đánh xuôi kèn thổi ngược như vậy, phải chẳng có một sự "phạt cổ dưới chân", hay nói như văn bia của báo Nhân Dân, có một "âm mưu phá hoại"?

TÁI BÚT : Viết hay đọc một trang báo u ám thế này, thực chả có gì thích thú. Gọi là để tẩy trăn, mời bạn đọc cùng cung ly với Omar Khémaïne, nhà thơ Lưu Linh Ba Tư của thế kỷ 11, qua một bài tú tuyệt :

Bạn đậm vỡ bình tôi, trời hối!  
Chặn đường tôi tìm tôi nguồn vui.  
Đổ xuống đất rượu trong, trời hối!  
Tôi uống, bạn say chăng? trời hối!

HÀN THUÝ dịch

(qua bản tiếng Pháp của J.B. Nicolas)

Thưa anh chị T.V.H. thân mến,

«... Sau Đại hội VII, tôi vô cùng phấn khởi vì niềm tin của tôi được củng cố. Con đường cách mạng Việt Nam do Bác Hồ chỉ lối đã đi và nay được khẳng định là ta tiếp tục đi, không lúc nào bẳng những giờ phút này, ta nên siết chặt đội ngũ, thêm bạn bớt thù để bảo vệ chủ nghĩa xã hội, nhất là chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có điều tôi rất lo ngại là nhiều nước xã hội chủ nghĩa bị tan vỡ, tức là ta mất đi sự hậu thuẫn về vật chất và tinh thần. Trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, nếu Việt Nam giữ vững chủ nghĩa xã hội, thì có lẽ, một vài thế hệ sau, mới thấy hết ý nghĩa quan trọng của sự nghiệp này, và Việt Nam sẽ có đóng góp rất lớn cho nhân loại tiến bộ và cho chủ nghĩa xã hội thế giới.

Về Đại hội VI Hội người Việt Nam tại Pháp, tôi rất lo. Một số người nằm trong trung ương hội đang trở mặt, điều ấy anh đã rõ, tưởng không cần phải nói nhiều. Tôi lo rồi đây, phong trào liệu có tìm được người tốt để thay lớp lãnh đạo cao tuổi chăng? Hội đang khó khăn về thừa kế lãnh đạo và phát triển hội viên. Về phía hội cơ sở, chúng tôi cũng gặp khó khăn tương tự, tình hình tối chỗ là một số anh em sẽ chia tay hết. Càng nghĩ càng căm hờn "bức tâm thư" phá hoại phong trào, làm cho một số bà con mất niềm tin đối với tình hình trong nước, xa rời hội. Một số anh em tham gia công tác hội mấy chục năm nay, tự cho mình là hiểu biết tình hình, ra kiến nghị, tâm thư, thao túng tờ Đoàn Kết. Riêng về tờ Đoàn Kết, nói để anh mừng, là ban biên tập hiện nay đã phải trả tờ Đoàn Kết cho hội. Đó là một thắng lợi về tinh thần cho phong trào. Thà là làm nhỏ lại, nhưng theo đúng đường lối của hội, còn hơn là để cho một số người đăng bài nhăng nhít, tổn hại đến thanh danh Việt kiều, và gây khó khăn cho trong nước. Có kẻ đã khen tờ Đoàn Kết khá lắm, "dám ăn, dám nói". Nếu anh được nghe chuyện này, chắc anh cũng khó chịu như tôi. Anh biết đấy, một công trình vĩ đại được khởi nguồn từ thuở bác Hồ còn ở trên đất Pháp, lẽ nào ngày nay một sớm một chiều, ta đổi hướng đi. Làm như thế, ta đã phụ ơn anh em, bè bạn và các bạn bốn phương đã giúp đỡ cách mạng Việt Nam. Đã biết bao người hy sinh tính mạng để ta được sống trong lòng xã hội mới. Nếu ta chối bỏ chủ nghĩa xã hội là ta mang tiếng "ăn cháo đái bát" và không còn xứng đáng là thế hệ con cháu Hồ Chí Minh. Phải chăng, trong hoàn cảnh hiện nay, để bảo vệ chủ nghĩa xã hội cần phải trừng phạt những người xấu lợi dụng danh nghĩa Đảng và Nhà nước để tham nhũng. Phải trừng phạt nghiêm minh để xây dựng lại niềm tin của người dân đối với Đảng và Chính phủ Việt Nam. Phải có những chính sách an dân, thì người dân mới yên vui làm ăn, gắn bó với chế độ. Tôi lo buồn là trước đây có những cán bộ, đảng viên trong nước (trong hội cũng có những hội viên tích cực) cứ mở miệng ra là khen chủ nghĩa xã hội tốt đẹp, chủ nghĩa xã hội là thiên đàng, cái gì của chủ nghĩa xã hội cũng hơn hẳn chủ nghĩa tư bản, thì bây giờ, họ lại cho chủ nghĩa xã hội là xấu xa, tật nguyền, không dân chủ, không công bằng. Thật đúng là gió chiều nào, phất cờ theo chiều đó.

Tôi thường đọc tờ Le Monde và qua đó biết được một số tình hình trong nước và thế giới liên quan đến Việt Nam... Tình hình sẽ dần dần sáng sủa lên. Tôi tha thiết cầu mong cho đất nước Việt Nam sống mãi nghìn năm với chế độ xã hội chủ nghĩa mà Bác Hồ đã tạo dựng, và tôi xin nguyện cùng các anh mãi mãi trung thành và luôn luôn tích cực hoạt động trong Hội người Việt Nam tại Pháp, nếu không đổi hướng. »

(Theo Bản tin Ban Việt kiều trung ương)

Tết Maubert

# Truyền thống và Đổi mới

Hoài Văn



Nhiều người đi xem Tết Maubert năm nay rất thích phần văn nghệ ở phòng A. Đây là một sự kiện khá hiếm, vì ít khi nào mà trong chương trình văn nghệ Tết lại không có một cái gì trực trặc, hoặc về mặt tổ chức, hoặc về mặt kỹ thuật, hoặc về chương trình, tiết mục.

Người ta cho rằng chương trình văn nghệ năm nay như thế là hay, là vừa. Vừa đây có nghĩa là cân đối, không quá thế này, không quá thế kia, hợp với sở thích của khán giả. Vừa còn có nghĩa là vừa sức, vừa đối với điều kiện, khả năng của những người làm Tết.

Chỉ cần nhìn những nét mặt tươi tắn của khán giả lúc màn hạ là cũng có thể đoán được sự hài lòng của bà con. Nhiều người hơi ngạc nhiên thấy phần văn nghệ năm nay kết thúc tương đối sớm sửa và trong một bầu không khí tươi vui, chứ không kéo dài lê thê như nhiều năm với hoặc một màn cải lương, hoặc một màn kịch và như thế là cả phòng A chìm ngập trong bóng tối cho đến phút cuối cùng. Đến Tết, nhiều khi xem hát xong ra, chẳng ai còn hơi sức để đi chào hỏi bà con, chúc mừng nhau năm mới nữa. Lần này thì người ta thấy trong người khoẻ khoắn, nhẹ nhõm khác hẳn.

Vậy thử xem, so với những năm trước, Tết năm nay hay như thế nào và vừa ra sao?

Nhìn chung các tiết mục, từ những màn múa dân tộc, đánh trống, hoà nhạc cổ điển của các thanh thiếu niên thế hệ hai, cho đến những màn hát Quan Họ, trích đoạn cải lương, hay đơn ca của các cô, các chú, mỗi tiết mục một vẻ, đều chinh phục được cảm tình của khán giả do chất lượng nghệ thuật một phần, nhưng cũng do cả tính trẻ trung, sinh động và ngắn gọn của chúng.

Ngay cả bài "diễn văn" chúc Tết năm nay cũng phá kỷ lục về ngắn gọn, một điều mà ai nấy đều vui mừng ghi nhận như một sự đổi mới!

Rõ ràng là đã xa rời một thời kỳ văn nghệ Tết với những "truyền thống", mà trên thực tế chỉ là những *nếp cũ*, trong nhiều năm đã không đáp ứng tâm lý, sở thích của khán giả, cũng như đã gây nhiều khó khăn cho ban văn nghệ về mặt thực hiện. Đã xa rời, những màn cải lương công phu, nhưng nhiều khi quá nặng nề và quá dài, những bản hợp xướng đồ sộ, nhưng thường cũng hơi quá trang nghiêm và như rập theo một khuôn mẫu cứng nhắc, bất di bất dịch.

Một thời đã qua vì nhiều điều kiện đã thay đổi. Cộng đồng người Việt ở Pháp từ hơn mười năm nay đã đổi khác. Đồng thời, lớp thanh thiếu niên thế hệ hai đã lớn lên và họ làm Tết theo điều kiện và quan điểm của mình.

Bây giờ, người ta đi Tết, hay làm Tết, mục đích chính trị

không còn quan trọng như gặp gỡ bạn bè, gìn giữ một truyền thống văn hoá.

Nhìn các em gái lứa tuổi 14, 15 dịu dàng, khoan thai trong các điệu múa quạt, múa cà om, với những bộ y phục dân tộc xinh xắn, nhiều người không khỏi cảm động nghĩ đến thế hệ cha mẹ chúng trước đây đã từng múa trên cùng sân khấu này. Nếu chỉ xét về mặt nghệ thuật thì đây quả là hình ảnh đẹp của một sự tiếp nối, tuy nhiên thực tế của vấn đề tiếp nối giữa hai thế hệ dĩ nhiên còn nhiều mặt phức tạp khác.

Một trong những sáng kiến mới ở Tết năm nay là đã đưa nhạc thính phòng cổ điển vào chương trình văn nghệ phòng A. Trio Phạm, với Phạm Việt Dũng (alto), Phạm Minh Quyên (violoncelle) và Vinh Phạm (violon) đã trình diễn chương đầu của bản *Divertimento - trio en Si bémol*, một tác phẩm nổi tiếng của Mozart sáng tác năm 1788. Mặc dù phòng Maubert không phải là một nơi để nghe nhạc thính phòng cổ điển và hệ thống âm thanh lại không đủ tốt, song nhạc Mozart vang lên lần đầu tiên ở phòng A, giữa không khí Tết và giữa những tiết mục hoàn toàn Á đông, tự nó cũng đã là một sự kiện mới mẻ!

Tiết mục *Tiếng trống* của một nhóm các em thế hệ hai, do cách trình diễn độc đáo, đã gây được một ấn tượng mạnh nơi khán giả. Các em đã dàn dựng lên tiết mục này với một quan niệm thẩm mỹ vững vàng. Mặc dầu mang đậm ảnh hưởng của nghệ thuật Nhật Bản trong cách dàn cảnh và trong trang phục, cũng như ảnh hưởng của đoàn Phù Đổng trong cách đánh trống, các tác giả và diễn viên của tiết mục này, do biết kết hợp cả hai mặt nhãn quan và thính quan, biết khai thác sự dồn dập, thoi thóp của tiếng trống, tiếng mõ, cũng như sự lạnh lùng, quả quyết của những khuôn mặt, đã tạo nên được cho tiết mục của mình một kích thước, một không khí bi kịch giàu ý nghĩa tượng trưng.

Trong các tiết mục múa và hát, nổi bật nhất có lẽ là tiết mục *Trẩy hội mùa xuân*. Đây là một nhạc cảnh dựa trên dân ca Quan Họ Bắc Ninh, với những bộ y phục đầy màu sắc vui tươi, với những giọng hát bên nam, bên nữ khá uyển chuyển, duyên dáng. Nhiều người thích tiết mục này hơn cả tiết mục trích đoạn cải lương *Sau mùa khói lửa* mặc dù sự có mặt của nghệ sĩ Kim Chính và tài năng của các diễn viên Việt Thanh và Đan Nam. Ai lơ đãng không nghe kịp lời giới thiệu lúc đầu, chắc không hiểu được hết ý nghĩa của trích đoạn cải lương này.

Một chỗ xứng đáng đã được dành cho hai giọng đơn ca nữ: Hoàng Lan và Lê Dung, hai nghệ sĩ có tầm cõi được bà con mến chuộng.

Hoàng Lan năm nay hát hai bài, một bài có âm hưởng dân ca miền Nam và một bài là nhạc cổ điển Âu Tây, bản *Serenade* của Schubert, lời tiếng Đức. Cả hai bài đều đạt và đã được thính giả hoan nghênh nhiệt liệt. Mặc dầu hệ thống âm thanh không được hoàn hảo, song người ta cũng có thể ghi nhận được một bước tiến mới của Hoàng Lan trong những ca khúc cổ điển Âu Tây. Trước kia, sở trường của chị là ca vọng cổ, bây giờ thì có thể coi như Hoàng Lan có tới ba sở trường: vọng cổ, tân nhạc và nhạc cổ điển!

(xem tiếp trang 21)



(tiếp theo trang 18)

bẽ, từ ngày rời vùng Ruhr chẳng một lá thư thăm anh, những giọt nước mắt khóc anh lúc chia tay đâu làm ấm được lòng anh... Chí ơi, Vân ơi, anh Quế ơi, hãy ngủ yên, mộng vẫn bình thường... Các bạn ra đi để lại cho bạn bè, những người hiểu các bạn nhiều nhất, nhiều tiếc thương. Nghĩ về các anh, mình chợt nhớ tới một phuong châm về lẽ sống của người Mông Cổ :

“ Als du auf die elt kamst,  
weintest du,  
und alle um dich herum lachten  
und waren heiter.  
Lebe so,  
daß, wenn du die Welt verläßt,  
alle weinen  
und nur du alleine heiter lächelst. ”  
(Astatiche Weisheit)<sup>3</sup>

Các bạn thân mến,

Năm vừa qua cũng là năm cáo chung của Hội Người Việt Nam tại Cộng hoà Liên bang Đức được thành lập năm 1973. Một đứa con 19 tuổi mất đi thật ra đó là điều vô cùng đau buồn và đáng tiếc. Với Hội, chúng ta đã có bao nhiêu kỷ niệm vui, buồn, bao nhiêu tin tưởng và hy vọng. Bao nhiêu công sức, trí tuệ đã bỏ ra, không ai là không tiếc, bởi vì Hội chúng ta đã là một tập thể tươi đẹp, lành mạnh và trong sáng rất đáng để chúng ta tự hào, nhưng tiếc rằng qua một cơn bệnh ngặt nghèo, Hội chúng ta mất sức quá nhiều, không có khả năng phục hồi lại được, thế là Hội thân yêu của chúng ta không còn nữa. Khoảng trên dưới 30 anh chị em hôm 26.12.1991 đã chứng kiến những giờ phút đau buồn này. Âu cũng là quy luật cuộc đời, sinh, lão, bệnh, tử. Có gì tồn tại mãi mãi đâu. Tôi nghĩ chắc cũng có một vài anh chị em tỏ ra hối tiếc về sự mất mát này, rất muốn giữ Hội lại. Tôi chỉ không được biết, giữ lại để làm gì? Còn gì nữa đâu? Có giải pháp gì thật tốt đẹp hơn cho một cặp vợ chồng, cho một đôi tình nhân khi họ không còn hiểu nhau, yêu nhau được nữa? Người Đức đã chẳng có câu: “ liber ein Ende mit Schrecken als ein Schrecken ohne Ende ”<sup>4</sup> đó sao. Tôi cho rằng chúng ta còn đủ khả năng để làm mọi chuyện, thậm chí hay hơn, có lợi ích hơn cho bản thân và cho đất nước. Vẫn đề là phải biết mình muốn gì, có đủ sức thuyết phục và quyết tâm chưa? Nếu có, chúng ta có thể bắt tay cùng làm lại. Có thể sẽ không còn đông người, nhưng chắc chắn là sâu sắc và tích cực. Thí dụ như một “ Hội phụ huynh Việt Nam ” hoặc một “ Hội Khoa học kỹ thuật gia Việt Nam ”, theo tôi là cần thiết và đủ bản lãnh để sinh hoạt vì nhiều người Việt Nam ở Đức, bất kể thành phần nào cũng đều quan tâm tới tương lai con cái mình cũng như tương lai đất nước Việt Nam, niềm an ủi và tự hào của tất cả người Việt ở hải ngoại. Dĩ nhiên là muốn xây dựng một tổ chức có chất lượng và được nhiều người tán thành, hỗ trợ, sẽ rất khó, nhưng có thể làm được vì người Việt Nam ở hải ngoại bây giờ khác trước đây 10 năm, bản thân chúng ta cũng khác xưa quá nhiều. Tình hình Việt Nam rồi cũng sẽ khác vì không thể như thế này mãi được. Tuy chậm nhưng rõ ràng là nó có nhúc nhích, có tốt hơn dưới triều “ Lê mạt ”. Đôi khi tôi có cảm tưởng chẳng thà chậm mà chắc còn hơn “ tiến nhanh tiến mạnh, tiến xuống hố ”! Việt Nam cần con đường hòa bình và

khoa học, chẳng dại gì đi bắn giết nhau, nửa thế kỷ chiến tranh đói nghèo đã quá đủ. Thật vô lý khi suốt mấy chục năm không có tự do, dân chủ thì còn coi con người ra con người; lúc vừa mới có được chút tự do, dân chủ thì cầm súng tàn sát lẫn nhau chẳng vì cái gì cả...

#### Chú thích

1. Người lao động nhập cư (travailleur immigré).
2. Xem tin về bác sĩ Nguyễn Hữu Minh Chí trong Diễn đàn số 3.
3. Thuở ta vừa chào đời,  
ta khóc  
và mọi người quanh ta vui cười.  
Hãy sống,  
để khi ta lìa cõi đời này,  
Mọi người khóc thương,  
Chỉ riêng ta cười vui thanh thản.
4. Thà chấm dứt một cách đón đau còn hơn đau đớn không bao giờ dứt.

## Tết Maubert, truyền thống và đổi mới

(tiếp theo trang 20)



Lê Dung trình bày tất cả ba bài, bài thứ ba là do sự thỉnh cầu của bà con. Bài đầu là bài **Tình yêu trên dòng sông Quan Họ** của Phan Lạc Hoa, bài thứ nhì là **Người Hà Nội** của Nguyễn Đình Thi và bài thứ ba là bài **Nỗi Lòng** của Nguyễn Văn Khánh. Bài đầu mang đậm nét dân ca Quan Họ, nội dung lời ca cũng như làn điệu dân gian của bài hát phù hợp với giọng ca nồng nàn, có duyên và cách luyến láy điêu luyện của chị. Bài **Người Hà Nội** lần này chị hát với một phong cách khác hẳn, nhiều chỗ cố ý nhanh. Đứng về mặt nghệ thuật, đây có thể là một cách diễn đạt mới, nhưng theo tôi không lột tả được tính chất lâng lacent và tình cảm sâu đậm của bài hát. Tuy nhiên cũng có người lại thích chị hát như vậy vì cho rằng bài **Người Hà Nội** là một bài “ hùng ”.

**S**ự thành công của đêm văn nghệ Tết Nhâm Thân năm nay ở Maubert là một sự kiện có nhiều ý nghĩa. Nó chứng tỏ tiềm năng dồi dào của những thế hệ tiếp nối nhau “ làm Tết ” và tình cảm gắn bó cộng đồng Việt kiều với một truyền thống văn hoá tốt đẹp. Sự tham gia ngày càng đông đảo của lớp thanh thiếu niên thế hệ hai vào nhiều khâu của đêm Tết là một điều đáng mừng. Nó nói lên ý thức ngày càng rõ rệt của họ về sự có mặt của mình trong ngày Tết truyền thống và sự kế tục mà họ đang gánh vác một phần trách nhiệm.

Chương trình văn nghệ Tết năm nay có thể được coi như một mẫu mực của sự cân đối và cởi mở về mặt chọn lựa các tiết mục, cũng như về sự linh hoạt, ngắn gọn trong cách tổ chức, sắp xếp.

Trong giai đoạn khủng hoảng mà Hội NVNTP đang trải qua, sự thành công của đêm Tết Nhâm Thân cho phép người ta nghĩ rằng cũng may mà sự thành bại, hay dở của một đêm văn nghệ, nhất là đêm Tết, chủ yếu vẫn thuộc vào những điều kiện, quy luật đặc thù của văn hoá, văn nghệ.

Hoài Văn

viết trong tù

# Dương Thu Hương tự bạch về **Tiểu thuyết vô đè**

Chúng tôi đăng dưới đây toàn văn bản **TỰ BẠCH** mà nhà văn **DƯƠNG THU HƯƠNG** đã viết trong tù, ngày 12.8.1991, sau 4 tháng bị giam cầm. Khi gửi cho **DIỄN ĐÀN** (cuối tháng 1.1992), Dương Thu Hương cho biết chỉ đã viết bài này trong hoàn cảnh như sau :

Việc **TIỂU THUYẾT VÔ ĐÈ** được xuất bản tại Mỹ đầu hè 1991 (Văn Nghệ, xem bài của Đặng Tiến, Diễn đàn số 2), đã gây một "cú sốc" trong giới cầm quyền ở Hà Nội. Công an đã đưa cho Dương Thu Hương đọc bản chụp bài của bà Thuy Khuê viết tựa cho ấn bản tại Mỹ khi đó, Dương Thu Hương không biết Thuy Khuê là phụ nữ, nên gọi bằng ông. Dương Thu Hương đã viết bản Tự bạch này và yêu cầu nhà cầm quyền công bố. Chị nói với họ : "Đù sao, để cho công luận hiểu rõ chính kiến của tôi cũng có lợi cho các ông hơn là lưu giữ trạng thái mù mờ vì như thế những người chống cộng cực đoan sẽ có cơ hội mà dẫn dắt dư luận theo định kiến của họ". Tuy nhiên, vì những lý do mà người ta dễ đoán ra khi đọc xong bản Tự bạch, chính quyền Việt Nam không công bố. Sau khi được trả tự do (ngày 20.11.1991), vì có vụ kiện Võ Văn Ái lợi dụng vụ bắt Dương Thu Hương để xuyên tạc và xuất bản trái phép tác phẩm Tiểu thuyết vô đè, nhà văn Dương Thu Hương đã đòi lại bản Tự bạch : "Nếu các ông không trả, tôi sẽ viết bản mới". Cuối cùng, cơ quan công an đã trả lại cho tác giả bản viết tay 16 trang và tác giả đã gửi cho chúng tôi.

Diễn đàn công bố bản Tự bạch trước hết vì giá trị chứng từ của nó. Qua những trang viết trong tù, người đọc thấy rõ khía cạnh của một người phụ nữ đã hiến tuổi thanh niên cho sự nghiệp độc lập và thống nhất đất nước, và ngày nay, hiên ngang đấu tranh cho dân chủ, tự do. Tự bạch cũng giúp cho người đọc hiểu rõ tâm sự và dự phỏng của nhà văn khi viết Tiểu thuyết vô đè.

Vì trong bản Tự bạch, Dương Thu Hương đã thẳng thắn đối thoại với Thuy Khuê, nên Diễn đàn đã mời Thuy Khuê phát biểu. Khoảng cách còn xa, không phải chỉ làm bằng cự ly 10 000 km giữa Hà Nội và Paris, và cánh cửa tù. Còn bằng những điểm chia hiếu nhau — rồi sẽ được giải toả. Và bằng những bất đồng ý kiến : đó cũng là điều đương nhiên, càng chứng tỏ sự cần thiết của đối thoại. Đầu tiên, là đối thoại giữa tất cả những người, nói như Dương Thu Hương "chịu đi giữa hai lằn đạn".

Đó cũng là lý do tồn tại của tờ báo này.

Mùa thu năm Canh Ngọ tôi viết **Tiểu thuyết vô đè** tức **Khải hoàn môn**. Bản thảo đã được đưa đến nhà xuất bản tại Hà Nội và đã bị từ chối. Chính tôi, tự tay tôi đã gửi nó sang Pháp. Tôi chủ trương vi phạm pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với tôi, vòng phẩn của thứ luật pháp đó quá hẹp. Tôi không thể thích ứng. Tôi giành quyền tự do cho mình bằng bất cứ giá nào. **Tiểu thuyết vô đè** được gửi đi với hai lý do :

- Lý do thứ nhất, nó là quà tặng cho bố mẹ nuôi của tôi.
- Lý do thứ hai, tôi dùng tâm viết cuốn sách này cho tất cả những ai thuộc nòi giống Việt. Nếu trong nước tôi bị treo bút thì tôi sẽ in cho người Việt ở hải ngoại đọc. Thà ít còn hơn không.

Tuy nhiên, tôi không từ bỏ đội ngũ những người cộng sản để chạy sang hàng ngũ những người chống cộng. Vì lẽ, khác với nhiều quốc gia trên hoàn cầu, trong cảnh huống đặc biệt của Việt Nam, những người cộng sản và những người chống cộng không chỉ mâu thuẫn nhau bởi một ý thức hệ trái chiều mà họ đã bị đặt vào tình thế thù nghịch trong một cuộc chiến lâu dài, đau thương và khốc liệt :

– Một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn. Tôi biết rõ rằng cả hai thứ người này (ở đầu mút của nó) đều không thể đem lại một tương lai khả quan nào cho đất nước. Vì những lý do ấy, tôi chọn đất Pháp, nơi cộng đồng người Việt ít thành kiến, tư tưởng phóng khoáng và tự do hơn, và tôi cũng chọn một nhà xuất bản thuần túy văn hoá, phi chính trị để in ấn phẩm này.

Dẫu vậy, phải thừa nhận rằng một khi cuốn sách đã in ra (Hoàn toàn không theo ý muốn của tôi — sách in ở Mỹ, rất vội vàng, không được những người bạn tôi biên tập và sửa chữa. Vì đã vào tù tôi không còn điều kiện để liên lạc với gia đình ở Pháp), **Tiểu thuyết vô đè** đã bị những người chống cộng cực đoan lợi dụng một cách triệt để nhằm chống lại kẻ thù của họ tức chính quyền Hà Nội. Đó là một cơ may để những người chống cộng cực đoan bộc lộ những hiềm thù chưa phỉ, cũng như mối căm uất của kẻ thua trận chưa có cơ hội giải toả và chiến dịch này đã gây ra những thất thiệt cho nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tôi là con người tự do. Tôi chỉ trung thành với những tư tưởng của chính mình. Tôi bất chấp sự khủng bố của phía bên này cũng như tôi phản đối sự lợi dụng, xuyên tạc của phía bên kia. Do lẽ ấy để tránh mọi sự bất như ý còn có thể xảy ra, tôi yêu cầu cuốn **Tiểu thuyết vô đè** không được tái bản hay dịch ra bất cứ thứ tiếng nào nếu không có sự chấp thuận của chính tôi.

Bây giờ tôi phần chính yếu của bản tự bạch. Tôi muốn nói với bạn đọc bốn phương về lập trường khởi điểm khi tôi viết cuốn sách này. Có đúng **Tiểu thuyết vô đè** là "lời sám hối của một tên Việt Cộng", của một "con Việt Cộng", của "một kẻ đã từng là đảng viên Cộng sản" hay không ?

Thưa vâng, có thể, nếu lịch sử đặt tôi vào vị trí trọng đại nào đó mà ở vị trí ấy, do mù quáng hay do dục vọng cá nhân lấn át lương tri, tôi đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đồng bào của mình. Nếu như vậy, tôi sẽ sẵn lòng sám hối vì sám hối, theo tôi, là một tình cảm tự nhiên và thuần nhân tính, cần thiết cho tất cả những ai tồn tại dưới danh hiệu Con Người.

Nhưng đáng tiếc thay tôi chỉ là một người dàn bà bình thường, một phó thường dân, chịu đủ thứ dày ải của đời khát, bệnh tật, bom đạn vì tham gia cuộc chiến "chống Mỹ cứu nước" theo truyền thống của người Việt.

Ngoài nhìn lại cuộc chiến đã qua, có lẽ những ai đã treo đèn kết hoa, dàn kèn đồng ra các hải cảng và phi trường chào đón

những binh đoàn lính Mỹ, lính Úc, lính Đại Hàn vào xứ sở cần biết đến hai từ sám hối hơn là tôi. Những ai ngoan ngoãn nhất, trung thành nhất với " Mẫu Quốc Hoa Kỳ " dù ở nơi đâu cũng nên biết vào giờ này, khi những đội quân " quốc ngoại " đã quay gót viễn chinh từ lâu nhưng dấu vết vẫn còn lưu trong đời sống của dân tộc Việt. Đó là chứng ụng thư máu, chứng vô sinh, chứng đẻ quái thai do nhiễm chất độc da cam. Đó là thứ vi trùng giang mai, vi trùng lậu Đại Hàn — thứ vi trùng không hiệu ứng với nhiều loại kháng sinh và khiến các thày thuốc Việt Nam đau đầu nhức óc.

Chính những người ấy, họ cần phải sám hối nhiều hơn cả các đội quân thám báo đã tàn sát những nữ chiến binh, những cô thanh niên xung phong miền Bắc mà tôi từng chứng kiến. Vì lẽ, những kẻ sát nhân thực thụ, những kẻ có đôi bàn tay đẫm máu, thường khi lại là phó sản của một chương trình được quyết định sau các bản giấy bóng khoáng, bởi những con người có đôi tay sạch sẽ và mặc áo trắng tinh...

Vậy tình cảm nào đã thôi thúc tôi viết cuốn *Tiểu thuyết vô đê* ?

Nói một cách xác thực, đó là nỗi đau khổ. Chính nỗi đau khổ đã dẫn dắt tôi đi qua mấy trăm trang giấy. Nỗi đau khổ đã khiến tôi lọc bỏ mọi định kiến, mọi hận thù. Cho nên, dẫu rằng trong thực tế, các đội quân thám báo Cộng Hoà miền Nam không chỉ hiếp, xéo vú và cưa mình những người con gái miền Bắc mà còn đóng cọc vào miệng và cưa mình họ. Nhưng khi viết, tôi đã tước bỏ chi tiết ấy đi. Vì tôi e rằng, người nước ngoài (nếu đọc) sẽ phải kêu lên : " Sao lại có một giống người dã man đến thế ? Sao lại có một dân tộc ác đến thế ?... ". Họ sẽ không phân biệt đấy là người Việt chống cộng hay người Việt cộng sản. Họ chỉ xác định đó là một giống người. Và như vậy, những ai thuộc về nòi giống ấy sẽ phải cúi đầu tủi hổ.

Đơn cử một chi tiết đó, tôi muốn chứng minh rằng khi viết cuốn sách này tôi không còn là người của bất kỳ đảng phái hay phe nhóm nào. Tôi là người Việt theo nghĩa thuần tuý. Tôi kêu tiếng kêu đau đớn, tôi nói lời sám hối chung cho một nòi giống, một cộng đồng.

Người ta, nói chung, không ai có thể khôn ngoan từ thuở lên ba. Con người bị nhào nặn giữa các tập quán, các hệ tư tưởng hiện tồn, các nguyên tắc luân lý truyền thống. Phải tới một lúc nào đó, và với những điều kiện nào đó, một cá nhân mới có thể bứt khỏi lực hướng tâm của quần thể để xác định những tư tưởng đích thực của mình.

Cách đây ngót một thế kỷ, André Gide, Arthur Koestler và nhiều trí thức lớn đã tìm đến với chủ nghĩa cộng sản vì lý tưởng cao quý của nó và đã giã biệt chủ nghĩa cộng sản vì sự thực tàn khốc của nó. Việc tôi hay nhiều người nữa dẫm vào vết chân của họ cũng là lẽ thường tình. Với một thời gian chậm hơn, một không gian xa hơn. Nơi xứ sở biệt lập bị bưng bí thông tin và chậm tiến. Cũng cần nói thêm rằng, ở cái xứ sở biệt lập và xa cách các trung tâm văn minh của nhân loại ấy có tới 90 % dân số là nông dân, phần đông chưa thoát nạn mù chữ. Mà chủ nghĩa cộng sản lại là một thứ tôn giáo được logic hoá bằng những lý lẽ khoa học thô sơ, hình thức và phiến diện. Thứ lý lẽ rất tương hợp với tâm thức và mặc cảm cổ hủ của người nô lệ. Làm sao họ có được sức đề kháng với loại lý thuyết như vậy ? Trong tâm hồn chất phác và tui nhục của họ, chưa có nỗi an ủi nào lấp đầy. Và trong trí não, họ không có lấy một vi lượng kiến thức để gợi nên sự cân nhắc hay nỗi hoài nghi.

André Gide, Arthur Koestler và các bậc tiền bối khác đã nói

rất đúng : *cái quyền rũ của chủ nghĩa cộng sản là ở chỗ nó không cho người ta gì cả mà nó đòi hỏi người ta phải hy sinh*. Trong thực tế, do vậy mà chủ nghĩa cộng sản đã thu hút số đông những con người lý tưởng chủ nghĩa là những người từ chối khoái lạc hay tiện nghi, sẵn sàng hy sinh lợi ích của bản thân hay gia đình mình để chiến đấu " *vì một ngày mai tươi sáng cho toàn thể dân tộc và nhân loại* ". Những người chống cộng có thể vì thiên kiến mà chỉ chú tâm nhìn vào những người cộng sản nắm quyền lực. Đúng là những người cầm quyền, do một cơ chế độc tài không ai kiểm soát, do một cấu trúc nhà nước không đổi trọng tự hành, nên họ có thể tham nhũng vô độ, cưỡng quyền vô độ. Nhưng, đại đa số những đảng viên cộng sản bình thường là những con người nhẫn耐 hy sinh và khổ ải. Cả cuộc đời họ không được hưởng một chút tiện nghi nào ngoài công việc và sự tồn tại khốn cùng.

Thời chiến tranh, chính quân đội Cộng Hoà miền Nam đã vẽ nên hình ảnh " *ba thắng Việt cộng dù không gây một cộng đù* ". Hình ảnh ấy đúng về thực chất. Những người lính miền Bắc được hưởng một mức đãi ngộ không bằng một phần ba mức đãi ngộ của người lính miền Nam. Những sĩ quan miền Bắc không bao giờ dám mơ tưởng tới những câu lạc bộ dành cho các sĩ quan quân đội Cộng hoà. Có lẽ chính tính lý tưởng đã huy động đến cùng tinh thần khắc kỷ và đã trở thành một yếu tố tạo nên chiến thắng.

Vào năm tôi mười tám, thế hệ chúng tôi đã lên đường chống Mỹ theo truyền thống của người Việt. Nói đến người Việt, là nói đến một hành trình bất tận chống ngoại xâm. Tôi sẽ không bao giờ hối tiếc, tôi sẽ mãn nguyện hy sinh đến giọt máu cuối cùng nếu phía trước mũi súng của tôi chỉ là kẻ ngoại bang. Nhưng sự thế dã không diễn ra như vậy. Những tù binh chiến tranh lần đầu tiên tôi thấy lại là những người tóc đen, da vàng, cùng nòi giống và máu huyết với tôi. Dẫu rằng họ đã gắn kết với người Mỹ và đứng vào chiến tuyến bên kia, dẫu rằng lý trí tinh táo nhở cho tôi biết họ đã từng bắn giết bao nhiêu đồng đội của tôi bằng súng đạn Mỹ, nhưng trái tim thăm kín vẫn bảo cho tôi biết rằng họ là đồng bào của tôi và số đông trong bọn họ chỉ là nô lệ phục tòng một định mệnh tàn khốc. Chính những cảm xúc, những ý nghĩ bột phát trong giây phút ấy đã được bồi đắp nuôi dưỡng và dẫn tới hành trình tư tưởng này.

Càng ngày, dấu ấn của cuộc chiến tranh in trong tôi càng nóng bỏng, ngược chiều với sự phai nhạt thường tình của thời gian. Tôi đã đến nhiều trại thương binh. Tôi đã gặp những phế binh nơi thôn cùng ngõ hẻm. Tôi đã qua cao nguyên miền Trung và sườn dãy Trường Sơn, nơi những cánh rừng chưa hồi sinh nguyên vẹn vì chất độc. Tôi chứng kiến nhiều cái chết ung thư do nhiễm chất da cam, trong đó có bậc đàn anh, nhà văn Nguyễn Minh Châu chết vì chứng máu trắng do nhiễm độc ở vùng Quảng Trị. Tôi đã nhìn tận mắt những quái thai do nhiễm độc ở cả hai miền...

Lãnh tụ Cộng hoà miền Nam nào đã từng chấp thuận cho người Mỹ rải chất độc xuống các cánh rừng xứ sở, ngày hôm nay có nhìn ngó đến những tử thi máu trắng, những bào thai quái dị của đồng bào họ chăng ? Và liệu có pháp đình nào dựng lên trong lương tri của họ ?... Tôi biết rằng trong mọi thứ kiến thức thì kiến thức khó đạt được nhất là sự tự hiểu mình. Trong mọi lẽ công bằng thì lẽ công bằng cao nhất là công bằng với bản thân. Nhưng mà, đó luôn luôn là cái đích cho hành trình của một nhân loại xứng đáng.

Là một người đàn bà, tầm nhở, tay ngắn, tôi không thể làm gì

hơn cho Tổ quốc mặc dù tình trạng buồn thảm của nó không ngừng ám ảnh tôi. Điều tôi có thể, chỉ là đau đớn đến tận cùng thân phận đau đớn của dân tộc mình. Một quốc gia chậm tiến, một dân tộc lạc hậu là mảnh đất màu mỡ cho các ảo lý tưởng thâm nhập. Trình độ dân trí thấp luôn kèm theo tố chất thơ ngây, chứng bệnh ấu nhi. Mặc cảm tự ti là bạn đồng hành của chứng cuồng tôn hiếu đại. Lòng tự hào về một khả năng ưu việt trong truyền thống nếu không khéo dẩn dắt sẽ trở thành vật chướng ngại trên hành trình hội nhập vào nền văn minh chung. Những quán tính sống, những diện mạo tư duy đã rèn tập, đã vĩnh định trong hàng nghìn năm chiến tranh liên miên rất có thể tiêu huỷ sự sáng suốt, sự nhạy cảm, sự tinh tế, tinh thần năng động là những yếu tố đặc biệt cần thiết cho con người khi nó phải chấp nhận một sự lựa chọn giữa những ngã ba lịch sử, trong một thời đại nhiều biến động và bão tố. Vào những khoảng khắc ấy, không ai có thể tiên liệu được rằng dòng chảy của lịch sử sẽ xô dạt một dân tộc đến bờ bến nào. Và một cộng đồng càng có trữ năng tinh thần, tiềm năng về đời sống tâm linh lớn bao nhiêu — khi bị hướng vào những mục tiêu sai lạc, nó sẽ càng tự huỷ khủng khiếp bấy nhiêu.

Khi chính quyền miền Bắc sao chụp mô hình cách mạng Trung Quốc, tiến hành cuộc cải cách ruộng đất tàn bạo lầm lỗi thì ở miền Nam, ông Ngô Đình Diệm khùng bố những người kháng chiến cũ, phân loại treo bảng từng gia đình cách mạng để trả thù. Khi nhà nước miền Bắc chưa kịp tuyên bố “xé dọc Trường Sơn đi cứu nước” thì chính quyền miền Nam đã hô hào “Bắc tiến ! Lấp sông Bến Hải” rồi...

Tôi không muốn làm dài thêm bản liệt kê quá khứ. Đó là những trang đen tối nhất trong lịch sử chúng ta. Đã từng có sông Gianh. Đã từng có cuộc giao tranh Trịnh Nguyễn. Nhưng vết thương để lại cũng không trầm trọng đến như vậy.

Người phương Tây có lý khi họ so sánh số phận của dân Việt Nam với dân Do Thái. Những dân tộc đau khổ, bất hạnh, phân ly. Người Do Thái đã phỏng rọi khát vọng của họ và tôn giáo và họ tạo nên Jesus. Dân tộc chúng ta không sáng tạo được huyền sử nhưng đã tạo nên những chiến thắng mang tính huyền thoại. Chúng ta đã chứng tỏ dân tộc Việt là dân tộc rất biết chết để bảo vệ chủ quyền và nòi giống. Giờ đây, người Do Thái đã vượt qua định mệnh khắt khe, đặt chân lên bậc thềm thánh đường của họ. Chúng ta, những người Việt Nam, bao giờ chúng ta đến được bến bờ hạnh phúc của mình ?...

Để trả lời câu hỏi này, trước hết tôi cần phải xác quyết rằng tôi không phải đưa con bội bạc với tổ tiên. Những chiến thắng ngoại xâm oanh liệt trong lịch sử đã, đang và sẽ ngự trị trong tim óc, trong xương máu tôi. Chúng cho tôi sức mạnh và niềm tự hào. Bởi vì, biết chết và dám chết cũng là một khả năng. Bởi vì, không phải bất cứ dân tộc nào cũng gây cho một ngoại bang hùng cường “hội chứng Việt Nam” như dân tộc Việt. Tuy nhiên, tôi mong muốn dân tộc chúng ta không chỉ biết chết mà còn biết sống. Đã đến lúc người Việt Nam phải quay ngược chiều vector trữ năng tinh thần, phải di phóng những tiềm lực sống vào một thiên hướng khác. Đã đến lúc người Việt phải tinh táo và can đảm soi rọi quá khứ để xác quyết dòng chảy cho tương lai.

Không ai có thể dào bới mộ chí để thay đổi trang phục hay tô son trát phấn cho các tử thi. Nhưng người ta có thể dào bới các tầng nghiêm sinh trong dĩ vãng để soát xét mọi nguồn cơn, sàng lọc điều hay lẽ dở. Đối với một dân tộc có thói quen tôn trọng và suy tưởng quá khứ như dân tộc Việt, hành động như tôi là điều nguy hiểm. Nhưng tôi chấp nhận hiểm nguy vì tôi tha thiết với

tương lai đất nước. Vì tôi hiểu rằng dân tộc nào chỉ dám chìm trong quá khứ, dân tộc ấy không có tương lai.

Chúng ta không thể ngồi than khóc rằng, cỡ sao cách đây 120 năm, chúng ta không có một Minh Trị thay vì cho Tự Đức. Chúng ta cũng không thể hối tiếc rằng, cách đây một phần hai thế kỷ, những lãnh tụ có đầu óc dân tộc đã không thể chiến thắng được sức mạnh can thiệp của ngoại bang để thực hiện cuộc tuyển cử thống nhất đất nước một cách êm dịu và tránh đi một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn.

Lịch sử đầy rẫy những may rủi, những phi lý, những hàm hồ. Và trong vòng biến động ấy, thân phận các quốc gia chậm tiến, các dân tộc như弱势 thường phải lãnh phần thua thiệt.

Chúng ta không thể đòi hỏi những gì chúng ta không có. Vì rằng, không phải bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu nhân loại cũng sản sinh ra cõi lãnh tụ siêu việt như Minh Trị, Pierre đại đế, Roosevelt hay Gorbatchev. Dân tộc chúng ta đã mất đi những vận hội, những may mắn, đã lỡ nhiều chuyến tàu. Giờ đây, chỉ có một cách, là mỗi người dân Việt phải ý thức đầy đủ sự bất hạnh của giông nòi và đóng góp cho tương lai bằng thiện chí, tinh thần trọng lẽ phải và sự công bằng.

Đến đây, tôi trở lại cuốn *Tiểu thuyết vô đè*. Tôi đã viết cuốn sách ấy khi tôi già từ quá khứ. Tôi là một người dân Việt, chỉ thể thôi, và với tôi lợi ích dân tộc là tối thượng. Vì lợi ích dân tộc, tôi phải lật bối cuộc chiến tranh vừa qua, phanh phui ra để mọi người thấy đến thẳm cùng sự tàn khốc lẫn niêm ai oán, để những ai thắng không thể còn tiếp tục vui sướng, để những ai thua không thể còn tiếp tục thù hận. Bởi lẽ, tất cả, dù thắng dù thua, họ đều là những đứa con của cùng một quê hương, và đều là nạn nhân trong trò chơi cay nghiệt của định mệnh.

Tôi đã đọc kỹ lời đề tựa của ông Thuy Khuê. Tôi xin trân trọng cảm ơn một người đã khen ngợi tôi quá mức như vậy. Tuy nhiên, vì biết rõ tôi là người thắng thắn, xin ông hãy vui lòng nghe những lời thắng thắn của tôi.

“Nhà văn có phần sự ghi lại sự thật. Không có phần sự phải chùi lòng ai”.

Thưa ông, đúng thế. Và thưa ông, không chỉ trong văn chương mà ngay trong đời sống, tôi cũng không quen chiều lòng ai. Tôi chỉ quy phục một sức mạnh thôi, ấy là chân lý và sự công bằng.

Khi ông viết : « *Tiểu thuyết vô đè* nhấm vào cái phần cốt tuỷ của huyền thoại “chống Mỹ cứu nước” vạch trần mặt trái của những lý tưởng “cao đẹp”, mặt sau của những khải hoàn môn, mặt nạ của những mỹ từ đã trở nên những khẩu hiệu trống rỗng : Tổ quốc – Nhân dân – Chính nghĩa – Tự do – Quốc gia – Dân tộc... vì người ta đã lạm dụng và dày xéo quá nhiều rồi...», tôi thấy ngay rằng hoặc vì thiên kiến, hoặc vì lầm lẫn, hoặc vì không am hiểu thực tiễn nên ông đã tạo cho câu văn một ám bóng, một trạng thái lập lò. Thưa ông, chính quyền miền Bắc không bao giờ sử dụng những danh từ : Quốc gia – Tự do – Dân tộc trong các khẩu hiệu được coi là tôn chỉ của cuộc chiến. Và việc lạm dụng các mỹ từ đã xảy ra cùng một lúc ở hai nơi. Nếu ở miền Bắc là “Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” thì ở miền Nam là “Vì lý tưởng quốc gia”. Nếu ở miền Bắc là “Đánh cho Mỹ cút, nguy nhào” thì ở miền Nam là “Bảo vệ tự do – Vì chánh nghĩa chặn đứng làn sóng đỏ”. Tuy nhiên, chắc ông cũng không phủ nhận điều này : trên mảnh đất Việt Nam mà hai hệ ý thức trái chiều đã chọn làm đấu trường không hề có bóng dáng một người lính Nga trong khi đó đầy nhóc lính Mỹ và các nước đồng minh. Sự thực ấy, người nông dân mù chữ nào cũng thấy được. Cũng

nhờ sự thực ấy mà quân đội miền Bắc có phần ưu thế. Và người Mỹ có thói quen thay đổi chính phủ như lật bàn tay, thao nghệ thuật làm đảo chính như rắn trống, người Mỹ đã thành công trong cuộc chính biến đưa chính phủ Nguyễn Khánh lên ngôi, hạ sát Ngô Đình Diệm — kẻ buông binh vì trót có tình thần dân tộc, rồi cuối cùng cũng đã rút quân khỏi miền Nam và phải ghi vào từ điển hai chữ Việt Nam với tư cách một tinh tú hàm chứa sự cay đắng và ngao ngán.

Thưa ông Thuy Khuê, cái gì là sự thật thì không ai có quyền chối bỏ, dù thích hay không thích. Đầu vậy, tôi cũng xin nhắc lại lần thứ hai, là dù thắng hay thua, hai đội quân cũng chỉ là những đứa con chung một giống nòi. Và trên phương diện thực tiễn, người thắng đâu có sung sướng hơn kẻ bại? Xét cho cùng, họ chịu đau khổ nhiều hơn, sống một cuộc sống gian nan hơn. Để đến Khải hoàn môn, họ phải vất kiệt sinh lực và từ bỏ mọi niềm vui sống.

Vì ở miền Bắc có những đội văn nghệ tuyên truyền từng ca ngợi chiến tranh là ngày hội. Vì ở miền Nam có cả một đoàn quân tâm lý chiến với các giọng oanh vàng véo von khích lệ những "anh hùng quốc gia" lên đường, nên ngày hôm nay tôi phải ngồi viết *Tiểu thuyết vô đè*. Tôi muốn nói với đồng bào của mình rằng chiến tranh không giống giấc mộng vàng mà các nữ ca sĩ thêu dệt, cũng chẳng là ngày hội tung bừng mà các bản hoà tấu kèn diễn tả. Chiến tranh có gương mặt thật của nó mà ít ai tường tận. Và trong bất kỳ cuộc chiến nào, chết chóc, đau đớn và sự huỷ diệt nhân tính cũng được chia đều cho cả hai bên.

Điều nữa, thưa ông, ông có một lời khen mà tôi không thể nào chấp nhận :

"*Dương Thu Hương là một hiện tượng hiếm có, một viên ngọc trong đám sình lầy ô nhiễm quê hương*".

Với một lời khen hết cỡ như vậy, ai đó — khác tôi, sẽ vô cùng mãn nguyện. Bởi, phàm là người nói chung ai là chẳng thích vuốt ve. Nhưng đáng tiếc, tôi thì không. Tôi là con người mà hai câu thơ sau đây của Xuân Diệu bộc lộ trung thành :

*Tôi cùng xương cùng thịt với nhân dân tôi  
Cùng đổ mồ hôi cùng sôi nước mắt*

Không phải tôi là viên ngọc giữa đám sình lầy mà chính dân tộc này mới là một viên ngọc bị vùi lấp trong sình lầy của nghiệp chướng. Một quốc gia có lúc thịnh lúc suy. Có lúc người trị vì là bậc tuấn kiệt như các vua Lý vua Trần. Có lúc ngự trên ngai vàng là bọn hòn quân ám chúa như Lê Ngoạ Triều, Lê Chiêu Thống. Không thể nhìn vào Lê Chiêu Thống để quy kết dân tộc Việt là dân tộc bán nước. Cũng như thế, không thể nhìn vào một số người cộng sản cầm quyền tham nhũng, độc đoán, ngu dốt mà cho rằng những người Việt sống nơi quê hương là một đám sình lầy. Trong đám sình lầy ấy đã mọc lên những Tôn Thất Tùng, Đặng Thái Sơn, Lê Bá Khánh Trình... Và, ai cũng hiểu rằng, có một Đặng Thái Sơn nghĩa là còn một ngàn Đặng Thái Sơn khác mai một trong đói nghèo ràng buộc.

Tôi biết dân tộc chúng ta là một Hercule bị trói. Chiến tranh, thể chế xã hội lạc hậu, ý thức phong kiến biếng tướng và được nuôi dưỡng... Những xiềng xích ấy đã không ngừng cùm trói và đầy doạ con người, không cho họ có cơ hội sống một cuộc đời xứng đáng. Nhưng không thể vì cái hiện thực buồn thảm ấy mà bất kỳ ai được quyền nhục mạ đồng bào mình. Từ những ngày đầu bị bắt, tôi đã tuyên bố với nhà cầm quyền : "Tôi là nhà văn của dân đen. Tôi đấu tranh cho lợi ích của dân đen. Những người mà, vì lầm than, có thể không bao giờ cầm đến quyền sách và biết đến tên tôi". Thưa ông, tiêu chí đó không thay đổi. Bởi một

lẽ, tôi hiểu đồng bào mình. Những lê dân hôm nay căm mặt xuống ruộng bùn cát lúa, ra nước ngoài làm thuê với đôi chân không tất không giày trước cặp mắt khinh bỉ và ghẻ lạnh của ngoại nhân, họ, chính họ, nếu được nuôi dưỡng trong một hoàn cảnh khác, sẽ có đủ khả năng đuổi theo nền văn minh và không thua kém bất kỳ dân tộc nào khác trên địa cầu.

Tại Hà Nội, khi nghe tin một thanh niên Mỹ gốc Việt đoạt giải nhất trong kỳ thi "vẻ đẹp cơ thể đàn ông" lòng tôi đầy vui sướng. Chẳng biết khi nghe tin Đặng Thái Sơn thắng lợi trong concours diễn tấu Chopin ông có cảm giác ấy không? Hay vì người nghệ sĩ kia xuất thân từ đám sình lầy ô nhiễm nên ông quay mặt đi? ... Tôi rất lấy làm tiếc, thưa ông. Nhưng quả tình, một cách nhìn như vậy về đồng bào mình sẽ chỉ khơi sâu thêm mối hận thù trong quá vãng và không đem lại điều gì tốt lành cho tương lai.

Tôi cũng phải nói thêm rằng quan điểm của những người chống cộng cực đoan sao mà giống quan điểm của lớp cộng sản bảo thủ ở đây đến thế!... (Tất nhiên, theo chiều ngược lại). Hết như hai bắn sao, hai giọt nước. Đều là những người khăng khăng ôm chặt lấy định kiến và mặc cảm cũ, không mấy may khoan dung, không mấy may đoái thương tới đồng bào, đồng loại. Tất cả đều không muốn đi đến cội nguồn của SỰ THẬT. Tất cả đều không muốn nói đến hai chữ THA THÚ.

Thưa các ông, tại sao các ông lại không thể hình dung rằng : vào cùng một thời khắc, có hai đứa bé chào đời. Một đứa ở Hà Nội, đứa kia ở Sài Gòn. Mười tám năm sau, đứa bé ở miền Bắc đi theo lời kêu gọi "Chống Mỹ cứu nước", "Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa".

Đứa bé ở miền Nam bị lôi cuốn bởi "Lý tưởng quốc gia", bởi "Chiến dịch chặn đứng làn sóng đỏ", bởi những câu thơ kiểu như "Thành ngăn sóng đỏ mây sừng sững"... Và hai đứa bé hăm hở ra đi, rắp ranh lập công với Quốc gia Cộng hoà hay Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Rồi chúng bắn giết. Rồi chúng trúng thương, cùng tàn phế, cùng chết chui chết lủi trong rừng, cùng rữa nát giữa bùn chiến địa. Dù cậu thiếu niên phía Nam được ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn vì tựa lưng vào một "mẫu quốc" giàu có hùng cường hơn, thì khi thoái rũa, da thịt chúng cũng đều bốc lên một thứ mùi khủng khiếp như nhau.

Hai đứa bé ấy liệu có tội gì trong trò chơi oan nghiệt của số phận? Liệu còn có ai muốn tiếp tục khơi gợi oán thù để hai hồn ma trong trắng ấy tiếp tục bắn giết nhau ở thế giới bên kia?

Với tôi, hai chàng thiếu niên ấy đều là con tôi cả. Máu chúng chảy ra là máu của tôi. Và trong bàn thờ tâm linh mình, tôi thắp hai nén nhang như nhau mà vọng tưởng.

Sẽ mãi mãi là bất hạnh, sẽ khổ đau truyền đời mãn kiếp nếu những đứa con của Hùng Vương không nhảy qua được vòng phẩn của quá vãng.

Sẽ có một sông Gianh lần thứ ba nếu những người Việt còn nuôi dưỡng hận thù và khôn nguôi khát vọng tàn diệt nhau.

Đất nước sẽ mãi mãi là một bãi tha ma mênh mông, chất chồng nhiều tầng hài cốt nếu mỗi người Việt không thấy rõ rằng một cuộc nội chiến, dù với bất cứ lý do nào, cũng là chất cưỡng toan làm ruồng nát cả sinh lực lẫn tâm hồn dân tộc.

Trước tôi, về cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn, đã có người làm bài hát *Hòn sông Gianh*. Giờ đây, để từ chối cuộc chiến vừa qua, tôi viết *Tiểu thuyết vô đè*. Tôi từ chối cái cuộc chiến mà trong đó nửa quê hương Việt Nam ăn gạo Nga cầm súng Nga cùng các nước theo lý thuyết mác-xít, nửa kia ăn gạo Mỹ cầm súng Mỹ và các quốc gia đồng minh, quyết tử với nhau. Đất nước

ông cha biến thành đấu trường. Những con người cùng huyết thống, cùng giống nòi, biến thành những thù địch.

Ngày hôm nay, tại điện Kremlin, người Nga và người Mỹ ngồi với nhau ký hoà ước giải trừ vũ khí nặng. Còn lại, những người Việt vẫn khôn nguôi thù hận, quyết tát cạn bắt lối, quyết phân định tao đúng mà sai?... Nếu quả vậy, đó sẽ là trò chơi độc và tàn nhẫn nhất của Tạo hoá.

Là một người vào Sài Gòn từ thời gian đầu tiên, sau ngày 30.4.1975, nhưng trong lúc mọi người xung quanh không ngớt hân hoan, tôi đã đánh mất mọi niềm vui. Nhiều tiên cảm mơ hồ, lo buồn ám ảnh tôi. Đối với tôi, mọi vinh quang đều hão huyền, chỉ hạnh phúc là có thực. Không phải vô cớ mà Bertold Brecht đã viết : “*Bất hạnh thay cho dân tộc nào sản sinh ra Jämm anh hùng*”.

Thời gian trôi qua, những tiên cảm mơ hồ trong tôi đã biến thành sự thực. Dân tộc chúng ta, một dân tộc đầy huyết khí và thơ ngây, đã phải chết hàng triệu lần trong cái chết, tưởng sẽ dựng nên một kỳ tích vĩnh hằng cho nhân loại, và sẽ có tất cả sau ngày chiến thắng. Dân tộc ấy giờ đây đang nhặt từng hạt lúa giữa ruộng bùn, đang xây dựng cuộc sống từ một mức bình quân mạt hạng, với khối lượng khổng lồ thương phế binh của cả hai đạo quân, với hằng hà sa số những đàn bà goá những trẻ mồ côi. Dân tộc ấy mới ngày hôm qua còn ngây ngất bởi tiếng vỗ tay cổ vũ chiến thắng, bởi quà tặng của các thủ tình hữu nghị, giờ đây đang bị xua đuổi, bị sỉ nhục, bị hành hạ ở Tiệp, ở Đức, ở Balan, ở Bungari, ở Nga... Dân tộc ấy, dù đang sống ở Mỹ, Pháp hay các quốc gia phát triển nhất, an hưởng một đời sống vật chất và tinh thần hoàn hảo nhất, vẫn không ngừng bị đầy ải vì khôn nguôi nỗi sầu xa xứ. Người ta, không ai có thể từ bỏ nguồn gốc của mình. Sự từ bỏ ấy, nếu là thực trên tinh thần chiết thì nó sẽ là giả tạo trên phương diện giống nòi, máu huyết. Nếu nó diễn ra trong ý thức thì sẽ có một ẩn ức trái chiều lặn sâu vào vô thức và tới lúc nào đó, trồi lên cắn xé con tim.

Vì dân tộc phân ly và đau khổ ấy, tôi xin chấp nhận mọi thua thiệt về mình. Dù là sự đòn áp của nhà nước, sự tức giận và phản bác của những người cộng sản bảo thủ. Dù là sự lợi dụng, xuyên tạc và lăng nhục của những người chống cộng cực đoan. Là một kẻ bất hạnh, tôi chịu thêm một lần bất hạnh nữa, ngay cả cái chết cũng chẳng hề chi. Bởi lẽ, nỗi đau khổ của một cá nhân dù nặng nề đến đâu cũng không thể sánh với nỗi đau khổ của 70 triệu con người. Sự bất hạnh của riêng tôi, dù khốc liệt đến đâu cũng không sánh được sự bất hạnh của toàn dân tộc.

Nhưng tôi tin rằng, người Việt nào có một lương tri mạnh mẽ và khoan dung, người Việt nào tôn trọng lẽ công bằng, can đảm vượt qua những định kiến của quá vãng, tha thiết với lợi ích chung của dân tộc, những người ấy sẽ hiểu tôi.

Vì một nước Việt trong tương lai, một nước Việt vẹn toàn không phân ly không thù hận, một nước Việt dân chủ và phồn vinh, ngày hôm nay tôi xin chịu đi dưới hai làn đạn.

Vì một dân tộc Việt trong tương lai một dân tộc không chỉ biết chết mà còn biết sống, không chỉ mài rữa nghệ thuật chết mà còn tạo dựng và trau dồi nghệ thuật sống, một dân tộc bất hạnh — đã lặn ngụp trong mực mực và thất vọng — sẽ tự hiểu mình — sẽ lớn khôn — và sẽ trồi từ đáy sâu lầm than đau khổ hận thù tới bến bờ hạnh phúc. Vì dân tộc Việt như thế trong tương lai, ngày hôm nay tôi sẵn lòng chấp nhận bị ném đá cả từ hai phía.

Những ngày lập thu Tân Mùi  
12.8.1991  
Dương Thu Hương

# THUỴ KHUÊ

## TRẢ LỜI

Ngày 22.4.1991 ba ngày sau khi tin Dương Thu Hương bị bắt được các hãng thông tấn loan đi, tôi được một anh bạn, anh X (cũng là bạn Dương Thu Hương) trao cho tập bản thảo *Tiểu thuyết vô đề*, nhờ tôi viết tựa và tìm cách xuất bản với lời yêu cầu : trong bất cứ hoàn cảnh nào, xin chỉ dừng tiết lộ vì đâu và vì ai mà chỉ có tập bản thảo này<sup>1</sup>.

Cần nhắc lại rằng khi Dương Thu Hương bị bắt, không khí rất căng thẳng, những người theo dõi tình hình Việt Nam và ủng hộ việc đấu tranh dân chủ hoá đất nước của Dương Thu Hương, ai cũng muốn làm việc gì đó cho Dương Thu Hương. Mọi quyết định phải nhanh.

Tôi đã nhận lời anh X trong không khí sôi nổi và khẩn thiết— việc mà trong trường hợp bình thường tôi từ chối— *vì tôi không quen Dương Thu Hương, không đồng chính kiến với Dương Thu Hương và Dương Thu Hương không trực tiếp nhờ tôi in ấn gì cả*<sup>2</sup>. Nhưng cuối cùng tôi cũng đã nhận lời anh X với nhiều do dự và trăn trở :

— Một trong những chủ đích của việc xuất bản sách ngay là để gióng một tiếng vang trong dư luận, khiến chính quyền cộng sản phải e dè trước mọi quyết định đòn áp Dương Thu Hương. Chủ đích ấy có thể tác dụng ngược lại— nghĩa là nhà cầm quyền căn cứ vào đó mà buộc tội Dương Thu Hương một cách gay gắt hơn.

Một mặc khác, tôi tin rằng :

— Điều cần thiết cho văn học là tác phẩm đến tay người đọc, còn vì đâu mà đến, do ai mà đến, không quan trọng.

— Về những tác phẩm viết ở trong nước mà tôi được đọc cho tới nay : *Tiểu thuyết vô đề* có giá trị tiên phong trong việc nhìn nhận lại cuộc chiến một cách sáng suốt và mạnh dạn. Ngoài ra, *Tiểu thuyết vô đề* còn có một giá trị nghệ thuật nhất định. Tuy nhiên, vì lo ngại phản ứng của chính quyền mà trong bài tựa tôi khẳng định : không biết bản thảo từ đâu tới để xác quyết việc Dương Thu Hương không nhờ tôi làm bất cứ việc gì, do đó chính quyền Việt Nam không thể căn cứ vào đó mà buộc tội Dương Thu Hương chuyển bản thảo sang Mỹ.

Tôi đã giao phó tác phẩm cho nhà xuất bản Văn Nghệ của thầy Từ Mẫn Võ Thắng Tiếp vì những lý do :

— Qua những đóng góp vào văn học nước nhà từ trên 10 năm nay, Văn Nghệ là nhà xuất bản uy tín tại hải ngoại hiện giờ.

— Giữa thầy Từ Mẫn và tôi đã có hợp tác và tin cậy.

Mặc dù phản ứng chống đối việc in sách trong nước lúc đó còn mạnh, thầy Từ Mẫn đã nhận lời. Đó là một cố gắng của nhà xuất bản Văn Nghệ cần được ghi nhận mà thầy Từ Mẫn, bây giờ, đã phải trả giá khá đắt.

<sup>1</sup> Trong hoàn cảnh lúc đó, tôi chấp nhận điều kiện này.

<sup>2</sup> Cơ sở duy nhất mà tôi dựa vào là một bản sao một lá thư Dương Thu Hương viết cho hai người bạn (anh Giao và anh Đường), nội dung ngỏ ý muốn xuất bản *Tiểu thuyết vô đề* tại hải ngoại.

## Về một vài điểm trong bài Tự bạch của Dương Thu Hương

Có nhiều mức độ để đọc một tác phẩm hay một văn bản :

- Độc giả, một số — rất ít — thẩm xét cái hay cái dở để đánh giá và phân định giới hạn tác phẩm và tác giả. Lớp độc giả này chắt lọc những điều hay trong tác phẩm lưu lại cho mình và sa thải hoặc quên đi những cái dở trong tác phẩm — đó cũng là chủ đích của những bài tựa.
- Một số đông, có nhận xét chung chung tương đối đúng.
- Và một số khác hiểu lầm hoặc ngộ nhận, thậm chí đi đến chỗ xuyên tạc vô căn cứ.

Tự bạch, đề ngày viết ở trong tù, nhưng lời lẽ hoàn toàn tự do, đã được gửi ra ngoại quốc mới đây, vậy vẫn phù hợp với tâm trạng hiện tại của tác giả. Độc giả sẽ thẩm xét Tự bạch. Tôi không đi vào nội dung bài viết, vì không phải là chủ đích của bài này. Chỉ đưa ra vài nhận xét :

Sau 16 năm thống nhất đất nước, mọi định danh, phân giới *đội ngũ những người cộng sản / hàng ngũ những người chống cộng* : tôi ở bên này / anh ở bên kia — ở thời điểm này — dường như đã lỗi thời, lạc hậu.

Một khi thắng trận, viết về những nhầm lẫn của mình, đã là khó. Viết về những nhầm lẫn của đối phương lại càng khó hơn. Không mấy người thành công trong cuộc phiêu lưu nguy hiểm ấy, cho dù viết với mục đích “*để những ai thua không thể còn tiếp tục thù hận*”. Ngôn ngữ văn học là một con dao hai lưỡi : nếu Tiểu thuyết vô đê — qua sự kiểm nghiệm lại dĩ vãng — giải tỏa được một số vấn đề trong sự chia rẽ sâu xa của dân tộc và có một giá trị nhân bản cao, thì bài Tự bạch về Tiểu thuyết vô đê, với những tố cáo “tội ác” đối phương, giới hạn mọi giải tỏa chia rẽ và triệt tiêu giá trị nhân bản.



Chủ đích của bài này là nhìn nhận một vài khía cạnh nhỏ liên quan đến việc in ấn Tiểu thuyết vô đê mà tôi có phần trách nhiệm. Dương Thu Hương muốn chọn *một nhà xuất bản thuần túy văn hoá và phi chính trị* tại Pháp : khó đấy ! Ở hải ngoại, kiểm một nhà xuất bản thứ nhì — không dây dưa với chính trị — và có uy tín hơn nhà xuất bản Văn Nghệ, không phải chuyện dễ. Xác quyết trong sự thiếu thông tin cũng là một giới hạn nữa, đáng ghi nhận của Tự bạch.

Tránh dài dòng, tôi xin vắn tắt trả lời 2 điểm có liên quan trực tiếp đến tôi trong bài viết :

I. Về câu “*Tiểu thuyết vô đê nhầm vào cốt tuỷ của huyền thoại “chống Mỹ cứu nước”, vạch trần mặt trái của những lý tưởng cao đẹp, mặt sau của những khái hoàn mòn, mặt nạ của những mỹ từ đã trở nên những khẩu hiệu trống rỗng* : Tổ quốc – Nhân dân – Chính nghĩa – Tự do – Quốc gia – Dân tộc... Vì người ta đã lạm dụng và dày xéo quá nhiều lần” trong bài tựa Tiểu thuyết vô đê.

Câu văn trên — cũng như chủ ý toàn thể bài tựa của tôi — cần được hiểu trên hai mức độ :

1) Vì viết về Tiểu thuyết vô đê — một cuốn tiểu thuyết chống chiến tranh, nhìn từ phía Bắc — nên tôi đề cập đến huyền thoại “chống Mỹ cứu nước”. Nếu viết về một tác phẩm chống lại cuộc “chiến tranh chống cộng sản”, nhìn từ phía Nam, tất nhiên tôi sẽ đề cập đến huyền thoại “chống cộng”.

2) Khi nêu lên ý tưởng : những danh từ như tổ quốc, nhân dân, chính nghĩa, tự do, quốc gia, dân tộc... đã được người ta lạm

dụng và dày xéo quá nhiều, tôi viết với tâm cảm hoà hợp Nam-Bắc :

a) qua cách dùng chữ : *người ta* có nghĩa là một số người nào đó, không nhất thiết Nam hay Bắc (nếu không, tôi đã viết rõ : chính quyền miền Bắc)

b) qua cách pha trộn các danh từ thông dụng (tổ quốc... dân tộc...) của cả hai miền, vì đối với tôi, 6 danh từ trên đều là tiếng... Việt cả. Ngoài ra, tôi không nghĩ : vì miền Nam hay dùng chữ *quốc gia*, miền Bắc hay dùng chữ *nước* hay *đất nước*, mà những từ đó trở thành độc quyền ngôn ngữ của các chính quyền Nam-Bắc.

c) Theo Dương Thu Hương, “*chính quyền miền Bắc không bao giờ sử dụng những danh từ : Quốc gia – Tự do – Dân tộc trong các khẩu hiệu được coi là tôn chỉ của cuộc chiến*”. Vậy thì những khẩu hiệu “*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi*”, “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”, “*Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào*”... những khẩu hiệu ấy ở đâu ra ? Nhắc lại những khẩu hiệu ấy ở đây không phải để phủ nhận chân lý nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, nhưng để cùng nhau tự hỏi : có chân lý nào đáng giá 20 năm cốt nhục tương tàn, với những đau thương, chia rẽ, hận thù... mà ngày nay dân tộc vẫn còn phải trả ?

Vì viết vội <sup>3</sup> nên tôi viết vụng chăng ? Khiến Dương Thu Hương không thấy dụng ý hoà hợp của tôi, khiến Dương Thu Hương phải vất vả, mất thì giờ giảng giải về những điều tôi muốn nói và đã viết ?

II. Khi viết : “*Dương Thu Hương là một hiện tượng hiếm có, một viên ngọc trong đầm sinh lầy đang ô nhiễm quê hương*”.

Trong mạch văn và trong bối cảnh bài viết, thiết tưởng không một người Việt nào đọc câu trên lại có thể gán cho nó ý nghĩa mạ ly dân tộc. Có cần phải giải thích : viên ngọc ở đây chỉ là hình ảnh tượng trưng cho thái độ quả cảm, đã trỗi lên và sẽ còn trỗi lên trên đất nước, mà Dương Thu Hương là một trường hợp, và sinh lầy tượng trưng cho sự độc tài, chuyên chế, tham nhũng gian dối, đàn áp tư tưởng... hay không ?

Không nhận lời khen là quyền của mọi người. Nhưng xuyên tạc lời viết lại là chuyện khác.



Tóm lại, việc xuất bản Tiểu thuyết vô đê đã xảy ra là do lòng tin tưởng vào một việc chung và tốt giữa ba người : anh X, tôi và thầy Từ Mẫn.

Trách nhiệm và Thương tổn. Tôi nhận. Nếu tôi có sai lầm trong sự nhiệt tình thì tôi đã được trả giá đúng mức.

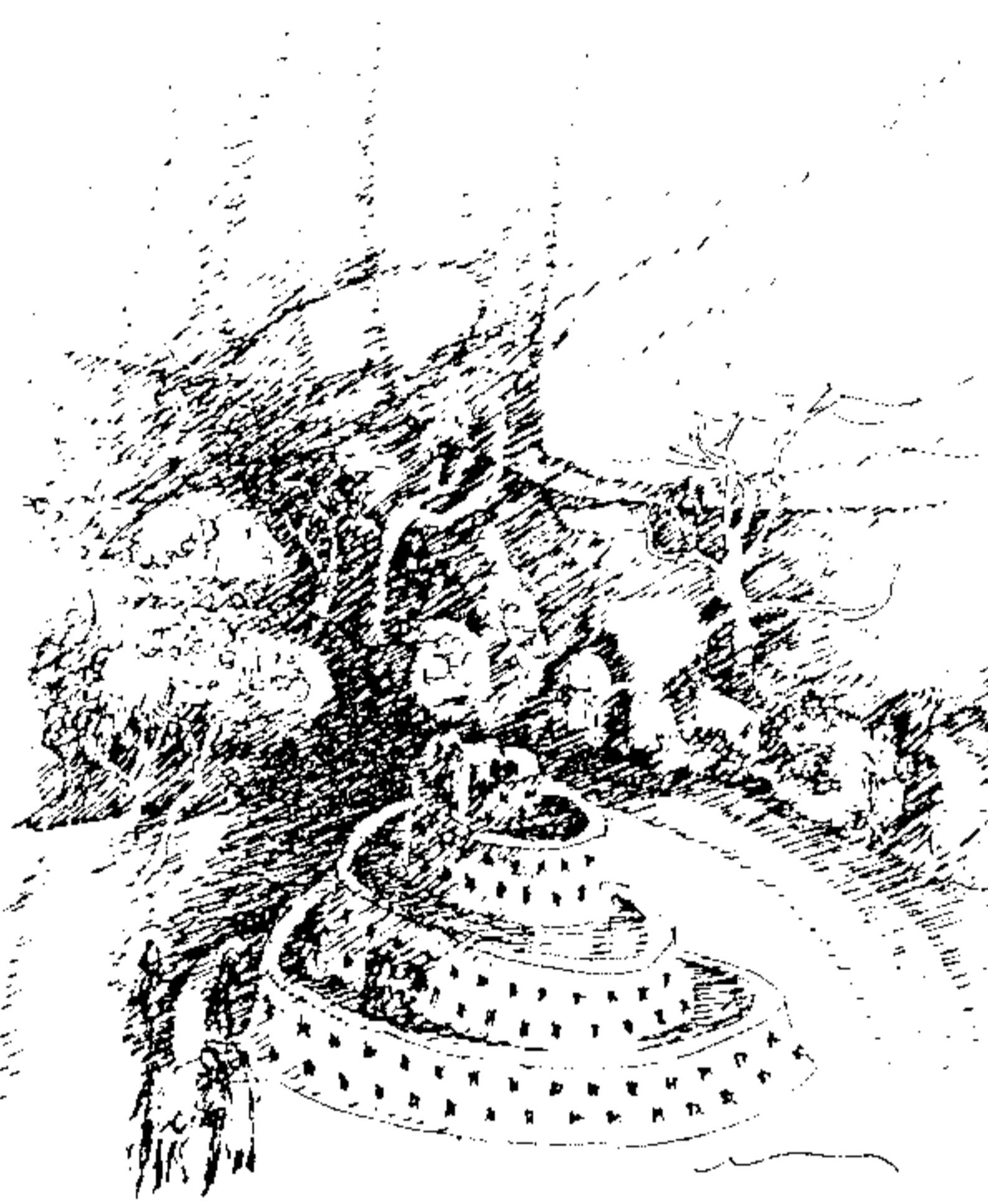
Ngày nay thẩm định lại : Thủ hỏi việc xuất bản ấy có hại hay có lợi cho tác phẩm ?

Dù sao chăng nữa, đây cũng là một dịp đối thoại. “*Không qua lẽ, khoẻ không qua lời*”, biết vậy mà lẽ độ trí thức và cái chừng mực của con người vẫn không cho phép tôi đẩy lời lẽ đến cùng.

Thuy Khuê  
14.2.1992

<sup>3</sup> Tôi đã đọc Tiểu thuyết vô đê và viết Tựa trong 5 ngày (từ 22 đến 27.4.1991). Cùng trong tuần lễ đó, thực hiện một chương trình phát thanh về Dương Thu Hương trên RFI dài 24 phút và viết 2 bài về đề tài Dương Thu Hương để kịp đi trên Thông Luận số ra ngày 1.5.1991.

# VƯỜN MỘ VIỆT NAM



Dưới đây là một đề xuất độc đáo của họa sĩ Lê Bá Đảng mà chúng tôi đã có dịp giới thiệu với bạn đọc (xem Đoàn Kết bộ cũ, số 420, tháng giêng 1990), một đề xuất cụ thể minh họa quan niệm tổng hợp của anh về nghệ thuật không gian. Rất mong độc giả góp thêm ý kiến.

Dân tộc Việt Nam ai ai cũng bùi ngùi, cảm động khi nhớ đến ông bà, tổ tiên. Ai ai cũng muốn tìm lại những cái gì độc đáo có tính cách và nguồn gốc dân tộc.

Nước ngoài đã mang lại cho ta cái văn hoá lẫn cái không văn hoá của họ. Nhiều cái đã ăn sâu vào ta, nhưng sự thực những cái đó vẫn là của nước ngoài.

Ngày nay, chúng ta hãy bình tĩnh nhìn lại từng cái một và chọn lọc, chừa dối để kiêu hãnh là một dân tộc không chịu lệ thuộc. Cái hổ chia rẽ giữa Việt Nam chúng ta không sâu lầm. Nhìn kỹ lại ở giữa người Việt Nam, dù có khác đạo giáo, khuynh hướng, chính trị, giàu nghèo, có học thức hay thất học, Nam hay Bắc hay Trung, vẫn có những cái rất giống nhau, rất thuần túy Việt Nam.

Cái đầu tiên giống nhau và in sâu vào đầu óc của mọi người Việt Nam là kính trọng, thờ phụng cha mẹ, ông bà tổ tiên và gắn bó với nơi chôn nhau cất rốn.

Vậy vì sao chúng ta không dựa vào cái đó để làm sợi dây thắt chặt tình nghĩa của giống nòi. Làm thành một cá tính mà ít dân tộc nào có. Làm cho nó thuần tuý, thơm tho và ý nghĩa hơn cả Vạn lý trường thành và thật là đặc sắc Việt Nam. Vạn lý trường

thành to tát, đồ sộ về bề dài, về khối lượng, còn bề sâu của nó tôi chưa thấy.

Về phần chúng ta, tôi đề nghị : mỗi làng chúng ta, từ Nam chí Bắc, miền núi hay miền biển và cho đến ở các nước khác có nhiều người Việt Nam ở thì chúng ta cùng nhau mỗi làng, mỗi nơi xây một mẫu mộ chung có tính cách nòi giống cho tất cả ông bà tổ tiên đã qua cũng như người sắp chết, không phân biệt gia đình, giàu nghèo, tôn giáo.

Chúng ta con cháu vua Hùng. Ai cũng nghe đến thành Ốc<sup>1</sup> đời Hùng Vương.

Tôi có ý và đề nghị mộ địa sẽ lấy mẫu gốc từ thành Ốc đời Hùng Vương và làm thành một tác phẩm nghệ thuật giữa vườn cây cối hoa trái. Mộ địa xây từ thấp đến cao theo hình xoáy tròn ốc, thể hiện bề dày lịch sử và trong đó nền mỹ thuật Hùng Vương đóng một vai trò quan trọng đối với mỹ thuật của cả dân tộc.

Tất cả các thi hài đều đặt chung cạnh nhau từ thấp đến cao, ở chính giữa và trên cao chỉ có một nồi hương khói, cúng vái, tặng vật làm lễ chung. Cho nên lúc nào cũng có người đến viếng và hương khói, dâng vật lễ. Cúng vái, hương khói cho ông bà mình cũng như cho tất cả. Thành thử ra nơi đây không ai lẻ loi, hiu quạnh.

Nơi đây cũng là vườn hoa, là mộ địa, là tác phẩm nghệ thuật, là tình nghĩa, là văn hoá, vui vẻ, thân mật, tụ họp, quên cả hận thù, kẻ sống cùng kẻ chết giữa thiên nhiên tạo hoá.

Vườn mộ là nơi quan trọng, nơi lui tới của mọi người lúc rảnh rỗi. Tượng trưng cái ân nghĩa, cái gắn bó một khối liên kết từ người chết đến người sống ; ông bà tổ tiên chứng kiến, tạo hoá và thiên nhiên dùm bọc.

Tình thần đoàn kết, một bọc mà ra, trăm người như một, không chia rẽ, riêng biệt nhỏ nhen, xoá bỏ tánh ích kỷ, ai của nấy.

Thế mới là đặc sắc Việt Nam.

Mỗi làng Việt Nam đều có vườn mộ, nơi nào có người Việt Nam sống và chết đều có vườn mộ.

Mỗi năm sẽ có nhiều ngày lễ, lễ tảo mộ, lễ giỗ tổ (10.3).

Ai ơi đi ngược về xuôi,  
Nhớ ngày giỗ tổ mồng mười tháng ba.

Rồi hàng năm, cả nước định trước một giờ, một ngày nào, cả nước từ vườn mộ này qua vườn mộ kia, đứng bắt tay nhau tỏ tình đoàn kết, một lý tưởng. Tình đoàn kết này nhờ công ơn của tổ tiên đã quá vãng mà con cháu còn sống phải vun quén và đoàn kết mãi. Giờ phút này quên hết hận thù, nhỏ nhen và lo xây dựng ngày mai với lòng bác ái của tổ tiên.

“Bây giờ ta lại là ta”.

Rồi bây giờ chúng ta nhìn lại xưa nay, mạnh ai làm mộ nấy, người giàu mộ to, người nghèo mộ nhỏ, rải rác khắp đồng ruộng, choán đất dai làm ăn, chia rẽ đủ mọi mặt.

Giàu có, đầy đủ hôm nay — rồi một ngày nào đó — không may bị tai nạn, giặc giã, gia đình tan rã, không một ai chăm sóc hương khói, mồ mả lạnh tanh đến lúc lùa bỏ đi để có đủ ruộng đất làm ăn. Mộ địa của ta đến bây giờ dù có to tát đến đâu cũng rất buồn tẻ, không kiêu cách, khi giống Tây, khi giống Tàu chứ không có một tính cách gì đặc biệt là Việt Nam.

Nếu mỗi chúng ta chịu khó tìm hiểu để mỗi làng có một vươn

(xem tiếp trang bên)

<sup>1</sup> Chú thích của toà soạn : tác giả muốn nói tới thành Cổ Loa đời An Dương Vương

## Đọc Nhật ký NGUYỄN NGỌC LAN

Nguyễn Ngọc Lan là một cựu linh mục. Tại các đô thị miền Nam, ông được nhiều người biết tiếng vào những thập niên 1960, 1970 qua các phong trào tranh đấu đòi dân chủ, hòa bình. Qua những bài báo sắc cạnh, ông đặc biệt lưu tâm đến vai trò của giáo hội Công giáo trong công cuộc bảo vệ và phát triển dân tộc; cụ thể hơn nữa là tương quan giữa giáo hội và chính quyền: làm sao giữ và phát huy tự do tín ngưỡng trong tự do nói chung của một xã hội thường xuyên bị thử thách. Trọng tâm trong tư tưởng của Nguyễn Ngọc Lan là: sống sâu sắc tinh thần Phúc Âm, trong lòng dân tộc, và trong tương quan với một thế giới đang thay đổi rất nhanh.

Có ý định hoàn tục từ 1973, thời Hiệp định Paris, ông xin từ chức linh mục vào năm 1976, lập gia đình và tiếp tục làm báo, tiếp tục gióng lên tiếng nói tự do, cho đến khi bị chính quyền bắt tại Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16.5.1991, cùng một lúc với linh mục Chân Tín, người bạn đường cùng tranh đấu, cùng lý tưởng với ông, từ ba mươi năm nay. Chân Tín bị trực xuất khỏi thành phố, biệt xứ tại Cần Thạnh, một họ đạo lẻ huyện Duyên Hải; còn Nguyễn Ngọc Lan bị quản thúc tại gia vì "vi phạm luật pháp, xâm phạm đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội" (tr. 246). Dĩ nhiên là chính quyền bắt bỏ tự do, không cần xét xử gì cả.

Là một công dân có trách nhiệm về ý thức của mình — và có ý thức về trách nhiệm — Nguyễn Ngọc Lan biết rõ: đã "làm người" thì không thể "làm thinh", và một ngày nào đó, trong một xã hội chuyên chế, ông phải trả giá cho sự chọn lựa "sống thẳng nói thật" của mình; cho nên từ 1980 đến 1990, ông đã cẩn thận gửi sang Pháp 1522 trang đánh máy và nhiều thư từ, sáng tác, tài liệu bổ sung, làm nền cho tác phẩm *Nhật ký 1989-1990* do nhà xuất bản *Tin* (Paris) vừa ấn hành và giới thiệu qua một buổi họp mặt ra mắt ngày 25.1.1992<sup>1</sup>.

*Nhật ký* kể chuyện thường ngày, từ thứ hai 6.1.1989 đến thứ sáu 20.4.1990. Ngoài những chuyện về gia đình, bè bạn, đồng đạo, còn nhiều chuyện xã hội dựa theo những bài báo, chủ yếu là báo *Sài Gòn Giải Phóng*. Đây là những tư liệu quý giá để người đọc nước ngoài, và hậu thế, thấy phần nào đời sống của người dân thành phố, về mặt kinh tế, văn hoá, tôn giáo qua cách nhìn, cách suy nghĩ của một trí thức công giáo. Sách hấp dẫn, nhờ lối viết khi dí dỏm khi độc ác nhưng lúc nào cũng tinh tế, sắc sảo.

*Nhật ký*, dĩ nhiên, là những trang viết rời, độc giả có thể đọc rải rác dăm ba đoạn lẻ, đã thấy thích; hoặc đọc để thưởng thức lối nói cạnh nói khoé, nói thắt họng, "nói chận họng" của tác giả. Rồi đem ra truyền tụng. Nhưng không nên vì vậy mà quên rằng Nguyễn Ngọc Lan là người thâm trầm: những chuyện hằng ngày, bè ngoài rời rạc, bên trong vẫn gắn bó chặt chẽ với nhau thành một bức tranh xã hội nhất quán. Mỗi chi tiết, dù bê ngoài phù phiếm, đều có giá trị biểu tượng. Ví dụ: bé Lan Chi, con gái tác giả, từ ba lên bốn tuổi, xuất hiện thường xuyên trong *Nhật ký* không phải là tác giả khoe con, nhưng ông muốn nói lên tiềm năng của dân tộc; tiềm năng ấy có thể phát triển, hay bị thu nhỏ, mỗi chúng ta, cha mẹ hay chú bác, đều ít nhiều có trách nhiệm. Lúc nói đến bạn bè trong nhóm *Khilikhitô* — khi nâng ly khi nâng tô, ít nhiều trong ân phúc chuá Kitô — không phải tác giả chè chén lè phè, nhưng ông lưu ý đến hình thức đối kháng, tuy tiêu cực nhưng dài hơi, của quần chúng miền Nam, trước mọi áp chế của giáo điều. Tư cách *Khilikhitô* sẽ là một viên gạch làm

móng cho nền dân chủ mai sau. Khi ông tố giác căn bệnh *trubacanis*<sup>2</sup>, dĩ nhiên là một lối chơi chửi độc ác đối với một cá nhân đồng đạo, nhưng cốt ý nhắm vào căn bệnh xu thời vị lợi, xã hội nào cũng có, nhưng đặc biệt nảy nở trong một xã hội chuyên chế thối nát. Trong *Nhật ký* có nhiều đoạn chơi chửi như vậy; Nguyễn Ngọc Lan có khuynh hướng lạm dụng sở trường của mình, đó là chửi yếu mà cũng là chửi mạnh, hấp dẫn người đọc. Thuý Kiều chỉ có thể nói "có tài mà cậy chi tài" khi đã gột rửa hết trần duyên ở sông Tiền Đường. Nguyễn Ngọc Lan còn hụp lặn giữa trần lụy thì phải chiến đấu bằng những vũ khí của mình. Biết vậy mà chúng ta vẫn tiếc cho tác giả còn năng nghiệp sân si, và chưa xứng đáng với câu kết lời tựa của nhà xuất bản: "Có lẽ nên đọc *Nhật ký Nguyễn Ngọc Lan* như đọc chúng từ của một sĩ phu Việt Nam ấp ú một linh hồn linh mục". Có lẽ, trong câu này, chỉ có hai chữ đầu câu là chân xác.

Tuy nhiên, bài tựa viết rất hay. Tiếc rằng những đoạn hay nhất thì không mấy liên quan đến tác phẩm, ví dụ về tình yêu: "nhà hiền triết định nghĩa ái tình: em là lý do tại ngoại của niềm hoan hỉ của hồn tôi" (tr. 9). Quê. Từ ái tình, chuyển sang mục vụ: "Đời tu cũng như đời tình (...) Tu cũng như tình, đâu có dừng lại ở tư cách hay chức vụ. Đó là một cuộc hoá thân". Để mà biện minh "Nguyễn Ngọc Lan xin thôi tư cách và chức vụ linh mục. Anh không từ bỏ tâm hồn linh mục" (tr. 9). Xin mách quý vị "chân tu" lời của Marguerite Duras, nghiện rượu và đã cai. Cô thôn nữ miệt Sa Đéc, tác giả truyện L'Amant, tuyên bố với báo *Le Nouvel Observateur* (ngày 24.5.1990): "Những kẻ nghiện rượu, khi bị cấm rượu, vẫn là những người nghiện thôi uống rượu". ("Tous les alcooliques empêchés de boire restent des alcooliques qui ne boivent plus"). Cùng một ý ấy, nhưng nhẹ.. *Khilikhitô* hơn. Nhẹ nhàng hơn.

Đặng Tiến  
21.2.1992

<sup>1</sup> Giá bán 85 FF. Có thể mua tại các nhà sách Sudestasie, Nhà Việt Nam (Paris 5), Khai Trí, Nam Á (Paris 13). Qua bưu điện: thêm 15 FF cuộc phí, ngân phiếu đề tên Đỗ Mạnh Tri, về địa chỉ: DO, 6 rue Chère Année, 94370 SUCY en BRIE.

<sup>2</sup> Ám chỉ linh mục Trương Bá Cẩn, tổng biên tập tuần báo Công giáo và Dân tộc. Đây chỉ là một trong nhiều ngôn từ độc ác mà tác giả dành cho nhiều đồng đạo: LM. Nguyễn Huy Lịch, Phan Khắc Tù... thậm chí Tổng giám mục Nguyễn Văn Bình. Đây là chuyện "anh em thù địch" hay là hiện tượng *Ivanov*? (chú thích của tòa soạn)

## Vườn mộ

(tiếp theo trang trước)

mộ như ý kiến trên đây là một bước đầu tìm lại cá tính Việt Nam. Dù trong lĩnh vực mồ mả hay trong đời sống của con người Việt Nam cũng phải từ đây không chịu một tí lệ thuộc nào của người ngoài mang đến.

"Ta về ta tắm ao ta".

Còn ở các nước khác, có rất nhiều người Việt Nam ở đó, lúc chết chôn mỗi người một nơi, ít ai đi lại thăm viếng và có nhiều khi bạn bè gia đình muốn đến thăm cũng chẳng biết đâu mà tìm. Vậy cho nên các nhóm Việt kiều nên tổ chức làm chung một vườn mộ như ý trên để hòng có người lui tới khỏi bị mất xác như tro như rác.

Tác phẩm vườn mộ Việt Nam kéo dài và quanh co cả nước, lại vượt biển qua các nước theo con người Việt Nam nên tôi tin rằng nó sẽ dài hơn Vạn lý trường thành và ý nghĩa, tình nghĩa lại sâu xa.

Paris 1991

# CON TRẦM ĐEN

Lão muôn tin rằng : những tai họa hành hạ lão là do lão phải chịu quả báo của tiền kiếp, lão chưa thể chết vì còn phải cứu chuộc tội lỗi, phải kiên nhẫn bày tỏ cho xong sự hối cải. Vâng, lão đã nhẫn nại, còn sẽ nhẫn nại. Nhưng xin Người, sao Người không cho con cái của Người vào một lúc nào đó được chứng kiến tội ác, hay sự lầm lỗi của nó trong kiếp trước, để con cái của Người ưa nước mắt cầu xin Người hãy trừng phạt thê thảm hơn. Rằng, hoặc Người bắt chúng chứng nghiệm sự thật quả báo ngay trong cuộc đời của mỗi đứa...lão uất nghẹn họng, đôi mắt chưa chịu chết hẳn như hai hốc rất sâu, từ đáy nó vẫn thot thóp sống và đau lại ghê gớm. Lão nén tiếng rên, úp đôi bàn tay lên mắt ngăn những giọt lệ trào ra nóng bỏng : “ Không, Người đã không công minh với con, con hờn oán Người...”.

Trước ngày ánh sáng vĩnh viễn tắt trong đôi mắt, lão đã từng hy vọng trong thời gian khả năng phục hồi thị lực được mở ra. Nhưng rồi bóng chiều ập xuống kéo dài, mười bận một ngày lão nâng đôi bàn tay trước mắt, nhận ra càng khó khăn hơn hình viền lờ mờ hai bàn tay. Lão đập đầu van lạy, khẩn cầu, nước mắt cạn kiệt, khuôn mặt khô héo vì tuyệt vọng. Lão phải cam phận, phải cố tin rằng : vợ chết, mù, loà, chỉ có thể là sự báo ứng của tiền kiếp. Tai họa ập xuống lúc lão đang gắng gượng hàn nốt mấy thanh thép cột trên tầng 5 ngôi nhà đang xây. Lão vừa nuốt xong cái bánh mì lắn vô vàn bụi cát công trường. Một bữa tối hút khô dịch vị, khiến

lão thèm húp một hơi hết bát canh cá chua nấu dọc mùng, rồi được ngâm mình dưới nước hồ khoan khoái nhặn nước thẩm thấu qua từng tế bào, nước làm trương và ú đầy cơ thể. Được phục hồi sau cả một ngày bị thiêu đốt trong nắng tháng 7, cùng với sức nóng toả từ những ngọn lửa hàn đã hút kiệt nước trong người lão. Giá vợ lão còn sống, để lão được sống

như một người bình thường bồn chồn cảm nhận sự chờ đợi của ai đó, và cũng khắc khoải chờ đợi một ai đó. Còn lúc này chỉ có những ánh lửa hàn, những lăn roi điện quất lèn bầu trời nhau nát như cái đũng quần

dàn bà... Đó là tất cả những gì rõ nét còn lưu lại trong ký ức trước giây lát lão gấp tai nạn. Hôm đó đứa cháu nội cũng lọt lòng, một kẻ vừa chui khỏi bóng tối, một người rơi vào đêm đen.

Lão thuộc đường di chuyển trong nhà mà không va vấp, làm đổ vỡ dù một cái chén uống nước đứng sát mép bàn. Âu cũng là sự khác biệt đáng憾 diện của chúng ta, những người có nguyên vẹn đôi mắt sáng luôn qua cái gương quan sát định kỳ bản thân, chẳng cần tìm cách thích nghi với không gian nhỏ bé của ngôi nhà mình. Đáng憾 diện hơn nữa là, vào những dịp có thể chúng ta còn từ vị trí nào đó xét được rằng nơi ta sinh sống, nhỏ bé, cũ kỹ, hay to lớn trong tương quan với những ngôi nhà hàng xóm. Còn lão mù phải học cả cách chăm sóc đứa cháu nội, thăm bằng mũi và tay lúc nó đái, ỉa, tính sao để thằng cháu chưa biết nói có thể dở trúng thia thức ăn do lão bón... Một hôm nó giẫy đạp trong vòng tay lão, ưỡn cong người đòi chơi, lão quờ quạng tìm một đồ vật trên giường để dỗ cháu. Thằng bé không chịu vùng vẫy hắt đi, nhưng chẳng khóc, nó vươn người hướng về phía cửa sổ. Lão

*truyện ngắn*  
**TRẦN TRUNG CHÍNH**

chú ý, hờ nghĩ, chợt hiểu những tiếng chim réo rất ngoài phố đang lôi cuốn nó, nhưng không phải những âm thanh do bầy chim nào đồng thanh hót. Lão nhớ ra một năm mươi bận có người đàn ông vẫn đến phố này bán những con chim bằng gỗ, ông ta mỗi mét ngồi trên hè phố, kiên nhẫn thổi con chim gỗ chứa nước trong bụng, gọi bầy trẻ đến vây quanh mỗi lúc thêm đông. Bầy trẻ con của phố ngậm những con chim gỗ đua nhau rúc khắp mọi nhà. Những ngày đó tiếng chim gỗ reo từ ban mai, có thể làm ai đó giật

mình nhở ra rằng thành phố này đã từng có những con chim chuyền dưới các tán lá xanh. Tiếng chim đánh thức một cách khiên cưỡng những câu chuyện cổ tích lỗi thời. Những con chim gỗ sống sót, được tha thứ, do chúng không giành thức ăn với người và chúng đủ khôn để chẳng chịu hẫu rượu một ai cả. Lão vụng về vót nan dan lồng, mua chim, bây giờ đứa cháu nội của lão đã nhìn thấy một con chim lông vàng biết nhảy, biết chồ thằng bé vào một câu chuyện cổ tích nào đó mà người lớn vẫn hành hạ trí tưởng tượng của bọn trẻ. Lão sẽ đưa nó đi thăm vườn bách thú xem những con chim to sống ở lồng to, chim nhỏ sống ở lồng nhỏ. Liệu lão phải giải thích ra sao về bọn chim ấy với đôi mắt dã loà, cái khó là phải giải thích tại sao chúng bị nhốt, nếu thả chúng sẽ bay mất vì sợ người ? Không, người sợ chúng cháu ạ. Chúng có thể mổ mắt chúng ta như đã mổ mắt ông. Nói dối phải tội, có thể bị mù lần nữa. Thời vậy, lão thở dài, tới lúc đó hãy hay, bọn trẻ lớn lên ngoài sự giải thích của người già.

Khi thằng bé đã lâm chấn di được, nó chẳng chịu nép sau lão mỗi khi lão rờ rẫm cho chim ăn, nó đứng vào cái tầm mà con chim không mổ mắt nó được.

Đã gần mươi năm lão phải sống cảnh vợ goá con côi, từ năm lão chưa đến sáu mươi, chưa vào tuổi luôn mong ước được người ta chôn mình, đừng bắt mình chôn người ta. Trời đưa bà ấy đi nhanh quá, không đợi làm hết buổi về nhà để vợ chồng dặn dò nhau. Lão chải đầu, vuốt và vắn lại những sợi tóc đen trộn bạc vương lơi ra ngoài khăn, lão giăng co, gạt mọi người ra để cho lão ngồi bên bà, cầm lấy bàn tay bà đã buốt như sương, gắt lên với bà : “ Bà đừng dậy sớm nấu nướng lich kich, tôi ăn thế nào cũng được ”... kể lể chuyện giỗ chạp, tết lễ nào cũng giận bà việc bếp núc, “ người ta sống không cốt ở cái ăn, cốt ở cái vui, sao bà chẳng chịu hiểu ”. Hàng tháng sau đó, lúc hai cha con ngồi bên mâm cơm, lão vẫn đợi bà xới cơm cho lão, lão bảo với thằng con : “ Mày cứ ăn rồi đi việc mày ”. Lão ngồi đợi vợ cùng ăn bữa tối, vật mình hòn trách bà bỏ lão, rồi lại yên lặng ôm cái cõi trầu của bà để lại. Lão chọn lá trầu, bổ cau, cắt vỏ, nêm vôi, tẩm trầu cho vợ... lão lên giường trăn trở sao cho có thể đặt mình đúng vị trí bà ấy nằm trước lúc nhập quan. Lão buông xuôi tay, mắt mở trừng trừng đợi bà về đưa lão cùng đi. Căn nhà tối om, chuột, mèo chí chóe giành nhau khúc cá kho trong mâm xô đổ bát dĩa. Lão gương dậy bê mâm dọn dẹp.

Từ dạo con trai lão lấy vợ, nó đóng lại cho lão cái bàn thờ, kê cái chồng tre dưới đó. Lão để cho vợ chồng nó và đứa cháu dùng cái giường đôi cũ của vợ chồng lão. Cái giường ấy mènh mông quá và thời gian đổi với người mù như dài hơn, được

xác định bởi diễn biến âm thanh chỉ đến khi về đêm mới tắt dần. Lão rất khó ngủ với đôi mắt loà, nó là hai hòn than còn âm ỉ cháy. Những khi tiếng động lảng xuồng, đôi mắt lại nóng và chói lên, còn giấc ngủ trong tiếng động ngắn, bỗng bennie, không sâu. Lão thắc thòm sợ có đêm nào bà về không có chỗ ngủ, chợt nghĩ thế lại nhởn dậy với tay tìm coi trầu, lão ngồi dựa lưng vào vách thầm thì : “ Bà ghé về ngồi tạm với tôi vậy, tôi lừa một miếng trầu tém ngắn mời bà đây... ”. Cuối buồng thằng con trai cùng con vợ hành hạ cái giường từ chập tối giờ đã say giấc, đưa con dâu rên rẩm trong mơ. Lão lập cập nhấc cái ống nhổ lên mặt chõng, bà ấy sạch lấm, dây tí quết trầu cũng phải lau kỹ càng. Đêm nay chuyển trời, gió quá, trẻ nhà ai khóc ngần ngặt, đưa cháu lão quật chân thình thịch xuống giường và có tiếng người mẹ trẻ ngái ngủ hát ru rầu rĩ.

Vợ chồng thấy nhau già phải qua cái sự thề nào đó, giống như ta bỗng nghe tiếng con mọt cắn thang giường mới biết nó đang cũ trước mắt ta. “ Giả biết sớm tôi sẽ ngắm bà luôn, năm nào nhỉ ? ” lão thấy bà đã gội đầu, tết mớ tóc rất nhiều sợi bạc trong hong gió, cả nạm tóc rối cũng thế. Hương hạt mùi quanh quất, bà cười để lão không ngượng ngập luồn tay vào mình, giúp lão nâng cảm xúc của mình và giữ nó không quá nôn nao. Bà lau những giọt mồ hôi trên mặt lão, gương xoay xở để lão nghỉ thở hổn hển. Bà làm cho lão tin vào sức khỏe dai của lão, còn có thể hái, hưởng những búp non tận ngọn cây cổ thụ. “ Chúng mình chưa già phải không bà ? ”, bà cười thoảng chút xót ruột gật đầu. Lão vẫn đoán ra mắng yêu bà là “ con lợn đất ”, những đồng tiền trót bỏ vào đấy phải có meo mới khều ra được, hoạ có mà đập vỡ nó, nhưng làm sao có thể đập được, lão xiết bà vào lòng. Lúc nào cũng dè sén, dè sén cả một đời người, bà lại cười bóc múi cam đưa vào miệng lão, dùng dao lang mỏng phần cùi để bà ăn cho thơm miệng. Bà dỗ dành..., vuốt và gãi đầu lão nhẹ nhàng : “ Ông ngủ sớm lấy sức đi làm nuôi mẹ con tôi ”. Không riêng lão, những thằng đàn ông chẳng bao giờ chịu ngắm vợ nó lúc còn sống, mặc dầu khá hay quan tâm đến vợ bạn, chẳng để làm gì sất, chẳng mưu mô gì, nhưng chúng cứ săm soi mọi thứ bên ngoài nhà chúng. Lão thấy dối, rờ rẫm mở chan lấp cái bát chiết yêu đựng cơm phần lão, mồ mảm nhai nhỏ nhẹ với muối vừng, vừa ăn vừa xoay chầm chậm cái bát trong lòng bàn tay. Những hình trang trí gọn trong tay lão, cái bát bà ấy sắm, vẽ dôi cá một đèn, một vàng bơi đuổi nhau giữ khoảng cách bơi mấy cụm rong nước. Hai con cá tựa vào vòng tròn sít chẳng bao giờ bắt gặp nhau, nhưng chúng không biết điều đó và chưa đánh mất hy vọng tìm kiếm nhau. Lão bật cười nhởn lại bà ấy thường

khoe với mọi người tài câu cá của lão : “ Ông nhà tôi sát cá lắm, ngồi trên mái nhà cũng giật được cá ”. “ Sao lại không ? Lão sẽ cõng đưa cháu leo lên mái, tới tận lớp ngói bồ trên xà nóc, sẽ buông cần câu ra ngoài khoảng không. Chỉ cần trăng thật thanh, gió rười rượi đưa bà về xem ông cháu tôi giật một con trắm đen ”. Lão lẩm bẩm, thiếp đi. Ngoài trời, rạng đông đang tới, tiếng thằng cháu gọi lanh lanh : “ Ông ơi ! Bố mẹ cháu ngủ cởi truồng này ”.

\*

Định hướng của người mù giống như định hướng của loài thảo mộc, chậm chạp ra lá đơm hoa, nhẫn耐 hướng về phía có ánh sáng, dấu mọi thay đổi của thời gian, tiết, mùa đang diễn ra khắc nghiệt. Cuộc chuyển dịch lảng lẽ, không lạc hướng do mọi thứ ánh sáng tạm thời, hoặc nhân tạo cảm dỗ. Và như thế sự vận động được

chuẩn bị từ bộ rễ, phần nền móng cấu trúc. Mỗi khi lão khua tay tìm lối, đôi chân được chỉ định đồng thời bước chân dò dẫm, tư thế của người tiến vào bóng tối. Lão hít sâu, thở chậm và lắng nghe, cảm nhận rõ làn không khí bồi hồi như những lớp sóng nằm ngang, lắng nghe mọi tiếng động vỡ ra có chiều nan quạt. Tiếng sỏi đá trôi dưới bàn chân, tiếng nước vỗ ốc ách ngập ngừng phía trước, mặt hồ đang hút mọi âm thanh ồn à vào lòng bể lọc, buộc những tiếng động thô nặng chìm xuống. Gió chạy len qua từng khe lá cuốn dâng mùi cỏ; đất lạnh ẩm, gió thu bốc từ ngoài hồ nữa, gió chêch bắc mát khô. Lão thèm nhìn thấy một chút mây trên bầu trời, giá mây chỉ gọn và câm như vân sa thạch. Lão ngồi chồm bờ nước, dòng cần đưa được hòn gạch mồi vào tầm sét thả. Lưỡi câu cách bờ chừng năm mét rưỡi. Hòn gạch mồi, lão nghĩ đến nó vừa chua chát vừa đắc thắng, đó là



Minh họa : Tuấn Hoàng

lối câu của thằng ăn mày. Những thằng không chịu để con cá chết một cách dàng hoảng, nghĩa là những con cá được chén một cái gì đó trước khi chết, chết khi đớp xong con mồi quá đẽ dàng chẳng hạn. Nhất là bọn trắm đen, lão có thể nghe chúng nhai vỡ những con ốc nằm trong bùn như người ta nghiền sỏi. Dũng mãnh như chúng, do quá cả tin mà chịu chết, trời ạ ! Nếu bà ấy còn sống, bà ấy sẽ dụ chúng bằng món thính rang cho vừa hồi đến người cũng thèm rõ rã. Sao có thể cưỡng được nếu bà ấy muốn, lão đã từng đứa rằng : " Nếu bà ngồi bên, lão sẽ giật được mười con trắm đực trong một phút ". Con lợn đất của lão sống chuồng rồi, chẳng còn mèo nào có thể khều từ bụng nó lấy vài đồng bạc, dọn một bữa tử tế mồi bọn cá. Nhưng dấu sao đó là hòn gạch mồi chưa quá đậm bạc, thằng cháu đào giun để lão rang trên hòn gạch nướng trong lửa, tanh tưởi thảm vào tận ruột gạch. Một con cá gỗ còn làm mặn mồm những kẻ hèn tiện, và bây giờ trong số những kẻ hèn tiện, có kẻ lại cho bọn cá tham ăn chẳng bao giờ chén nổi hòn gạch. Lão buồn bã, già đứng nghĩ đến chuyện đó.

– Ông ơi ! Cá đến đấy !

Thằng cháu nhìn thấy những hạt tăm sủi trên lưỡi sóng. Lão đã biết, chúng đang lao như ngư lôi vào bờ, chỉ loài tạp ăn mới mạnh mẽ như thế. Lão gương nâng cần lên một chút, sóng có thể đẩy bộ chùm sáu lưỡi vật vờ, lớp bùn mịn mát như sa mỏng ngầu lên nguy trang vũ khí của lão. Mỗi khi lão tập trung chú ý cơ hồ cánh tay cầm cần câu rung rung, cánh tay trở nên yếu và nhẹ. Toàn bộ dụng cụ câu lại nặng trĩu trong thế chống chênh, có thể ví như thế nặng của cái cân tiểu li, đến mỗi một con cá lượn nhanh quanh bộ lưỡi câu tạo ra những vòng sóng nặng sâu, cảm ứng đó lan truyền tới cánh tay lão hơi tê, buồn. " Bà ơi ! Tôi sẽ kéo lên một con cá mà chẳng đĩa, мам nào đáng cho nó, phải cái chiểu điệu bà ạ, một con cá đáng kể phải được nằm thở trên chiếc chiểu điệu. Nó sẽ làm bà giật mình, con cá có bộ xương như đàn ăng-ten lớn nhất, miệng nó ngậm một bồ hồng thấm, con cá xứng đáng trong ngày giỗ của bà ".

Lão mong bộ lưỡi câu đừng đánh cạnh, chỉ mắc vào thân con cá, gãi mình cho nó, cố gắng hoá ra chỉ để nhặt một cái vẩy. Cánh tay rung và lão tràn trề hung phấn. Chạm rồi, dây câu chọt căng riết nhói bàn tay lão. Đứa cháu đứng sau lưng ông hoảng hốt nhìn con cá vùng khỏi mặt nước, cái đầu nó to như cái nồi, giường cặp mắt thao láo, cặp môi đỏ như môi người đàn bà ăn trầu. Nó thét lên :

– Con cá to lắm, ông ơi !

Lão biết, con cá đã bị mắc lưỡi câu nhao khỏi mặt nước, giây phút lão vẫn gọi

là được xem mặt cô dâu, và bây giờ nó bắt đầu chạy trốn. Lão hối hả thả dây câu, không kịp mất, dây chạy siết trong tay lão bỗng rất muôn bốc khói. Dây trôi vun vút, chập một tích tắc sẽ đứt dây câu, lão đang gấp một đối thủ phi thường thừa sức kéo lão xuống đáy hồ, lão phải dẻo dai chơi với nó, phải chờ nó đuối sức. Dây đã đi gần một trăm mét, lão kinh sợ nhân thấy tốc độ của con cá càng thêm dữ dội, bàn tay lão cầm dây nhôp nháp máu. Con cá chuyển hướng chạy chữ chi, sức căng giảm đỡ ở mỗi vòng ngoặt của nó, chớp lấy khoảnh khắc ấy, lão thu dây, mong sao nó dừng quay trở lại bờ để rúc vào các hang hốc, những chỗ rậm rạp hòng phát đứt dây câu của lão. Tay lão tê liệt, nhức nhối, giá được thư duỗi mấy ngón tay mất hết cảm giác. Nhưng con cá lại điên cuồng lao thẳng bỏ lối phóng chữ chi không thành công, ba lưỡi câu ngạnh tụt sâu vào cổ làm nó đau đến mờ mắt, bây giờ nó rúc thẳng xuống đáy, nghỉ trong lớp bùn, xác định lại hướng nào sẽ vùng lên lần nữa. Lão hất tay cuốn dây, cả đời câu chưa bao giờ lão sung sướng như thế, sung sướng được chờ cuộc giằng co tức khắc tiếp tục, sung sướng quăng đi cái cần câu hết tác dụng, lão sẽ đương với nó bằng đôi bàn tay không khéo như bộ rễ cây. " Nào con ơi ! chạy đi ! ". Lão gào vang mặt hồ đúng lúc nó cất mình khỏi lớp bùn băng băng lao sát mặt nước. Lão lại bung và ghìm dây xuống, ngâm đôi bàn tay đau đớn vào nước... lão đang sử dụng tối những mét dây cuối cùng, không còn hy vọng con cá đuối sức. Hóng rồi, bà ấy sẽ bảo lão thua con cá vì tuổi tác. Sự suy yếu của cơ thể con người không chịu bộc lộ tuần tự, có thiện chí giúp chúng ta bồi khuyết chỗ yếu kém, dù chừng những ham muốn thái quá. Cái cơ thể lão, lão nghĩ nó đối xử với lão như một thằng bạn xấu. Thằng bạn chẳng răn đe gì hết, dùng một cái nó đặt lão trước một sự đă rồi. Vợ chồng già nằm bên nhau không nhất thiết như bọn trẻ, nhầm bày tỏ một cái gì đó, cái ấy thường chẳng tình cảm lắm đâu. Tình cảm gì mà rời nhau ra là cả hai ngay như sấm, đứa cuộn hết chăn, đứa nằm tro ngủ lạnh. Lão nhớ lão hay trần trọc rất lâu sau đó, tay vẫn nắm chặt bàn tay bà khô ráp, đã yên tâm nghe thấy bà thở đều, bàn tay bà nới lỏng trong tay lão, lão thở dài khẽ khàng xây lung lại. Lão ngạc nhiên khi những ngón tay bà chọt linh động vuốt tóc lão gọn ghẽ và tiếng bà trong như dương ban ngày : " Ông ngủ đi ! ngủ đi ! ". Thế là cả hai lại không ngủ được, còn hơn cả sự khao khát, bồn chồn, luyến tiếc, là dòng sông chở mãi chẳng hết nước. Lão thấy mình to lớn, cường tráng và đau đớn, cái thân xác già yếu không chứa nổi lão, không thể hiện, không diễn đạt, không bền vững như lão tưởng, nó suy thoái nhanh, nó thua lão, xấu hổ với đôi bờ vai nhỏ nhắn, cái cổ

mảnh như bông huệ của bà. Lão không còn ghen với những người đàn ông bà đã gặp gỡ trước lão, bà có thể bình tĩnh kể khi lão muốn nghe, bà nằm mềm mại trong vòng tay lão. Những câu chuyện chẳng nhức nhối, chỉ làm lão thoảng sơ thay cho bà, như những sự kiện buồn vui trong hành trình cô đơn của bà. Có những chi tiết lão hoài nghi, hình như nó được rút ra do bà đã lùi xa để nhận định về nó, giữ phần bao dung cho bà, chua xót cho bà. Nói cho đúng lão thoảng buồn cho cả hai, bởi những con đường quanh co của số phận, những con đường không sao nhận thức được vừa phóng túng vừa nghiêm ngặt và lầm lạc. Lão cố nhẫn耐, gợi mở giúp bà có được tâm trạng yên tâm phơi bày những phần sâu kín của bà. Lão buồn đến thắt lòng khi nhận thấy ngoài vị cay đắng, còn vị ngọt ngào của những kí ức trên chót lưỡi người kể chuyện. Ánh sáng dĩ vãng của bà bao giờ cũng làm ấm lấp tê tái trái tim lão. Lão lén lau những giọt nước mắt hạnh phúc đồng thời đau khổ khủng khiếp, lão giật mình cùng lúc nhìn thấy những giọt lệ trào ra từ khoé mắt bà. Lão biết mình đã đủ sức chối từ tất cả, chối từ cuộc sống xiết bao sung sướng và lo lắng này.

Thằng bé sợ hãi nhìn ông nó bị con cá kéo đi, nước đã lên tới ngực ông, ông nô nức chối với nâng đôi bàn tay bết máu trên mặt nước. Nó nức nở :

– Ông ơi ! Về nhà thôi, sắp tối rồi.

Lão đuổi kịp con cá, lão chẳng tin đã bơi kịp nó, mà nó đợi lão, nó biết lão quyết theo nó, lão lần theo sợi dây cước lặn xuống, hai bàn tay lão áp lên thân nó nhôp trơn như vách đá cổ. Lão đẩy nó từ từ lên mặt nước, nghe thấy tiếng đứa cháu gọi xa xăm như tiếng xa vọng.

– Ông ơi ! Về thôi.

– Ông đây ! Lão cố gào lên đáp lại, chưa đứt tiếng, con cá lẹ làng trườn khỏi tay lão, thúc đầu vào ngực lão, ép lão quay tròn và cũng nhẹ nhàng như thế nó quăng đuôi quật vào mặt lão một cú chí tử. Lão chìm như cái lá rơi xuống đáy hồ, hai chân thụt sâu trong bùn, lão vãi rái ra nước nóng hai bên bụn, cuống cuồng khua tay nhào lên gấp những búi rong như tóc đàn bà quấn riết lấy đôi cánh tay. Không đời nào, lão hít một hơi sâu lặn đuổi theo con cá, lão ráo riết quấn thu dây câu bằng khuỷu tay. Nỗi thèm muốn dậy lên tức ngực, lão nhận ra ý muốn đó từ nụ cười mê mải của bà ấy thách thức lão. Lão sẽ trôi lên là một người đàn ông xứng đáng nhất, người có khả năng xoá sạch mọi trăn trở, nhắc nhớ quá khứ trong cuộc đời người vợ quá cố.

Về nhà thôi ông ơi ! Tối rồi.

Tối rồi, về thôi ông ơi... ơi...

Hà Nội, 10.1990  
Trần Trung Chính